

DocuPrint P275 dw  
DocuPrint P285 dw  
Hướng dẫn sử dụng trực tuyến

## Mục lục

<b>Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox .....</b>	<b>1</b>
Định nghĩa các mục lưu ý .....	2
Các nhãn hiệu .....	3
Lưu ý quan trọng .....	4
<b>Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn .....</b>	<b>5</b>
Tổng quan về bảng điều khiển .....	6
Truy cập Fuji Xerox Utilities (Windows®) .....	8
Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Fuji Xerox (Windows®) .....	10
<b>Xử lý giấy .....</b>	<b>11</b>
Nạp giấy .....	12
Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy .....	13
Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP) .....	16
Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay .....	23
Thiết đặt giấy .....	29
Thay đổi khổ giấy và loại giấy .....	30
Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy .....	31
Vùng không thể in .....	32
Sử dụng giấy đặc biệt .....	33
<b>In .....</b>	<b>34</b>
In từ máy tính của bạn (Windows®) .....	35
In tài liệu (Windows®) .....	36
Cài đặt in (Windows®) .....	38
Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows®) .....	42
In tài liệu bằng cách sử dụng Trình điều khiển máy in mô phỏng PS3 (Mô phỏng ngôn ngữ PostScript® 3™) (Windows®) .....	43
Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows®) .....	44
In từ máy tính của bạn (Mac) .....	45
In tài liệu (Mac) .....	46
Tuỳ chọn in (Mac) .....	47
Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Mac) .....	52
Hủy tác vụ in .....	54
In thử .....	55
<b>Xử lý sự cố .....</b>	<b>56</b>
Thông báo lỗi và bảo trì (DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw) .....	57
Kẹt giấy .....	60
Giấy bị kẹt trong khay giấy .....	61
Giấy bị kẹt trong khay MP .....	62
Giấy bị kẹt ở phía sau máy .....	63
Giấy bị kẹt bên trong máy .....	65
Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt .....	67
Vấn đề khi in .....	69
Cải thiện chất lượng in .....	72
Vấn đề về mạng .....	78
Thông báo lỗi .....	79








Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Fuji Xerox ở đâu? .....	80
Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây .....	81
Máy Fuji Xerox của tôi không thể in qua mạng .....	82
Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không. ....	83
Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google.....	84
Các vấn đề về AirPrint .....	85
Các vấn đề khác .....	86
Thông tin về máy.....	88
Kiểm tra số sê-ri .....	89
Kiểm tra phiên bản firmware .....	90
Tổng quan về Chức năng Đặt lại .....	91
Thiết đặt lại máy Fuji Xerox của bạn .....	92
<b>Bảo trì thường lệ.....</b>	<b>93</b>
Thay thế vật tư. ....	94
Thay Hộp mực.....	96
Thay Bộ trống mực.....	99
Vệ sinh máy .....	101
Vệ sinh Dây Corona .....	103
Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đếm mực của trống mực.....	105
Vệ sinh trục cuộn lấy giấy .....	108
Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận.....	109
<b>Thiết đặt máy .....</b>	<b>110</b>
Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển .....	111
Thiết đặt chung.....	112
Bảng menu (đối với Model màn hình LCD).....	119
Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn .....	128
Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web .....	129
<b>Phục lục .....</b>	<b>133</b>
Thông số kỹ thuật.....	134
Cách nhập văn bản trên máy Fuji Xerox của bạn .....	139
Vật tư .....	140
Liên hệ Fuji Xerox .....	141

## **Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox**

- Định nghĩa các mục lưu ý
- Các nhãn hiệu
- Lưu ý quan trọng

## Định nghĩa các mục lưu ý

Chúng tôi sử dụng các ký hiệu và quy ước sau xuyên suốt Hướng dẫn sử dụng này:

 <b>CẢNH BÁO</b>	CẢNH BÁO cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến chết người hoặc thương tích nghiêm trọng.
 <b>THẬN TRỌNG</b>	THẬN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc ít nghiêm trọng.
<b>QUAN TRỌNG</b>	QUAN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thiệt hại cho tài sản hoặc hỏng chức năng sản phẩm.
<b>LƯU Ý</b>	LƯU Ý quy định môi trường hoạt động, điều kiện lắp đặt hoặc điều kiện sử dụng đặc biệt.
	Các biểu tượng gợi ý sẽ chỉ ra những gợi ý hữu ích và thông tin bổ sung.
	Biểu tượng Nguy hiểm điện cảnh báo bạn về khả năng bị điện giật.
	Biểu tượng Nguy hiểm hỏa hoạn cảnh báo bạn về nguy cơ hỏa hoạn.
	Biểu tượng Bề mặt nóng cảnh báo bạn không được chạm vào bộ phận máy đang nóng.
	Biểu tượng Cấm cho biết hành động mà bạn không được thực hiện.
<b>In đậm</b>	Chữ in đậm xác định các nút trên bảng điều khiển của máy hoặc màn hình máy tính.
<i>In nghiêng</i>	Chữ in nghiêng nhấn mạnh điểm quan trọng hoặc giới thiệu với bạn chủ đề liên quan.
Courier New	Phông chữ Courier New xác định thông báo hiển thị trên màn hình LCD của máy.



### Thông tin liên quan

- Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox

## Các nhãn hiệu

Microsoft, Windows, Windows Server và Internet Explorer là các nhãn hiệu đăng ký hoặc nhãn hiệu của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Apple, Mac, Safari, AirPrint, AirPrint logo, iPad, iPhone và iPod touch là các nhãn hiệu của Apple Inc., đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

macOS là nhãn hiệu của Apple Inc.

App Store là nhãn dịch vụ sửa chữa của Apple Inc.

PostScript và PostScript 3 là các nhãn hiệu đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Android, Gmail, Google Cloud Print, Google Drive, Google Chrome, Chrome OS và Google Play là các nhãn hiệu của Google Inc. Việc sử dụng các nhãn hiệu này phải tuân theo Giấy phép của Google.

Tất cả các tên sản phẩm/nhãn hiệu là nhãn hiệu thương mại hoặc nhãn hiệu thương mại đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

(Các) hình ảnh chụp màn hình về sản phẩm của Microsoft được in trước với sự cho phép của Microsoft Corporation.

Xerox, Xerox và Design, cũng như Fuji Xerox và Design là các nhãn hiệu thương mại đã đăng ký hoặc nhãn hiệu thương mại của Xerox Corporation tại Nhật Bản và/hoặc các quốc gia khác.



### Thông tin liên quan

- [Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox](#)

## Lưu ý quan trọng

- Không sử dụng sản phẩm này bên ngoài quốc gia mua máy vì điều này có thể vi phạm quy định về viễn thông và truyền điện không dây của quốc gia đó.
- Một số model không sẵn có ở một số quốc gia.
- Windows® 10 trong tài liệu này đại diện cho Windows® 10 Home, Windows® 10 Pro, Windows® 10 Education và Windows® 10 Enterprise.
- Windows Server® 2008 trong tài liệu này đại diện cho Windows Server® 2008 và Windows Server® 2008 R2.
- Các màn hình trong Hướng dẫn Sử dụng này chỉ nhằm mục đích minh họa và có thể khác với màn hình thực tế.
- Màn hình trong sách hướng dẫn sử dụng này được lấy từ Windows® 7 và macOS v10.11.x. Màn hình trên máy tính của bạn có thể thay đổi tùy theo hệ điều hành của bạn.
- Nội dung của hướng dẫn này và các thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể thay đổi mà không báo trước.
- Không phải tất cả tính năng đều khả dụng ở các quốc gia có áp dụng hạn chế xuất dữ liệu.



### Thông tin liên quan

- [Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox](#)

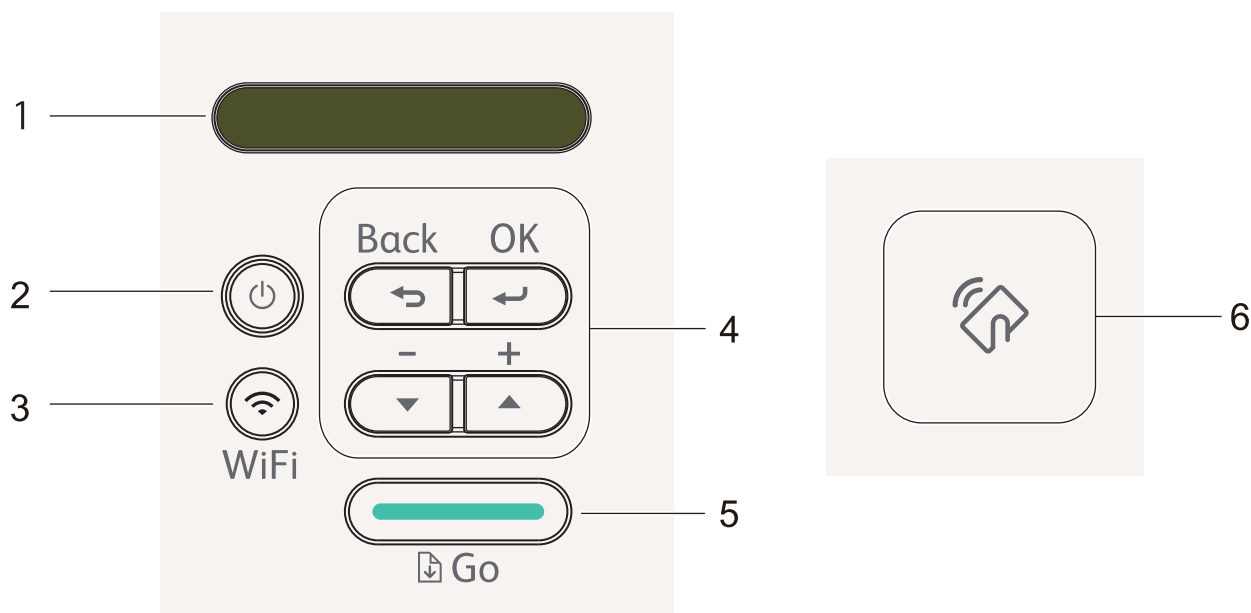
## **Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn**

- [Tổng quan về bảng điều khiển](#)
- [Truy cập Fuji Xerox Utilities \(Windows®\)](#)



## Tổng quan về bảng điều khiển

Bảng điều khiển sẽ thay đổi tùy theo model của bạn.



### 1. LCD (Màn hình Tinh thể Lỏng)



Hiển thị thông báo để giúp bạn cài đặt và sử dụng máy của mình.

DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw:

Chỉ báo bốn mức hiển thị cường độ tín hiệu wifi nếu bạn đang sử dụng kết nối wifi.



### 2. Nút Bật/Tắt nguồn

- Bật máy bằng cách bấm .
- Tắt máy bằng cách bấm và giữ . Màn hình LCD hiển thị [Shutting Down (Đang tắt máy)] trong vài giây trước khi tắt.

### 3. Nút mạng

- DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw:



Bấm nút **Wi-Fi** rồi cho chạy trình cài đặt không dây trên máy tính của bạn. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt kết nối không dây giữa máy và mạng của bạn.

Khi đèn **Wi-Fi** bật nghĩa là máy Fuji Xerox của bạn được kết nối với điểm truy cập không dây. Khi đèn **Wi-Fi** nhấp nháy nghĩa là kết nối không dây yếu hoặc máy của bạn đang trong quá trình kết nối với điểm truy cập không dây.

### 4. Nút menu

#### OK

Nhấn để lưu cài đặt máy. Sau khi bạn thay đổi cài đặt, máy trở lại trình menu trước đó.

#### Back (Quay lại)

- Bấm để trở lại một cấp trong menu.
- Bấm để chọn chữ số trước đó khi cài đặt số.

---

#### ▲ hoặc ▼ ( + hoặc -)

- Bấm để cuộn qua menu và tùy chọn.
- Bấm để nhập số hoặc để tăng hoặc giảm số. Nhấn và giữ ▲ hoặc ▼ để cuộn nhanh hơn. Khi bạn thấy số mà bạn muốn, bấm **OK**.

#### 5. Go (Vào) Nút

- Bấm để xóa thông báo lỗi nhất định. Để xóa tất cả các lỗi khác, hãy làm theo hướng dẫn trên bảng điều khiển.
- Bấm để in bất kỳ dữ liệu nào còn lại trong bộ nhớ của máy.
- Bấm để chọn tùy chọn được hiển thị. Sau khi bạn thay đổi thiết đặt, máy trở lại Chế độ Sẵn sàng.
- Bấm và giữ **Go (Vào)** trong khoảng 2 giây để hủy công việc in.

#### 6. Giao tiếp tầm gần (NFC)

Nếu thiết bị Android™ của bạn hỗ trợ tính năng NFC, bạn có thể in từ thiết bị của bạn bằng cách chạm vào biểu tượng NFC trên bảng điều khiển.



#### Thông tin liên quan

- [Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn](#)
-

## Truy cập Fuji Xerox Utilities (Windows®)


**Fuji Xerox Utilities** là trình khởi chạy ứng dụng giúp bạn truy cập một cách tiện lợi vào tất cả các ứng dụng của Fuji Xerox được cài đặt trên máy tính của bạn.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:


- (Windows® 7, Windows Server® 2008 và Windows Server® 2008 R2)


Bấm  (**Start**) (**Bắt đầu**) > **Tất cả các chương trình** > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.

- (Windows® 8 và Windows Server® 2012)

Chạm hoặc bấm  (**Fuji Xerox Utilities**) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.

- (Windows® 8.1 và Windows Server® 2012 R2)

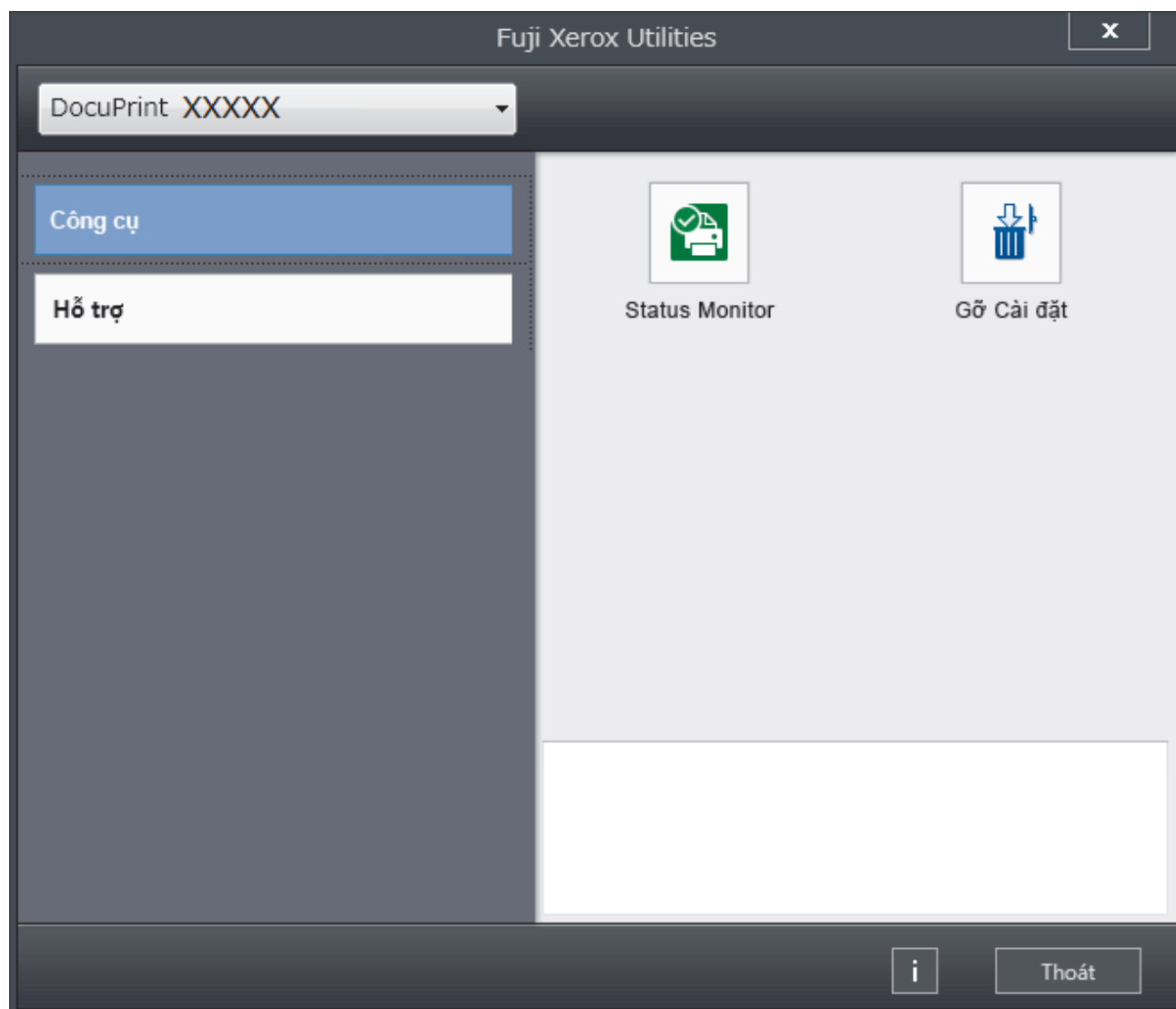
Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).

Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc bấm  (**Fuji Xerox Utilities**).

- (Windows® 10 và Windows Server® 2016)

Nhấp vào  > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.

2. Chọn máy của bạn (trong đó XXXXX là tên model của bạn).








3. Chọn thao tác bạn muốn sử dụng.



## Thông tin liên quan

- Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn
- Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Fuji Xerox (Windows®)

## Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Fuji Xerox (Windows®)

- Thực hiện một trong các thao tác sau:
  - (Windows® 7, Windows Server® 2008 và Windows Server® 2008 R2)  
Bấm  (**Start**) (**Bắt đầu**) > **Tất cả các chương trình** > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.
  - (Windows® 8 và Windows Server® 2012)  
Chạm hoặc bấm  (**Fuji Xerox Utilities**) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.
  - (Windows® 8.1 và Windows Server® 2012 R2)  
Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).  
Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc bấm  (**Fuji Xerox Utilities**).
  - (Windows® 10 và Windows Server® 2016)  
Nhấp vào  > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.
- Nhấp vào danh sách thả xuống, rồi chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Nhấp vào **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi nhấp vào **Gỡ Cài đặt**.  
Thực hiện theo các hướng dẫn trong hộp thoại để gỡ cài đặt phần mềm và các trình điều khiển.



### Thông tin liên quan

- [Truy cập Fuji Xerox Utilities \(Windows®\)](#)

## Xử lý giấy

- [Nạp giấy](#)
- [Thiết đặt giấy](#)
- [Vùng không thể in](#)
- [Sử dụng giấy đặc biệt](#)

## **Nạp giấy**

- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy](#)
- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng \(Khay MP\)](#)
- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)

## **Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy**

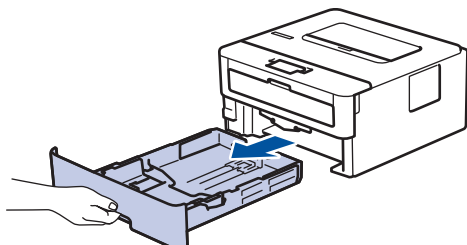
- [Nạp giấy vào Khay Giấy](#)



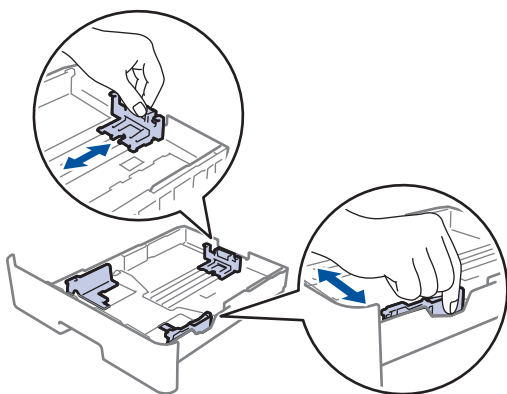
## Nạp giấy vào Khay Giấy


- Nếu thiết đặt Kiểm tra Khổ giấy được đặt thành Bật và bạn kéo khay giấy ra khỏi máy, một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình LCD hỏi xem liệu bạn có muốn thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không. Thay đổi thiết đặt khổ giấy và loại giấy nếu cần, thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình LCD.
- Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

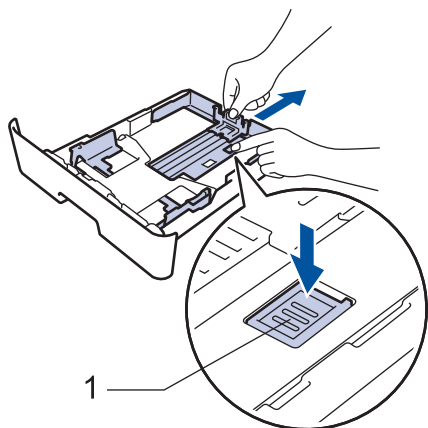
- Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



- Bấm và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với giấy.  
Bấm cần nhả màu xanh lá cây để trượt thanh dẫn giấy.



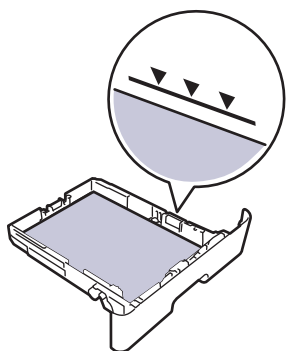
 Đối với giấy khổ Legal hoặc Folio, bấm nút nhả (1) ở đáy khay giấy, rồi kéo mặt sau của khay giấy ra. (Giấy khổ Legal và Folio không có ở một số khu vực).



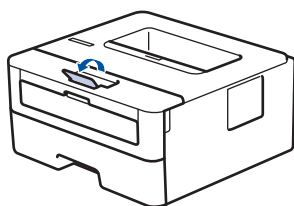
- Tải đều chồng giấy.
- Nạp giấy vào khay giấy với bề mặt in hướng xuống.

- 
5. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).

Nạp quá nhiều giấy vào khay giấy sẽ gây ra kẹt giấy.



6. Từ từ đẩy khay giấy hoàn toàn vào trong máy.
7. Mở nắp lật đổ ra để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra.



### Thông tin liên quan

- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy](#)
-

## Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP)

Bạn có thể nạp giấy mỏng, giấy dày, giấy tài chế, giấy bông, nhãn, tối đa 30 tờ giấy thường, hoặc tối đa 2 phong bì trong khay MP.

- [Nạp giấy vào khay đa năng \(Khay MP\)](#)
- [Nạp và In nhãn bằng Khay MP](#)
- [Nạp và In phong bì bằng Khay MP](#)
- [Vấn đề khi in](#)
- [Thông báo lỗi và bảo trì \(DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw\)](#)

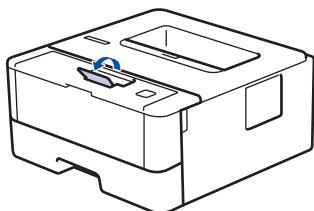
## Nạp giấy vào khay đa năng (Khay MP)

**Model:** DocuPrint P285 dw

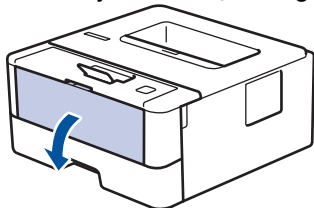
Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

- Giấy thường
- Giấy mỏng
- Giấy dày
- Giấy tái chế
- Giấy bông

1. Nâng nắp lật đỡ lên để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra hướng xuống.

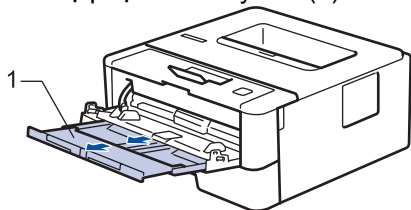


2. Mở khay MP và hạ xuống nhẹ nhàng.

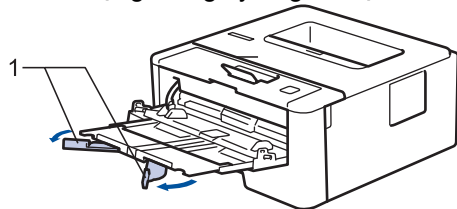


Khi sử dụng giấy nhỏ hơn A6/A5 (Cạnh dài), bạn có thể bỏ qua bước tiếp theo.

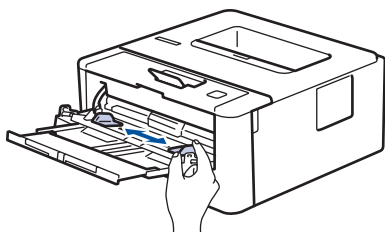
3. Kéo bộ phận đỡ khay MP (1) ra.



Khi sử dụng khổ giấy Legal hoặc Folio, hãy kéo phần đỡ giấy ra (1).



4. Trượt thanh dẫn giấy khay MP để khớp với độ rộng của giấy bạn đang dùng.

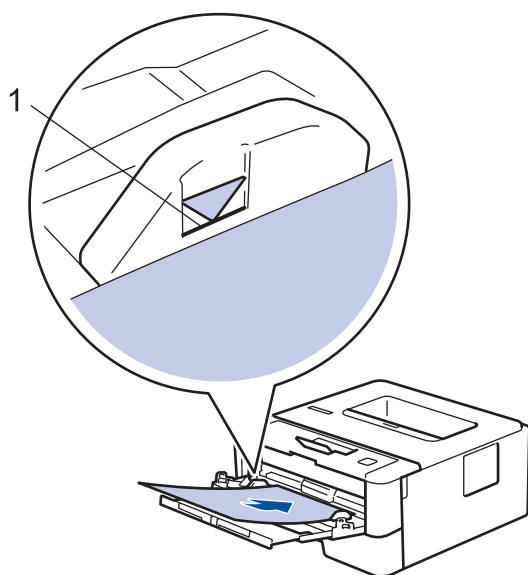


---

5. Nạp giấy vào khay giấy MP với bề mặt in *hướng lên*.



- Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (1).



### Thông tin liên quan

- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng \(Khay MP\)](#)
-

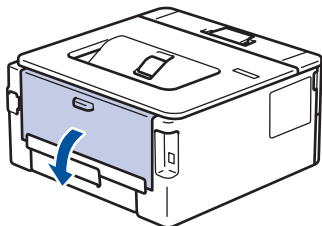
## Nạp và In nhãn bằng Khay MP

Model: DocuPrint P285 dw

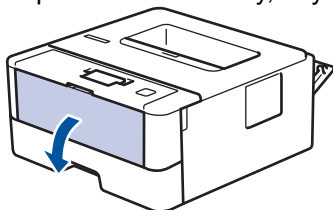
Khi nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) được kéo xuống, máy có đường dẫn giấy thẳng xuyên suốt từ khay MP đến phía sau của máy. Sử dụng bộ nạp giấy này và phương thức đầu ra khi bạn in trên nhãn.

Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

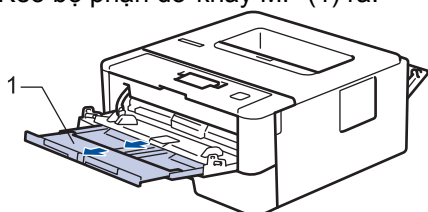


2. Ở phía trước của máy, hãy mở khay MP và hạ xuống nhẹ nhàng.

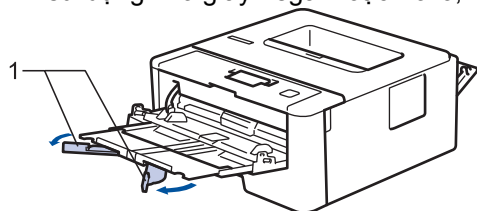


Khi sử dụng giấy nhỏ hơn A6/A5 (Cạnh dài), bạn có thể bỏ qua bước tiếp theo.

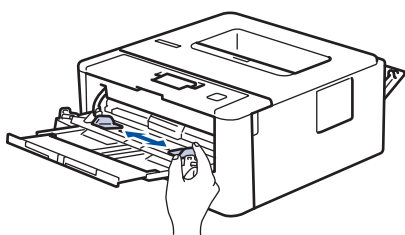
3. Kéo bộ phận đỡ khay MP (1) ra.



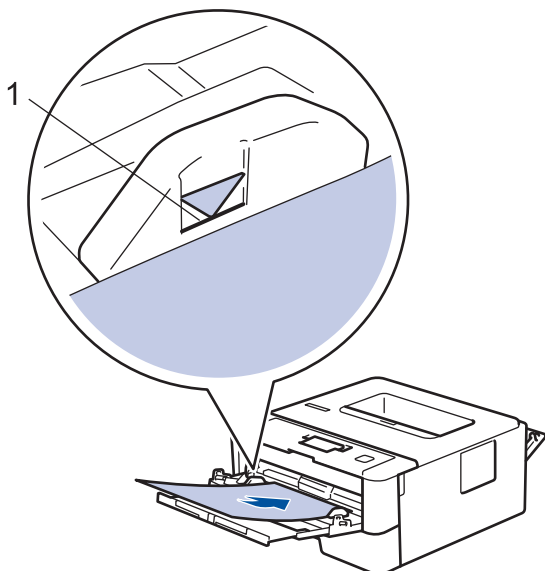
Khi sử dụng khổ giấy Legal hoặc Folio, hãy kéo phần đỡ giấy ra (1).



4. Trượt thanh dẫn giấy khay MP để khớp với độ rộng của giấy bạn đang dùng.



5. Nạp giấy vào khay giấy MP với bề mặt in hướng lên.



- Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (1).

6. Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.
7. Gửi lệnh in của bạn đến máy.
8. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



### Thông tin liên quan

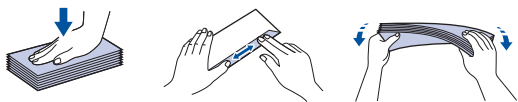
- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng \(Khay MP\)](#)

## Nạp và In phong bì bằng Khay MP

**Model:** DocuPrint P285 dw

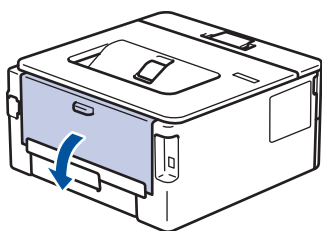
Bạn có thể nạp tối đa hai phong bì trong Khay MP.

Trước khi nạp giấy, hãy ấn các góc và cạnh của phong bì xuống để làm cho chúng phẳng nhất có thể.

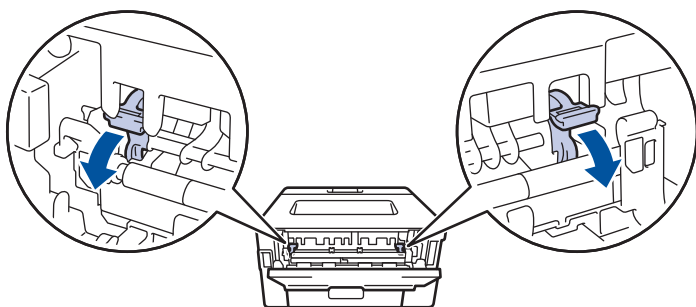


Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

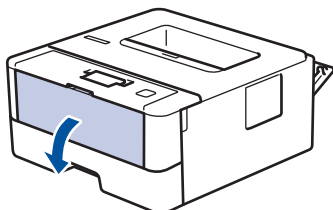
1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).



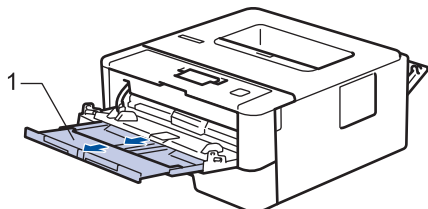
2. Kéo hai cần màu xanh lá cây xuống, một cần bên trái và một cần bên phải như trong hình minh họa.



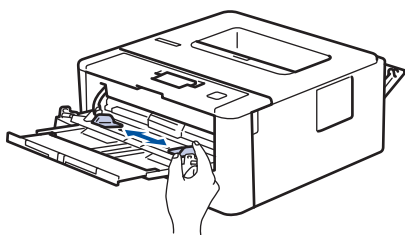
3. Ở phía trước máy, hãy mở khay MP và hạ thấp nhẹ nhàng.



4. Kéo phần đỡ khay MP ra (1).

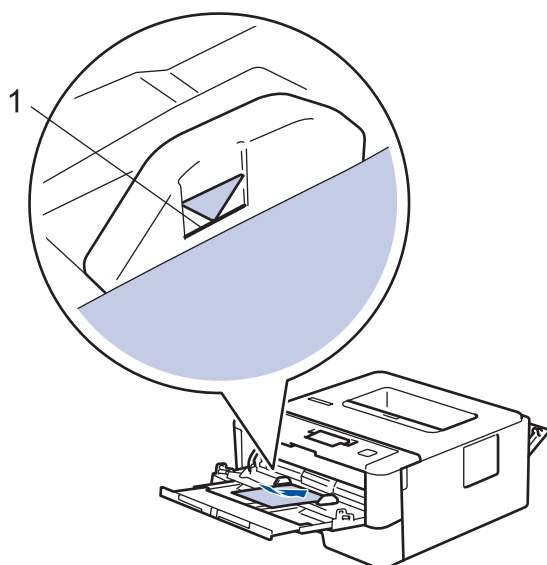


5. Trượt thanh dẫn giấy của khay MP cho vừa với độ rộng của phong bì mà bạn đang sử dụng.





6. Nạp giấy vào khay giấy MP với bề mặt in *hướng lên*.



- Nạp lên đến hai phong bì vào khay MP với bề mặt in ngửa lên. Đảm bảo rằng phong bì nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (1). Nạp nhiều hơn hai phong bì có thể gây kẹt giấy.

7. Thay đổi tùy chọn in của bạn trong hộp thoại In trước khi gửi công việc in từ máy tính của bạn.

Thiết đặt	Tùy chọn cho phong bì
Khổ giấy	Com-10
	DL
	C5
	Monarch
Loại vật liệu in	Bao thư
	Bao thư Dày
	Bao thư Mỏng

8. Gửi công việc in của bạn đến máy.

9. Khi bạn đã in xong, hãy đưa hai cần màu xanh lá mà bạn đã điều chỉnh ở bước trước đó về vị trí ban đầu.

10. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



### Thông tin liên quan

- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng \(Khay MP\)](#)

## **Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay**

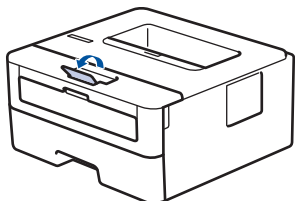
- Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay
- Nạp và in trên Giấy dày và Nhãn trong Khe nạp bằng tay
- Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

## Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay

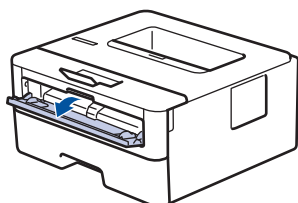
**Model:** DocuPrint P275 dw

Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

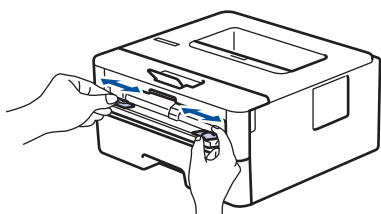
1. Nâng nắp lật đổ lên để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra hướng xuống.



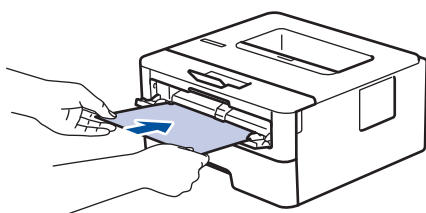
2. Mở nắp khe nạp bằng tay.



3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



4. Dùng cả hai tay, nạp hoàn toàn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
- Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.



Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi máy, hãy nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.



### Thông tin liên quan

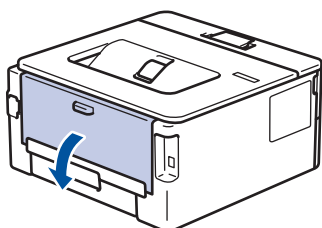
- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)


## Nạp và in trên Giấy dày và Nhãn trong Khe nạp bằng tay

**Model:** DocuPrint P275 dw

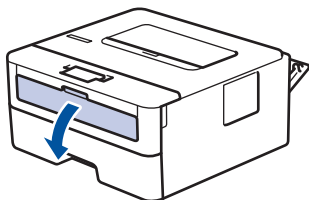
Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

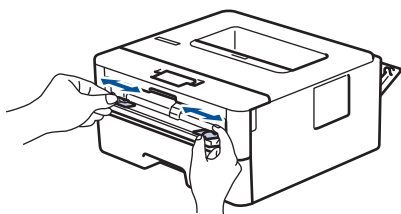


 Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

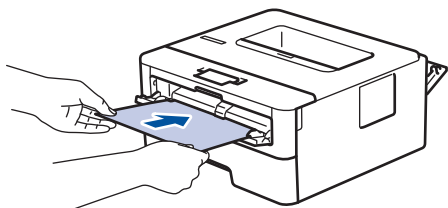
2. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.




3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.




4. Dùng cả hai tay, nạp hoàn toàn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- 
- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
  - Kéo giấy ra hoàn toàn khi bạn phải nạp lại giấy vào khe nạp bằng tay.
  - Không đặt nhiều hơn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
  - Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.

 Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi mặt sau của máy, nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.

---

7. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



### **Thông tin liên quan**

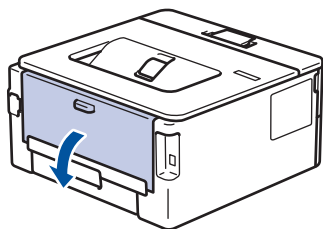
- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)
-

## Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

Model: DocuPrint P275 dw

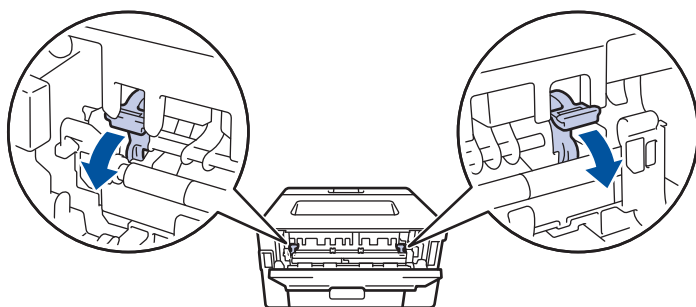
Trước khi nạp giấy, hãy ấn các góc và cạnh của phong bì xuống để làm cho chúng phẳng nhất có thể. Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

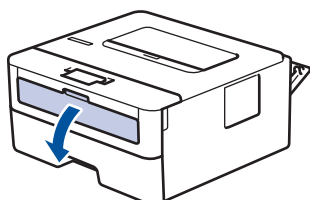


Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

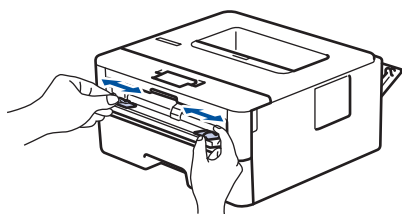
2. Kéo hai cần màu xanh lá cây xuống, một cần bên trái và một cần bên phải như trong hình minh họa.



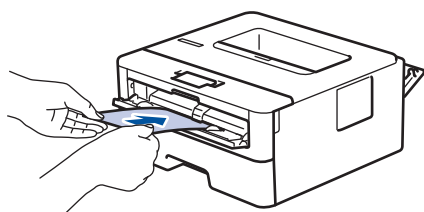
3. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.



4. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



5. Dùng cả hai tay, đưa một phong bì vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.





- Nạp phong bì vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
- Kéo phong bì ra hoàn toàn khi bạn nạp lại phong bì vào khe nạp bằng tay.
- Không đặt nhiều hơn một phong bì vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
- Đảm bảo rằng phong bì nằm thẳng và đúng vị trí trên khe nạp bằng tay. Nếu không, phong bì có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

6. Gửi công việc in của bạn đến máy.



Thay đổi tùy chọn in của bạn trong hộp thoại In trước khi gửi công việc in từ máy tính của bạn.

Thiết đặt	Tùy chọn cho phong bì
Khổ giấy	Com-10 DL C5 Monarch
Loại vật liệu in	Bao thư Bao thư Dày Bao thư Mỏng

- Sau khi phong bì đã in xuất ra khỏi máy, hãy đặt phong bì kế tiếp vào. Lặp lại với mỗi phong bì mà bạn muốn in.
- Khi bạn đã in xong, hãy đưa hai cần màu xanh lá mà bạn đã điều chỉnh ở bước trước đó về vị trí ban đầu.
- Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



### Thông tin liên quan

- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)

## Thiết đặt giấy

- [Thay đổi khổ giấy và loại giấy](#)
- [Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy](#)



## Thay đổi khổ giấy và loại giấy

Khi bạn thay đổi khổ giấy và loại giấy mà bạn nạp vào khay, bạn đồng thời phải thay đổi thiết đặt khổ giấy và loại giấy trên màn hình LCD.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Paper Type (Loại giấy)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị loại giấy mà bạn muốn, và sau đó bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Paper Size (Khổ giấy)], và sau đó bấm **OK**.
6. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị khổ giấy mà bạn muốn, và sau đó bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt giấy](#)

## Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy

Khi bạn bật thiết đặt Kiểm tra Khổ giấy của máy, máy sẽ hiển thị một thông báo khi bạn lấy khay giấy ra hoặc nạp giấy bằng khay MP để hỏi xem bạn có thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không.

Thiết đặt mặc định là Bật.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Check Size (Kiểm tra cỡ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **Go (Vào)**.

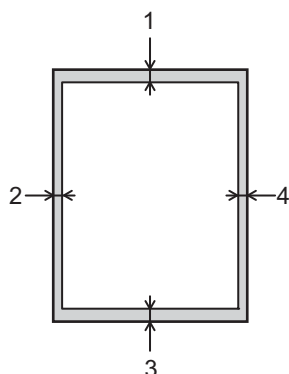


### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt giấy](#)

## Vùng không thể in

Các giá trị đo trong bảng bên dưới cho thấy số vùng tối đa không thể in từ các cạnh của khổ giấy thường dùng nhất. Các kích thước này có thể khác nhau tùy thuộc vào khổ giấy hoặc thiết đặt trong ứng dụng bạn đang sử dụng.



Không cố gắng in vào các vùng này; bản in của bạn sẽ không hiển thị gì ở các vùng này.

Sử dụng	Khổ tài liệu	Trên cùng (1) Dưới cùng (3)	Trái (2) Phải (4)
In	Letter	4,23 mm	4,23 mm
	A4	4,23 mm	4,23 mm
	Legal	4,23 mm	4,23 mm



### Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

## Sử dụng giấy đặc biệt

Luôn kiểm tra mẫu giấy trước khi mua để đảm bảo hiệu quả mong muốn.

### CẢNH BÁO

- Không sử dụng giấy dẫn điện như giấy origami, giấy cacbonic hoặc giấy phủ dẫn điện. Khi xảy ra kẹt giấy, nó có thể gây chập mạch và thậm chí gây hỏa hoạn.

- KHÔNG sử dụng giấy in phun; giấy này có thể gây kẹt giấy hoặc làm hỏng máy của bạn.
- Nếu bạn sử dụng giấy bông, giấy có bề mặt thô nhám hoặc giấy nhẵn hoặc nhàu, giấy này có thể làm giảm hiệu suất in.

Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu và đóng kín. Giữ giấy phẳng và tránh xa độ ẩm, ánh nắng mặt trời trực tiếp và nguồn nhiệt.

### QUAN TRỌNG

Một số loại giấy có thể không hoạt động tốt hoặc có thể làm hỏng máy của bạn.

KHÔNG dùng giấy:

- có họa tiết dày đặc
- rất trơn hoặc bóng
- uốn hoặc cong
- được bao phủ hoặc có lớp phủ hóa học
- bị hỏng, nhàu hoặc bị gấp
- vượt quá thông số kỹ thuật về trọng lượng được khuyến nghị trong hướng dẫn này
- có móc và ghim
- có tiêu đề ghi bằng phương pháp nhuộm nhiệt độ thấp hoặc in nhiệt
- có nhiều lớp hoặc không lột giấy than
- được thiết kế để in phun

Nếu bạn sử dụng bất kỳ loại giấy nào được liệt kê phía trên thì giấy đó có thể làm hỏng máy. Hỏng hóc này không nằm trong phạm vi của bất kỳ thỏa thuận bảo hành hoặc dịch vụ nào của Fuji Xerox.

### Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

## In

- In từ máy tính của bạn (Windows®)
- In từ máy tính của bạn (Mac)
- Hủy tác vụ in
- In thử

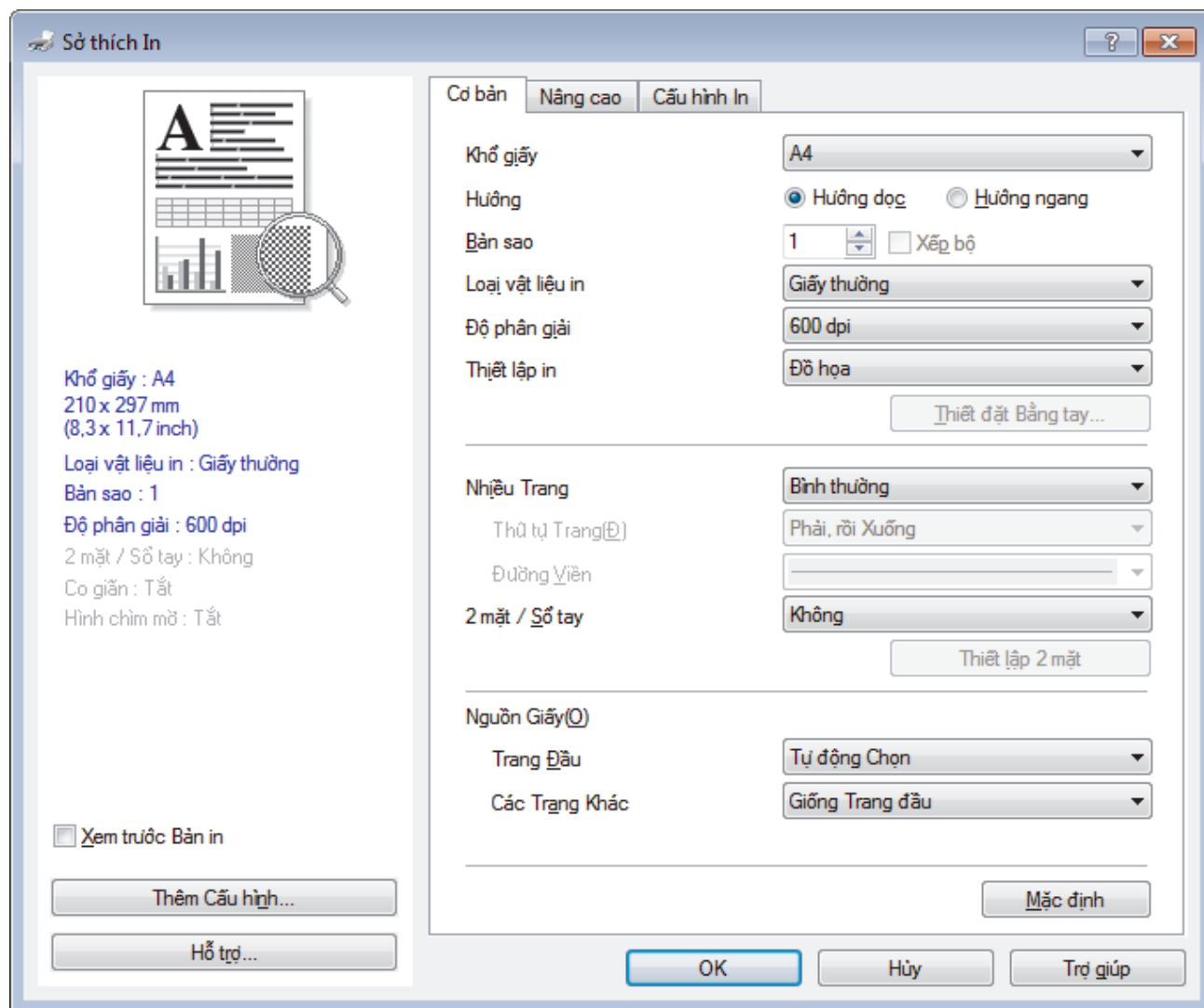
## **In từ máy tính của bạn (Windows®)**

- [In tài liệu \(Windows®\)](#)
- [Cài đặt in \(Windows®\)](#)
- [Thay đổi thiết đặt in mặc định \(Windows®\)](#)
- [In tài liệu bằng cách sử dụng Trình điều khiển máy in mô phỏng PS3 \(Mô phỏng ngôn ngữ PostScript® 3™\) \(Windows®\)](#)
- [Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn \(Windows®\)](#)

## In tài liệu (Windows®)

1. Chọn lệnh in trong ứng dụng của bạn.
2. Chọn **FX DocuPrint XXXXX** (trong đó XXXXX là tên model của bạn), rồi bấm nút thuộc tính in hoặc tùy chọn.

Cửa sổ trình điều khiển máy in xuất hiện.



3. Đảm bảo bạn đã nạp đúng khổ giấy vào khay giấy.
4. Bấm danh sách thả xuống **Khổ giấy**, rồi chọn khổ giấy của bạn.
5. Trong trường **Hướng**, chọn tùy chọn **Hướng dọc** hoặc **Hướng ngang** để đặt hướng bản in của bạn.



Nếu ứng dụng của bạn có một cài đặt tương tự, chúng tôi khuyên bạn nên thiết đặt hướng sử dụng ứng dụng.

6. Nhập số bản sao (1-999) mà bạn muốn trong trường **Bản sao**.
7. Bấm danh sách thả xuống **Loại vật liệu in**, rồi chọn loại giấy bạn đang sử dụng.
8. Để in nhiều trang trên một tờ giấy hoặc in một trang trong tài liệu của bạn trên nhiều tờ, bấm danh sách thả xuống **Nhiều Trang**, rồi chọn tùy chọn của bạn.
9. Thay đổi các thiết đặt máy in khác nếu cần.
10. Bấm **OK**.
11. Hoàn tất thao tác in.



## Thông tin liên quan

- In từ máy tính của bạn (Windows®)
- Cài đặt in (Windows®)



## Cài đặt in (Windows®)

### Cơ bản Tab

**Sở thích In**

**Cơ bản** | Nâng cao | Cấu hình In

**Khổ giấy**: A4  
**Hướng**: ☒ Hướng dọc ☐ Hướng ngang  
**Bản sao**: 1 ☐ Xếp bộ  
**Loại vật liệu in**: Giấy thường  
**Độ phân giải**: 600 dpi  
**Thiết lập in**: Đồ họa  
**Thiết đặt Bảng tay...**

**Nhiều Trang**: Bình thường  
**Thủ tự Trang(E)**: Phải, rồi Xuống  
**Đường Vạch**:  
**2 mặt / Sổ tay**: Không  
**Thiết lập 2 mặt**

**Nguồn Giấy(O)**  
**Trang Đầu**: Tự động Chọn  
**Các Trang Khác**: Giống Trang đầu  
**Mặc định**

**Khổ giấy**: A4  
210 x 297 mm  
(8,3 x 11,7 inch)  
**Loại vật liệu in**: Giấy thường  
**Bản sao**: 1  
**Độ phân giải**: 600 dpi  
2 mặt / Sổ tay: Không  
Cờ giãn: Tắt  
Hình chìm mờ: Tắt

☐ Xem trước Bản in

**Thêm Cấu hình...**  
**Hỗ trợ...**

**OK** **Hủy** **Trợ giúp**

#### 1. Khổ giấy

Chọn khổ giấy mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể chọn khổ giấy tiêu chuẩn hoặc tạo một khổ giấy tùy chỉnh.

#### 2. Hướng

Chọn hướng (dọc hoặc ngang) cho bản in của bạn.

Nếu ứng dụng của bạn có một cài đặt tương tự, chúng tôi khuyên bạn nên thiết đặt hướng sử dụng ứng dụng.

#### 3. Bản sao

Nhập số bản sao (1-999) mà bạn muốn in vào trường này.

#### Xếp bộ

Chọn tùy chọn này để in bộ các tài liệu nhiều trang trong đường biên giấy gốc. Khi chọn tùy chọn này, một bản sao hoàn chỉnh tài liệu của bạn sẽ được in, rồi in lại theo số bản sao mà bạn đã chọn. Nếu chọn tùy chọn này, khi đó mỗi trang sẽ được in theo số bản sao được chọn trước khi trang tài liệu tiếp theo được in.

#### 4. Loại vật liệu in

Chọn loại phương tiện mà bạn muốn sử dụng. Để đạt được kết quả in tốt nhất, máy tự động điều chỉnh cài đặt in của máy theo loại phương tiện được chọn.

## 5. Độ phân giải

Chọn độ phân giải in. Vì độ phân giải in và tốc độ in có liên quan với nhau, độ phân giải càng cao, thời gian in tài liệu càng lâu.

## 6. Thiết lập in

Chọn loại tài liệu mà bạn muốn in.

### Thiết đặt Bằng tay...

Xác định các cài đặt nâng cao như độ sáng, độ tương phản và các cài đặt khác.

#### Đồ họa

##### In Trắng Đen

Chọn tùy chọn này để sử dụng trình điều khiển máy in để thể hiện các hình ảnh bán sắc.

##### Độ sáng

Xác định độ sáng.

##### Độ tương phản

Xác định độ tương phản.

##### Chất lượng Đồ họa

Chọn Đồ họa hoặc Văn bản để có chất lượng in tốt nhất dựa trên loại tài liệu mà bạn đang in.

##### Cải thiện In Màu xám

Chọn tùy chọn này để nâng cao chất lượng hình ảnh của các khu vực bóng mờ.

##### Cải thiện In Mẫu

Chọn tùy chọn này để cải thiện in hoa văn nếu nền và hoa văn được in khác với nền và hoa văn bạn thấy trên màn hình máy tính.

##### Cải thiện Nét mỏng

Chọn tùy chọn này để cải thiện chất lượng hình ảnh của những đường mảnh.

##### Sử dụng Bán sắc Hệ thống

Chọn tùy chọn này để sử dụng Windows® để thể hiện các hình ảnh bán sắc.

### Chế độ TrueType (Chỉ có ở một số model nhất định)

#### Chế độ

Chọn cách phong chữ được xử lý để in.

#### Sử dụng Phong chữ TrueType Máy in

Chọn có sử dụng phong chữ tích hợp sẵn cho quá trình xử lý phong chữ hay không.

## 7. Nhiều Trang

Chọn tùy chọn này để in nhiều trang trên một tờ giấy hoặc in một trang tài liệu của bạn trên nhiều tờ giấy.

### Thứ tự Trang

Chọn thứ tự trang khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

### Đường Viền

Chọn loại đường biên được sử dụng khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

## 8. 2 mặt / Sổ tay

Chọn tùy chọn này để in trên hai mặt giấy hoặc in tài liệu theo định dạng booklet sử dụng tính năng in hai mặt.

### nút Thiết lập 2 mặt

Nhấp vào nút này để chọn kiểu liên kết hai mặt. Bốn loại liên kết hai mặt có sẵn cho mỗi hướng.

## 9. Nguồn Giấy

Chọn cài đặt nguồn giấy theo điều kiện và mục đích in của bạn.

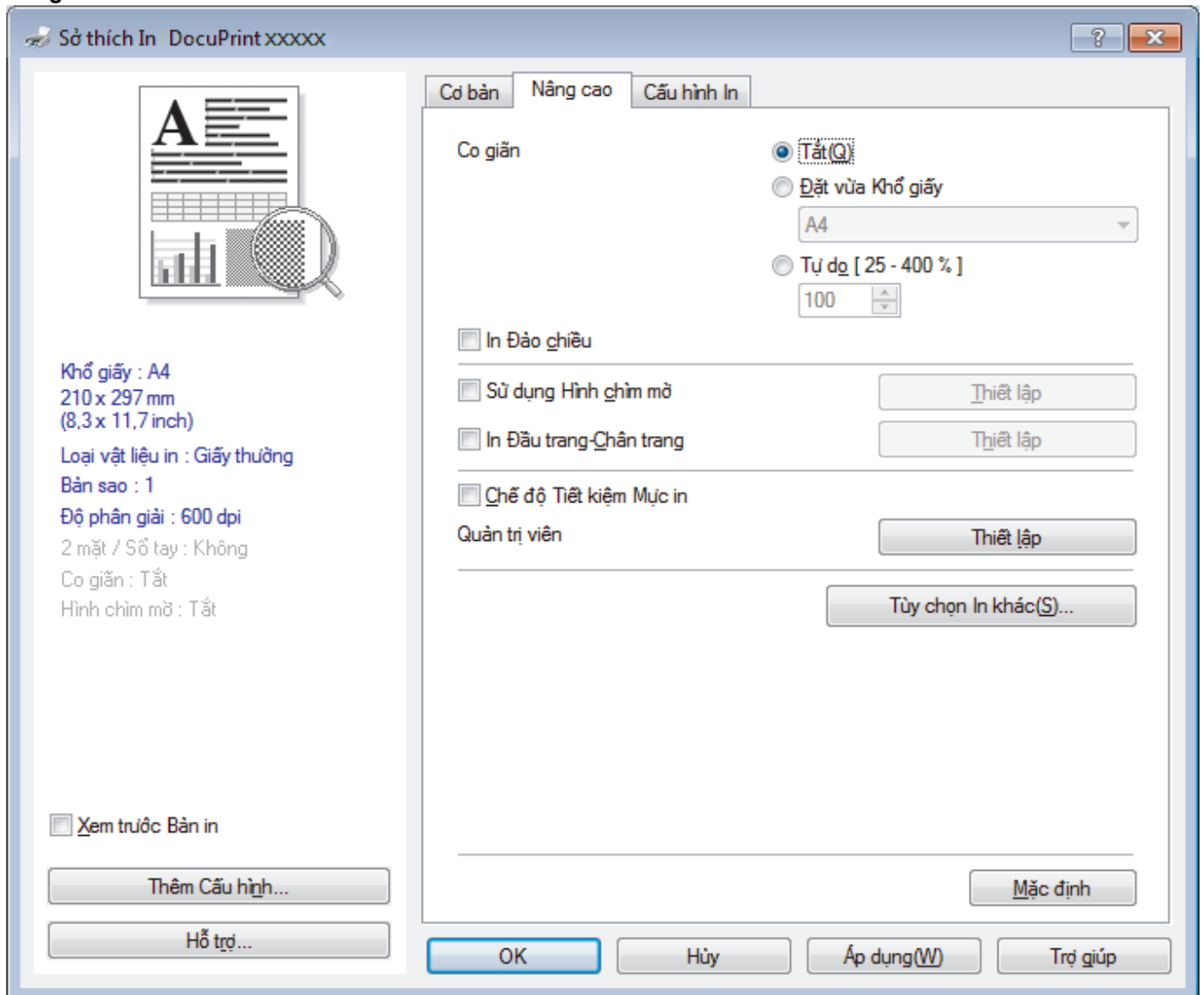
## Trang Đầu

Chọn nguồn giấy để sử dụng in trang đầu tiên.

## Các Trang Khác

Chọn nguồn giấy để sử dụng để in các trang thứ hai và tiếp theo.

## Nâng cao Tab



### 1. Co giãn

Chọn các tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ khổ giấy trong tài liệu của bạn.

#### Đặt vừa Khổ giấy

Chọn tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ các trang tài liệu phù hợp với khổ giấy quy định. Khi bạn chọn tùy chọn này, hãy chọn khổ giấy mà bạn muốn từ danh sách thả xuống.

#### Tỷ lệ [ 25 - 400 % ]

Chọn tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ giấy của tài liệu theo cách thủ công. Khi bạn chọn tùy chọn này, hãy nhập giá trị vào trường.

### 2. In Đảo chiều

Chọn tùy chọn này để xoay hình ảnh in 180 độ.

### 3. Sử dụng Hình chìm mờ

Chọn tùy chọn này để in logo hoặc văn bản trên tài liệu của bạn dưới dạng hình mờ. Chọn một trong các hình chìm mờ cài đặt sẵn, thêm hình chìm mờ mới hoặc sử dụng tập tin hình ảnh bạn đã tạo.

### 4. In Đầu trang-Chân trang

Chọn tùy chọn này để in ngày, giờ và tên người dùng đăng nhập PC trên tài liệu.

---

## 5. Chế độ Tiết kiệm Mực in

Chọn tính năng này để tiết kiệm mực bằng cách sử dụng ít mowjc hơn để in tài liệu; bản in sẽ nhạt hơn, nhưng vẫn có thể đọc được.

## 6. Quản trị viên

Tính năng này cho phép bạn thay đổi mật khẩu quản trị viên và giới hạn nhiều chức năng in khác nhau.

## 7. nút Tùy chọn In khác

### Thời gian Ngủ

Chọn tùy chọn này để thiết đặt máy nhập chế độ nghỉ ngay lập tức sau khi in.

### Macro(Chỉ có ở một số model nhất định)

Chọn tính năng này để in một mẫu đơn điện tử (macro), mà bạn đã lưu trong bộ nhớ máy của bạn, xếp chồng lên tác vụ in.

### Điều chỉnh Mật độ

Xác định mật độ in.

### Cải thiện Bản in ra

Chọn tùy chọn này để giảm lượng giấy xoắn và cải thiện ổn định mực.

### Bỏ qua Trang trống

Chọn tùy chọn này để cho phép trình điều khiển máy in tự động phát hiện trang trắng và loại bỏ trang trắng khi in.

### In Văn bản bằng mực Đen

Chọn tùy chọn này khi bạn muốn in văn bản màu bằng màu đen.

### In Lưu trữ

Chọn tùy chọn này để lưu dữ liệu in thành tệp PDF vào máy tính của bạn.

### Chế độ tiết kiệm

Chọn tùy chọn này để giảm độ nhiễu in.



## Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Windows®\)](#)
  - [In tài liệu \(Windows®\)](#)
-

## Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows®)


Khi bạn thay đổi các cài đặt in của một ứng dụng, các thay đổi chỉ áp dụng cho các tài liệu được in với ứng dụng đó. Để thay đổi cài đặt in cho tất cả các ứng dụng của Windows®, bạn phải cấu hình các thuộc tính của trình điều khiển máy in.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:

- Đối với Windows Server® 2008

Nhấp vào  (**Start**) (**(Bắt đầu)**) > **Control Panel (Bảng điều khiển)** > **Hardware and Sound (Phần cứng và âm thanh)** > **Printers (Máy in)**.

- Đối với Windows® 7 và Windows Server® 2008 R2

Nhấp vào  (**Bắt đầu**) > **Thiết bị và Máy in**.

- Đối với Windows® 8

Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, bấm **Thiết đặt**, rồi bấm **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng và Âm thanh**, bấm **Xem thiết bị và máy in**.

- Đối với Windows® 10 và Windows Server® 2016

Nhấp vào  > **Hệ thống Windows** > **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng và Âm thanh**, nhấp vào **Xem thiết bị và máy in**.

- Đối với Windows Server® 2012

Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, bấm **Thiết đặt**, rồi bấm **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng**, bấm **Xem thiết bị và máy in**.

- Đối với Windows Server® 2012 R2

Bấm **Control Panel (Bảng điều khiển)** trên màn hình **Start (Bắt đầu)**. Trong nhóm **Hardware (Phần cứng)**, bấm **Xem thiết bị và máy in**.

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng **FX DocuPrint XXXXX** (trong đó XXXXX là tên model của bạn), rồi chọn **Thuộc tính Máy in**. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn.

3. Bấm vào tab **Chung**, rồi bấm nút **Printing Preferences... (Tùy chọn in...)** hoặc **Sở thích...**

Hộp thoại trình điều khiển máy in xuất hiện.



- Để cấu hình cài đặt khay, nhấp vào tab **Thiết lập thiết bị** (Chỉ có ở một số model nhất định).
- Để thay đổi cổng máy in, bấm vào tab **Cổng**.

4. Chọn thiết đặt in mà bạn muốn sử dụng làm mặc định cho tất cả chương trình Windows®.

5. Bấm **OK**.

6. Đóng hộp thoại thuộc tính máy in.



### Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Windows®\)](#)

Trang chủ > In > In từ máy tính của bạn (Windows®) > In tài liệu bằng cách sử dụng Trình điều khiển máy in mô phỏng PS3 (Mô phỏng ngôn ngữ PostScript® 3™) (Windows®)

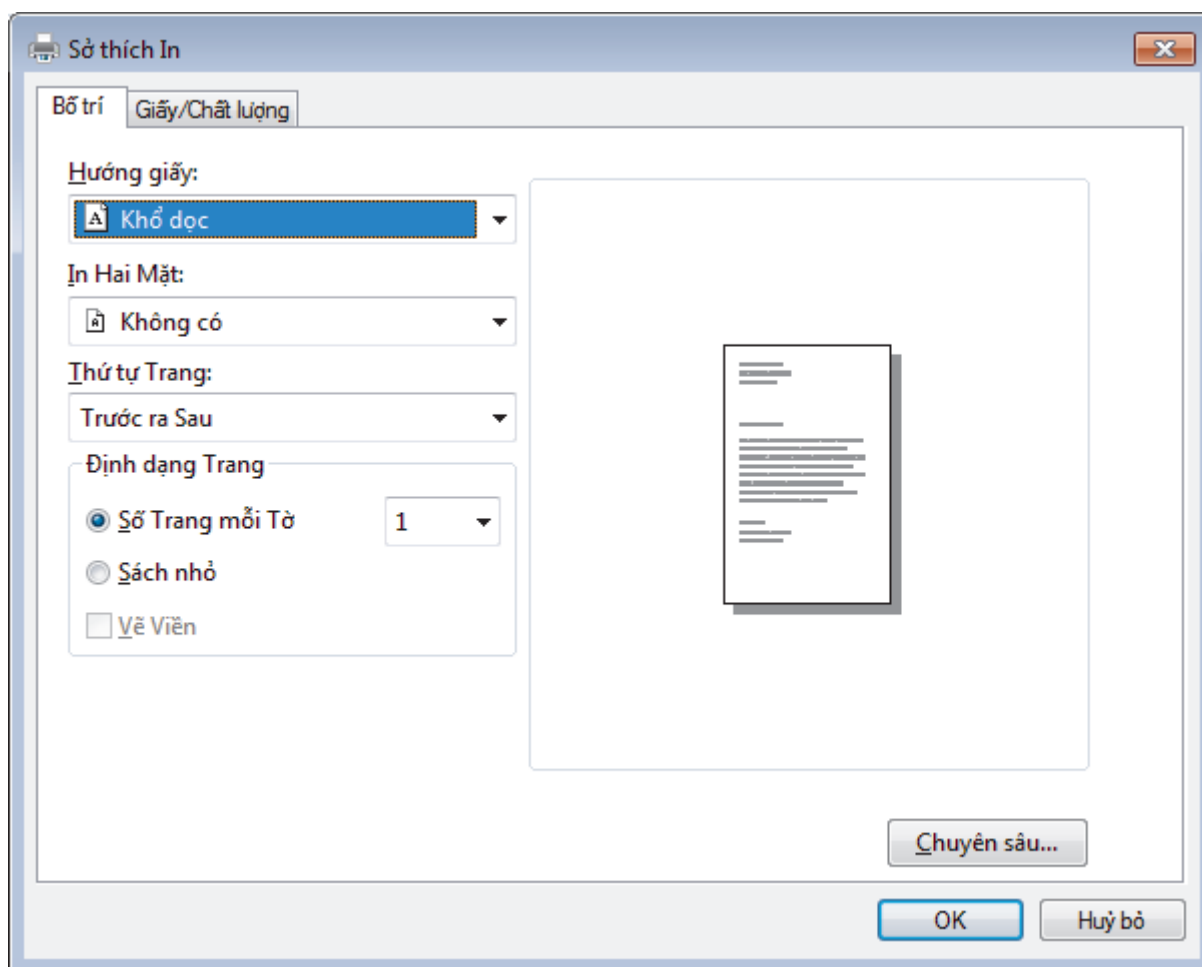
## In tài liệu bằng cách sử dụng Trình điều khiển máy in mô phỏng PS3 (Mô phỏng ngôn ngữ PostScript® 3™) (Windows®)

Trình điều khiển máy in mô phỏng PS3 cho phép bạn in dữ liệu PostScript® rõ ràng hơn.

Để cài đặt trình điều khiển PS (trình điều khiển máy in mô phỏng PS3), khởi chạy đĩa cài đặt của Fuji Xerox, chọn **Custom** trong phần Chọn Máy, rồi chọn hộp chọn **PS Driver**.

1. Chọn lệnh in trong ứng dụng của bạn.
2. Chọn **FX DocuPrint XXXXX PS3 emulate** (trong đó XXXXX là tên model của bạn), rồi bấm nút thuộc tính in hoặc tùy chọn.

Cửa sổ trình điều khiển máy in xuất hiện.



3. Nhấp vào tab **Hướng giấy** hoặc **Giấy / Chất lượng** để thay đổi cài đặt in cơ bản.  
Bấm vào tab **Hướng giấy** hoặc **Giấy / Chất lượng**, rồi bấm nút **Chuyên sâu...** để thay đổi thiết đặt in nâng cao.
4. Bấm **OK**.
5. Hoàn tất thao tác in.


### ✓ Thông tin liên quan

- In từ máy tính của bạn (Windows®)

## Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows®)

Tiện ích Status Monitor là công cụ phần mềm giúp giám sát trạng thái của một hoặc nhiều thiết bị, cho phép bạn nhận thông báo lỗi tức thì.

- Thực hiện một trong các thao tác sau:


- Bấm đúp vào biểu tượng  trên khay tác vụ.

- (Windows® 7, Windows Server® 2008 và Windows Server® 2008 R2)



Nhấp vào  (**Bắt đầu**) > **Tất cả các chương trình** > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.

Bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Status Monitor**.

- (Windows® 8 và Windows Server® 2012)

Bấm  (**Fuji Xerox Utilities**), rồi bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Status Monitor**.

- (Windows® 8.1 và Windows Server® 2012 R2)

Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và bấm  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, trượt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động màn hình **Ứng dụng**). Khi xuất hiện màn hình **Ứng dụng**, gõ hoặc nhấp vào  (**Fuji Xerox Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Status Monitor**.

- (Windows® 10 và Windows Server® 2016)

Nhấp vào  > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.

Bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Status Monitor**.



### Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Windows®\)](#)
- [Vấn đề khi in](#)

## **In từ máy tính của bạn (Mac)**

- [In tài liệu \(Mac\)](#)
- [Tùy chọn in \(Mac\)](#)
- [Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn \(Mac\)](#)



## In tài liệu (Mac)

1. Đảm bảo bạn đã nạp đúng khổ giấy vào khay giấy.
2. Từ ứng dụng, như Apple TextEdit, bấm vào menu **File (Tập tin)**, rồi chọn **Print (In)**.
3. Chọn **FUJI XEROX DocuPrint XXXXX** (trong đó XXXXX là tên model của bạn).



Để biết thêm các tùy chọn cài đặt trang, bấm nút **Show Details (Hiện thị chi tiết)**.

4. Nhập số bản sao mà bạn muốn trong trường **Copies (Số bản)**.
5. Bấm menu bật lên **Paper Size (Khổ giấy)**, rồi chọn khổ giấy của bạn .
6. Chọn tùy chọn **Orientation (Hướng)** phù hợp với cách mà bạn muốn in tài liệu.
7. Bấm menu bật lên của ứng dụng, rồi chọn **Print Settings (Thiết đặt in)**.  
Tùy chọn **Print Settings (Thiết đặt in)** xuất hiện.
8. Bấm vào menu bật lên **Media Type (Loại phương tiện)**, rồi chọn loại giấy mà bạn đang sử dụng.
9. Thay đổi các thiết đặt máy in khác nếu cần.
10. Bấm **Print (In)**.



### Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Mac\)](#)
- [Tùy chọn in \(Mac\)](#)



## Tùy chọn in (Mac)

Thiết lập trang


Page Attributes

Format For: FUJI XEROX DocuPrint xxxxx  
Fuji Xerox DocuPrint xxxxx CUPS

Paper Size: A4  
210 by 297 mm

Orientation:  

Scale: 100 %



Cancel

OK

### 1. Paper Size (Khổ giấy)

Chọn khổ giấy mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể chọn khổ giấy tiêu chuẩn hoặc tạo một khổ giấy tùy chỉnh.

### 2. Orientation (Hướng)

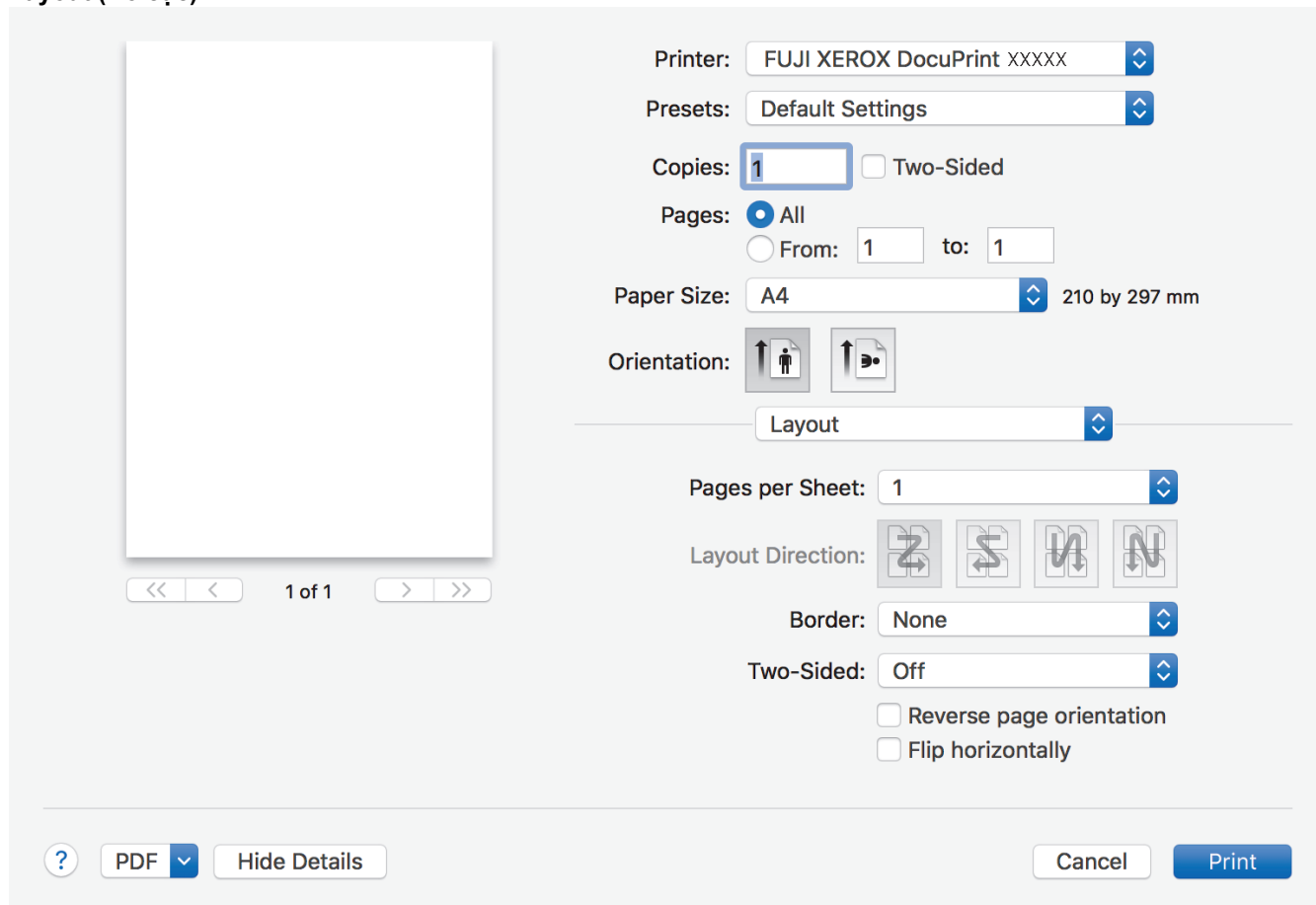
Chọn hướng (dọc hoặc ngang) cho bản in của bạn.

Nếu ứng dụng của bạn có một cài đặt tương tự, chúng tôi khuyên bạn nên thiết đặt hướng sử dụng ứng dụng.

### 3. Scale (Co giãn)

Nhập giá trị vào trường để phóng to hoặc thu nhỏ các trang trong tài liệu của bạn để phù hợp với khổ giấy được chọn.

## Layout (Bố cục)





Printer: FUJI XEROX DocuPrint XXXXX

Presets: Default Settings

Copies: 1 ☐ Two-Sided





Pages: ☒ All  
☐ From: 1 to: 1

Paper Size: A4 210 by 297 mm

Orientation:  

Layout: Layout

Pages per Sheet: 1

Layout Direction:    

Border: None

Two-Sided: Off

☐ Reverse page orientation  
☐ Flip horizontally

? PDF Hide Details Cancel Print

### 1. Pages Per Sheet (Số trang trên tờ)

Chọn số trang để in trên một tờ giấy.

### 2. Layout Direction (Hướng bố cục)

Chọn thứ tự trang khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

### 3. Border (Đường viền)

Chọn loại đường biên được sử dụng khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

### 4. Two-Sided (Hai mặt)

Chọn xem có in trên cả hai mặt giấy hay không.

### 5. Reverse page orientation (Hướng giấy ngược lại)

Chọn tùy chọn này để xoay hình ảnh in 180 độ.

### 6. Flip horizontally (Lật ngang)

Chọn tùy chọn này để đảo ngược hình ảnh in trên trang theo chiều ngang từ trái sang phải.

## Paper Handling (Xử lý giấy)

Printer: FUJI XEROX DocuPrint XXXXX

Presets: Default Settings

Copies: 1 ☐ Two-Sided

Pages: ☒ All  
☐ From: 1 to: 1

Paper Size: A4 210 by 297 mm

Orientation:

Paper Handling

☒ Collate pages

Pages to Print: All pages

Page Order: Automatic

☐ Scale to fit paper size

Destination Paper Size: Suggested Paper: A4

☐ Scale down only

? PDF Hide Details Cancel Print

### 1. Collate pages (Sắp xếp trang)

Chọn tùy chọn này để in bộ các tài liệu nhiều trang trong đường biên giấy gốc. Khi chọn tùy chọn này, một bản sao hoàn chỉnh tài liệu của bạn sẽ được in, rồi in lại theo số bản sao mà bạn đã chọn. Nếu chọn tùy chọn này, khi đó mỗi trang sẽ được in theo số bản sao được chọn trước khi trang tài liệu tiếp theo được in.

### 2. Pages to Print (Trang sẽ in)

Chọn trang bạn muốn in (trang chẵn hay trang lẻ).

### 3. Page Order (Thứ tự Trang)

Chọn thứ tự trang.

### 4. Scale to fit paper size (Co giãn vừa với khổ giấy)

Chọn tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ các trang trong tài liệu của bạn để phù hợp với khổ giấy được chọn.

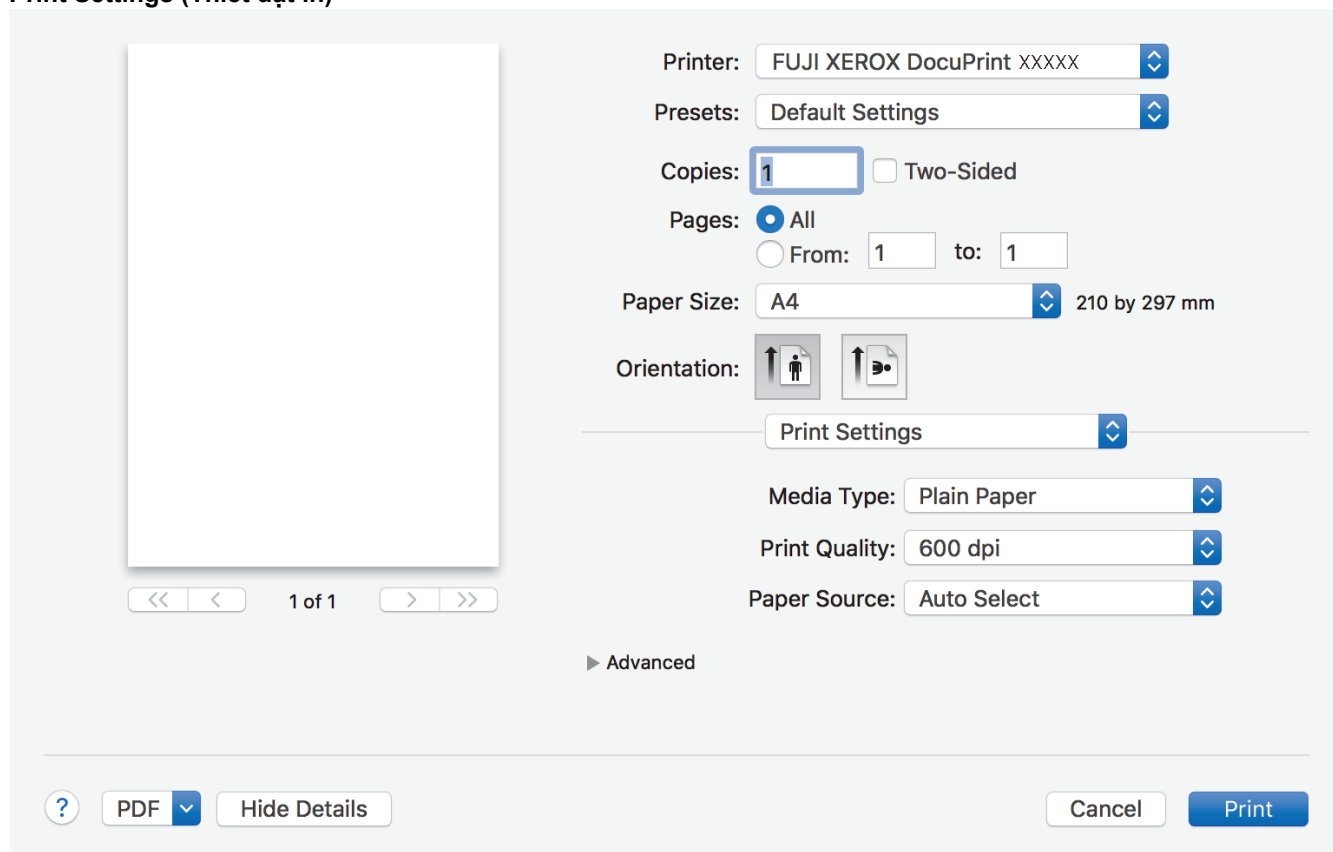
### 5. Destination Paper Size (Khổ giấy đích)

Chọn khổ giấy để in.

### 6. Scale down only (Chỉ co lại)

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn thu nhỏ các trang trong tài liệu khi chúng quá lớn so với khổ giấy được chọn. Nếu tùy chọn này được chọn và tài liệu được định dạng dành cho khổ giấy nhỏ hơn khổ giấy bạn đang sử dụng, tài liệu sẽ được in ở khổ gốc.

## Print Settings (Thiết đặt in)





Printer: FUJI XEROX DocuPrint XXXXX

Presets: Default Settings

Copies: 1 ☐ Two-Sided

Pages: ☒ All  
☐ From: 1 to: 1

Paper Size: A4 210 by 297 mm

Orientation:  

Print Settings

Media Type: Plain Paper

Print Quality: 600 dpi

Paper Source: Auto Select

1 of 1

Advanced

? PDF Hide Details Cancel Print

### 1. Media Type (Loại phương tiện)

Chọn loại phương tiện mà bạn muốn sử dụng. Để đạt được kết quả in tốt nhất, máy tự động điều chỉnh cài đặt in của máy theo loại phương tiện được chọn.

### 2. Print Quality (Chất lượng in)

Chọn độ phân giải in mà bạn muốn. Vì chất lượng in và tốc độ in có liên quan với nhau, chất lượng càng cao, thời gian in tài liệu sẽ càng lâu.

### 3. Paper Source (Nguồn giấy)

Chọn cài đặt nguồn giấy theo điều kiện và mục đích in của bạn.

### 4. Advanced (Nâng cao)

#### Toner Save Mode (Chế độ tiết kiệm mực)

Chọn tính năng này để tiết kiệm mực bằng cách sử dụng ít mực hơn để in tài liệu; bản in sẽ nhạt hơn, nhưng vẫn có thể đọc được.

#### Graphics Quality (Chất lượng đồ họa)

Chọn Đồ họa hoặc Văn bản để có chất lượng in tốt nhất dựa trên loại tài liệu mà bạn đang in.

#### Improve Print Output (Cải thiện bản in ra)

Chọn tùy chọn này để giảm lượng giấy xoắn và cải thiện ổn định mực.

#### Density Adjustment (Điều chỉnh mật độ)

Xác định mật độ in.

#### Sleep Time (Thời gian ngủ)

Xác định lượng thời gian trôi qua trước khi máy nhập Chế độ Ngủ.

#### Quiet Mode (Chế độ im lặng)

Chọn tùy chọn này để giảm độ nhiễu in.

---

## Other Print Options (Tùy chọn in khác)

### Skip Blank Page (Bỏ qua trang trắng)

Chọn tùy chọn này để cho phép trình điều khiển máy in tự động phát hiện trang trắng và loại bỏ trang trắng khi in.



### Thông tin liên quan

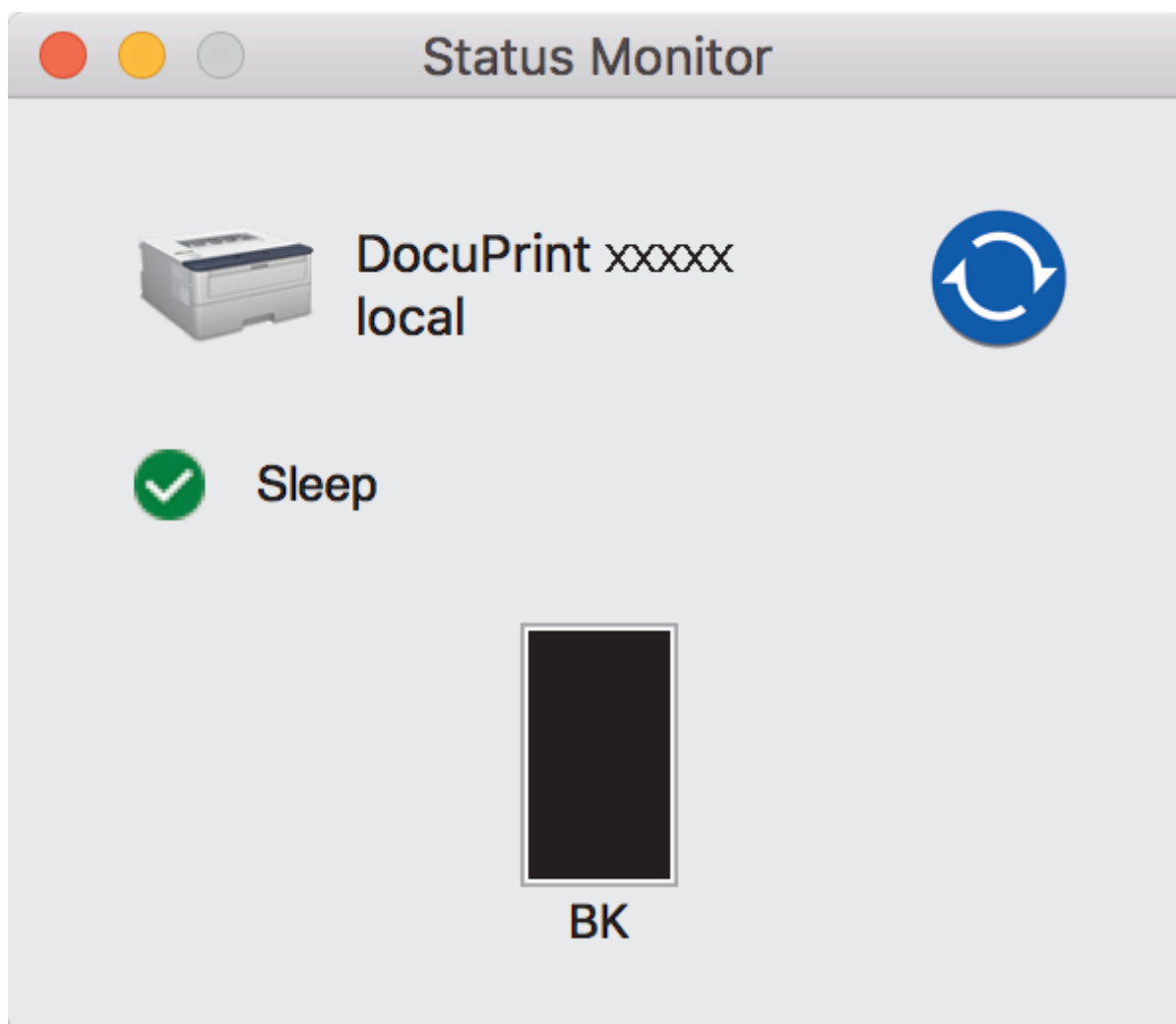
- [In từ máy tính của bạn \(Mac\)](#)
  - [In tài liệu \(Mac\)](#)
-

## Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Mac)


Tiện ích Status Monitor là công cụ phần mềm giúp giám sát trạng thái của một thiết bị, cho phép bạn nhận thông báo lỗi tức thì, chẳng hạn như không có giấy hoặc kẹt giấy, theo các khoảng thời gian cập nhật cài đặt sẵn. Bạn cũng có thể truy cập Quản lý trên nền web.

1. Bấm vào menu **System Preferences (Tùy chọn hệ thống)**, chọn **Print & Scan (In & quét)** hoặc **Printers & Scanners (Máy in & máy quét)**, rồi chọn máy của bạn.
2. Bấm nút **Options & Supplies (Tùy chọn & vật tư)**.
3. Bấm tab **Utility (Tiện ích)**, rồi bấm nút **Open Printer Utility (Mở tiện ích máy in)**.

Status Monitor khởi động.



### Cập nhật trạng thái của máy

Để xem trạng thái máy mới nhất trong khi cửa sổ **Status Monitor** mở, bấm vào biểu tượng . Bạn có thể thiết đặt khoảng thời gian cập nhật thông tin trạng thái máy của phần mềm. Bấm vào **Status Monitor** trong thanh menu, rồi chọn **Preferences (Tùy chọn)**.

### Quản lý trên nền web (Chỉ kết nối mạng)

Truy cập Hệ thống Quản lý trên nền web bằng cách bấm vào biểu tượng máy trên màn hình **Status Monitor**. Bạn có thể sử dụng Trình duyệt web thông thường để quản lý máy của mình bằng HTTP (Hyper Text Transfer Protocol - Giao thức truyền siêu văn bản).

### ✓ Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Mac\)](#)

- 
- Vấn đề khi in
-



## Hủy tác vụ in

1. Trên bảng điều khiển của máy, bấm và giữ **Go (Vào)** trong khoảng 2 giây để hủy công việc in hiện tại.



Để hủy nhiều tác vụ in, bấm và giữ **Go (Vào)** trong sáu giây.



### Thông tin liên quan

- [In](#)
  - [Vấn đề khi in](#)
-

## In thử

Nếu có vấn đề với chất lượng in, hãy làm theo các hướng dẫn sau để in thử:

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Printer (Máy in)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Options (Tùy chọn in)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Test Print (In thử)], rồi bấm **Go (Vào)**.

Máy sẽ in trang kiểm tra.



### Thông tin liên quan

- [In](#)
  - [Cải thiện chất lượng in](#)
-

## Xử lý sự cố

Sử dụng phần này để giải quyết các vấn đề điển hình mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy Fuji Xerox. Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các vấn đề.

### QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải gọi tới bộ phận dịch vụ khách hàng của Fuji Xerox hoặc đại lý bán hàng của Fuji Xerox tại địa phương.

Sử dụng vật tư không phải của Fuji Xerox có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy.

Trước hết, hãy kiểm tra những điều sau đây:

- Dây nguồn của máy được kết nối đúng và nguồn máy đang bật. >> [Hướng dẫn cài đặt nhanh](#)
- Tất cả các vật liệu bảo vệ đã được tháo. >> [Hướng dẫn cài đặt nhanh](#)
- Giấy được nạp đúng vào khay giấy.
- Cáp giao diện được kết nối chắc chắn với máy và máy tính hoặc kết nối không dây được cài đặt trên cả máy và máy tính của bạn.
- Thông báo lỗi và bảo trì

Nếu bạn không giải quyết được vấn đề bằng các lần kiểm tra, hãy xác định vấn đề rồi >> [Thông tin liên quan](#)



### Thông tin liên quan

- [Thông báo lỗi và bảo trì \(DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw\)](#)
- [Kẹt giấy](#)
- [Vấn đề khi in](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)
- [Vấn đề về mạng](#)
- [Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google](#)
- [Các vấn đề về AirPrint](#)
- [Các vấn đề khác](#)
- [Thông tin về máy](#)

## Thông báo lỗi và bảo trì (DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw)

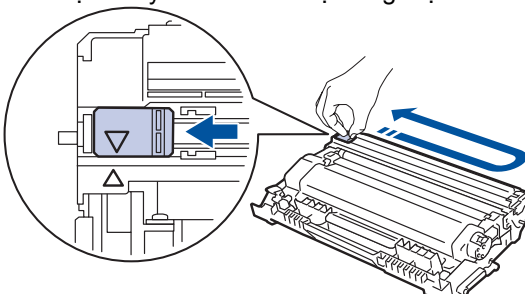



Đảm bảo cài đặt NFC của cả máy Fuji Xerox của bạn và thiết bị Android™ của bạn đều được đặt về Bật.


Như với bất kỳ sản phẩm văn phòng phức tạp nào, lỗi có thể xảy ra và vật tư có thể phải thay thế. Nếu điều này xảy ra, máy của bạn sẽ xác định lỗi hoặc bảo trì thường lệ bắt buộc và hiển thị thông báo thích hợp. Các thông báo lỗi và bảo trì thường gặp nhất được trình bày trong bảng sau.

Thực hiện theo hướng dẫn trong cột **Hành động** để xử lý lỗi và loại bỏ thông báo lỗi.

Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các lỗi và thực hiện bảo trì thường lệ.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
2-sided Disabled (Đã vô hiệu 2 mặt)	Nắp lưng của máy không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp lưng của máy cho đến khi nắp khớp vào vị trí đóng.
	Khay in 2 mặt không được lắp vào hoàn toàn.	Lắp đặt chắc chắn khay in 2 mặt vào máy.
Cartridge Error (Lỗi hộp mực)	Hộp mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Lấy hộp mực ra, rồi lắp lại vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của Fuji Xerox hoặc đại lý bán hàng của Fuji Xerox tại địa phương..
Cooling Down (Làm nguội)	Nhiệt độ bên trong máy quá nóng. Máy tạm dừng công việc in hiện tại của máy và đi vào chế độ làm nguội.	Hãy chờ cho đến khi máy đã hoàn thành làm nguội. Đảm bảo tất cả các cửa thông gió trên máy không có vật cản. Khi máy đã nguội, máy sẽ khôi phục lại công tác in. Nếu quạt không quay, ngắt kết nối máy khỏi nguồn điện trong vài phút, rồi kết nối lại.
Cover is Open (Nắp đang mở)	Nắp phía trước không được đóng hoàn toàn.	Mở, rồi đóng chặt nắp phía trước của máy.
Cover is Open (Nắp đang mở)	Nắp bộ sấy mực không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp bộ sấy mực bên trong nắp lưng của máy.
Drum ! (Trống ! )	Dây corona trên bộ trống mực phải được vệ sinh.	Làm sạch dây corona trên bộ trống mực.  <b>&gt;&gt; Thông tin liên quan: Vệ sinh Dây Corona</b> Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay bộ trống mực mới vào.
	Bộ trống mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo bộ trống mực, tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại bộ trống mực vào máy.
Drum End Soon (Trống sắp hỏng)	Bộ trống mực gần hết tuổi thọ.	Đặt mua bộ trống mực mới trước khi màn hình LCD hiển thị Replace Drum (Thay trống).
Jam 2-sided (Kẹt 2 mặt)	Giấy bị kẹt trong khay giấy 2 mặt hoặc bên trong nắp sau.	Tháo khay giấy 2 mặt và mở nắp sau để kéo toàn bộ giấy kẹt ra.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Jam Inside (Kẹt giấy trong máy)	Giấy bị kẹt bên trong máy.	Mở nắp phía trước và tháo cụm hộp mực và bộ trống mực, và kéo toàn bộ giấy kẹt ra. Đóng nắp phía trước.
Jam MP Tray (Kẹt khay MP)	Giấy bị kẹt trong khay MP.	Lấy toàn bộ giấy kẹt bên trong hoặc xung quanh khay MP. Bấm <b>Go (Vào)</b> .
Jam Rear (Kẹt phía sau máy)	Giấy bị kẹt trong bộ phận phía sau của máy.	Mở nắp bộ sấy mực và lấy giấy bị kẹt ra. Đóng nắp bộ sấy mực.
Jam Tray 1 (Kẹt khay 1)	Giấy bị kẹt trong khay giấy được chỉ báo.	Kéo khay giấy được chỉ báo trên màn hình LCD ra và loại bỏ toàn bộ giấy kẹt.
Manual Feed (Nạp bằng tay)	<b>Bảng tay</b> được chọn làm nguồn giấy trong trình điều khiển máy in, nhưng không có giấy trong khe nạp bằng tay.	Đưa giấy vào khe nạp bằng tay.
Media Mismatch (Môi trường không phù hợp)	Loại phương tiện được xác định trong trình điều khiển máy in khác với loại giấy được xác định trong menu của máy.	Nạp đúng loại giấy được chỉ báo trên màn hình LCD, rồi chọn đúng loại phương tiện trong phần cài đặt Loại giấy trên máy.
No Drum Unit (Không có Bộ Trống từ)	Bộ trống mực không được lắp đúng.	Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực.
No Paper (Không có giấy)	Máy hết giấy hoặc giấy không được nạp đúng vào khay giấy.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nạp lại giấy lại vào khay giấy. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Không nạp quá nhiều giấy vào khay.</li> </ul>
No Paper MP (Không có giấy MP)	Khay MP hết giấy, hoặc giấy không được nạp đúng cách trong khay MP.	Thực hiện một trong các thao tác sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Nạp lại giấy trong khay MP. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> </ul>
No Paper T1 (Không có giấy T1)	Máy không thể nạp giấy từ khay giấy được chỉ báo.	Thực hiện một trong các thao tác sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Nạp lại giấy vào khay giấy được chỉ báo trên màn hình LCD. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Không nạp quá nhiều giấy vào khay giấy.</li> </ul>
No Toner (Không có hộp mực)	Hộp mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay hộp mực mới vào.
Out of Memory (Hết bộ nhớ)	Bộ nhớ của máy đầy.	Bấm và giữ <b>Go (Vào)</b> trong khoảng hai giây và giảm độ phân giải in.
Print Data Full (Dữ liệu in đầy)	Bộ nhớ của máy đầy.	Bấm và giữ <b>Go (Vào)</b> trong khoảng hai giây và xóa dữ liệu in đã được lưu trữ trước đó.
Print Unable (Không thể in) ##	Máy có vấn đề về cơ khí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài phút, rồi bật lại máy.</li> <li>Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên lạc Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của Fuji Xerox..</li> </ul>

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Replace Drum (Thay trống)	Đã đến lúc thay bộ trống mực.	Thay bộ trống mực mới vào. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Thay Bộ trống mực</i>
	Bộ đếm của bộ trống mực đã không được đặt lại khi trống mực mới được lắp.	Đặt lại bộ đếm của bộ trống mực. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ trống mực mới.
Replace Toner (Thay hộp mực)	Hộp mực hết tuổi thọ. Máy dừng tất cả các thao tác in.	Thay hộp mực mới vào.
Self-Diagnostic (Tự chẩn đoán)	Nhiệt độ của bộ sấy mực không tăng đến nhiệt độ đã quy định trong thời gian quy định.	Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài giây, rồi bật lại máy. Vặn để nguồn bật, để máy ở chế độ nghỉ trong 15 phút.
	Bộ sấy mực quá nóng.	
Size Error (Lỗi khổ giấy)	Khổ giấy được xác định trong trình điều khiển máy in không được khay xác định hỗ trợ.	Chọn khổ giấy được khay xác định hỗ trợ.
Size Error DX (Lỗi kích thước DX)	Khổ giấy được chỉ định trong cài đặt khổ giấy của máy không sử dụng được với chức năng in 2 mặt tự động.	Bấm và giữ <b>Go (Vào)</b> trong khoảng hai giây (nếu được yêu cầu). Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khay phù hợp với khổ giấy đó.
	Khổ giấy trong khay không đúng và không sử dụng được với in 2 mặt tự động.	Chọn khổ giấy được hỗ trợ cho in 2 mặt. Khổ giấy khả dụng cho chức năng in 2 mặt tự động là A4.
Size Mismatch (Kích thước không trùng khớp)	Khổ giấy trong khay không đúng.	Nạp đúng khổ giấy vào khay được chỉ báo trên màn hình LCD và thiết đặt khổ giấy cho khay. <b>Bấm Go (Vào).</b>
Toner Ended (Hộp mực đã hết tuổi thọ)	Đã đến lúc thay hộp mực.	Thay hộp mực bằng hộp mực mới.
Toner Low (Hộp mực gần hết tuổi thọ)	Nếu màn hình LCD hiển thị thông báo này, bạn vẫn có thể in. Hộp mực gần hết tuổi thọ.	Hãy đặt hàng hộp mực mới ngay để bạn có sẵn ngay khi màn hình LCD hiển thị Replace Toner (Thay hộp mực).



### Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố
- Thay thế vật tư.
- Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP)
- Thay Bộ trống mực
- Vệ sinh Dây Corona

## Kẹt giấy

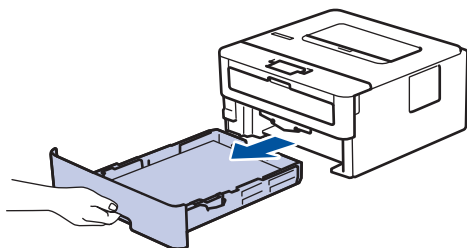
Luôn lấy giấy còn lại khỏi khay giấy và làm thẳng chồng giấy khi bạn thêm giấy mới. Điều này giúp ngăn việc nạp nhiều tờ giấy qua máy cùng một lúc và ngăn kẹt giấy.

- Giấy bị kẹt trong khay giấy
- Giấy bị kẹt trong khay MP
- Giấy bị kẹt ở phía sau máy
- Giấy bị kẹt bên trong máy
- Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

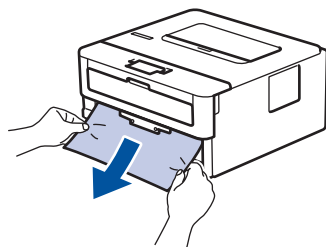
## Giấy bị kẹt trong khay giấy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay giấy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.

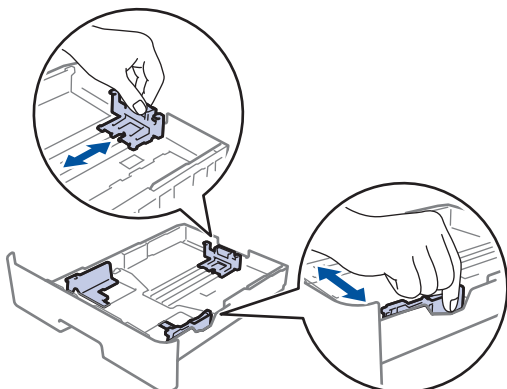


2. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.

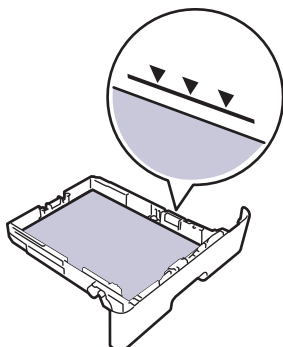


Kéo giấy bị kẹt xuống bằng cả hai tay cho phép bạn lấy giấy ra dễ dàng hơn.

3. Tải đều trọng lượng giấy để tránh kẹt giấy về sau và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với khổ giấy.



4. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).



5. Lắp chắc chắn khay giấy trở lại vào máy.



### Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

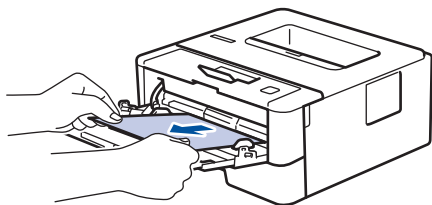


## Giấy bị kẹt trong khay MP

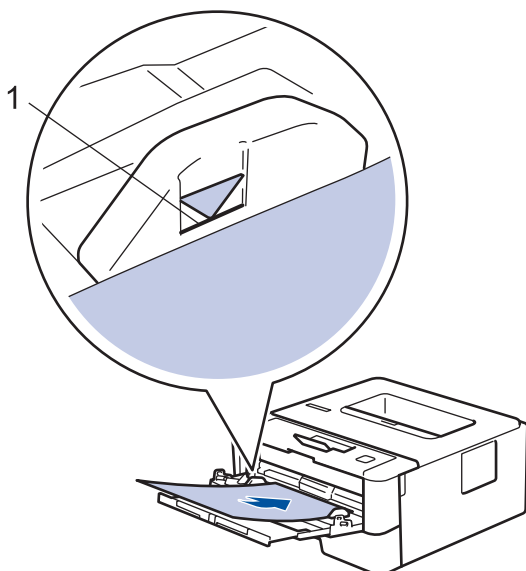
**Model:** DocuPrint P285 dw

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay MP, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Lấy giấy ra khỏi khay MP.
2. Lấy toàn bộ giấy kẹt bên trong hoặc xung quanh khay MP.



3. Quạt ngăn xếp giấy và đặt trở lại vào khay MP.
4. Nạp lại giấy trong khay MP và đảm bảo giấy nằm dưới chiều cao tối đa của thanh dẫn giấy (1) ở cả hai mặt của khay.



5. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình LCD của máy.

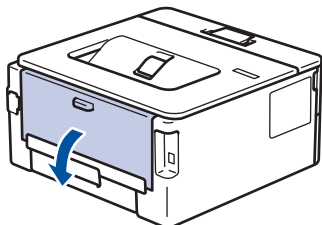
### ✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

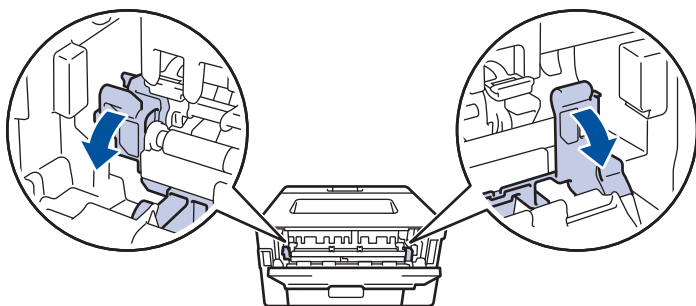
## Giấy bị kẹt ở phía sau máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt ở phía sau máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp lưng.



3. Kéo các móc màu xanh bên trái và phải về phía bạn để nhả nắp bộ sấy mực.



### ⚠ CẢNH BÁO

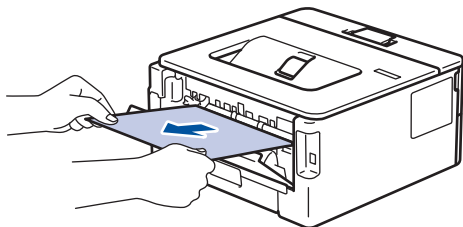
#### BỀ MẶT NÓNG

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



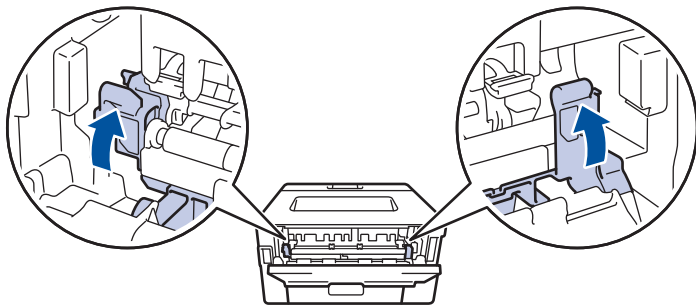
✏ Nếu các cần phong bì màu xanh lá cây bên trong phần vỏ mặt lưng được kéo xuống vị trí phong bì, hãy nâng các cần này lên vị trí ban đầu trước khi kéo các vấu màu xanh lá cây xuống.

4. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi bộ sấy mực.



---

5. Đóng nắp bộ sấy mực.



Nếu bạn in trên phong bì, hãy kéo các cần phong bì màu xanh lá cây xuống vị trí phong bì lại lần nữa trước khi đóng vỏ mặt sau.

6. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.



### Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

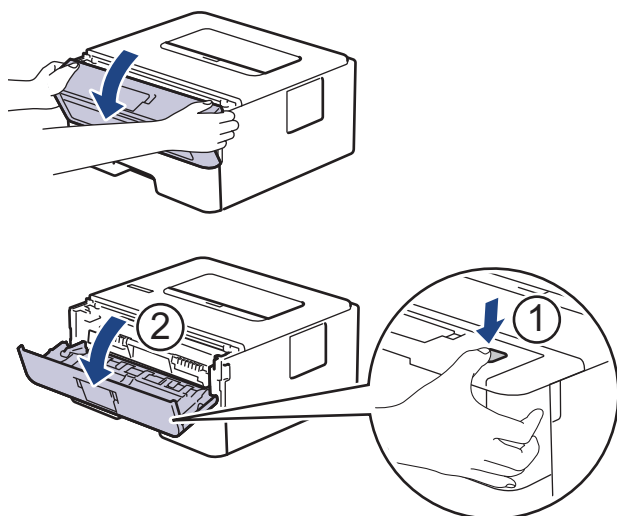
## Giấy bị kẹt bên trong máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt bên trong máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

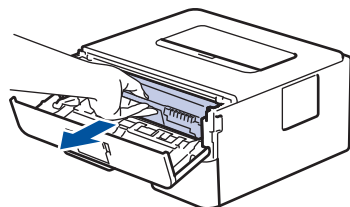
### ⚠ THẬN TRỌNG

Không cố loại bỏ giấy kẹt sau bên trong sản phẩm, đặc biệt khi giấy cuộn quanh trục lăn nhiệt. Nếu không, nó có thể gây thương tích hoặc bỏng và thậm chí nghiêm trọng hơn, có thể phát ra khói nếu bạn tiếp vận hành sản phẩm khi có giấy kẹt. Nhanh chóng tắt sản phẩm và liên hệ đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn để biết thêm thông tin.

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp phía trước.



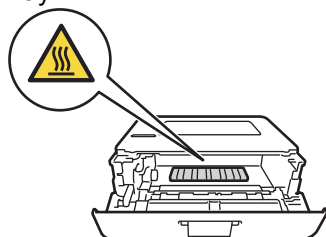
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực.



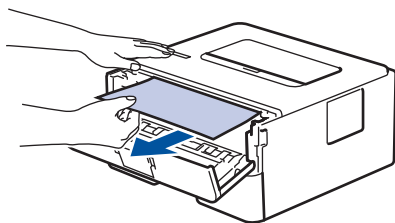
### ⚠ CẢNH BÁO

#### BỀ MẶT NÓNG

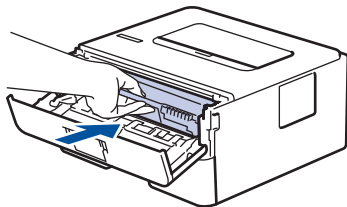
Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



4. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.



5. Lắp đặt hộp mực và cụm bộ trống mực vào máy.



6. Đóng nắp phía trước.

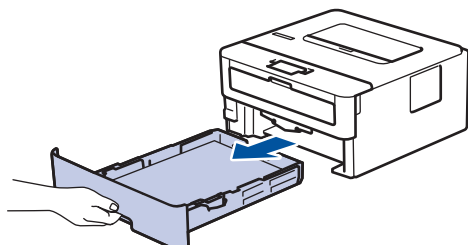
### Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)
-

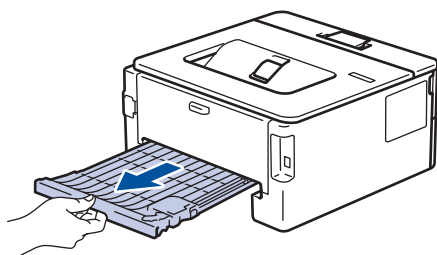
## Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy thực hiện theo các bước sau:

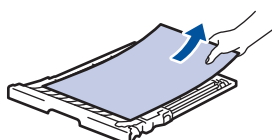
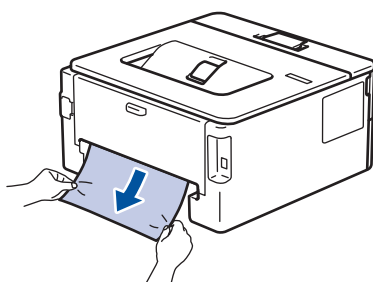
1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



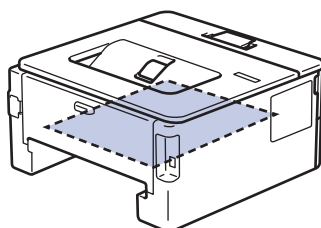
3. Ở phía sau máy, kéo hẳn khay in 2 mặt ra khỏi máy.



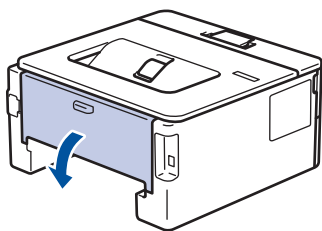
4. Kéo giấy bị kẹt ra khỏi máy hoặc ra khỏi khay in 2 mặt.



5. Lấy giấy có thể đã kẹt dưới máy do tĩnh điện.



6. Nếu giấy không bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy mở nắp lưng.



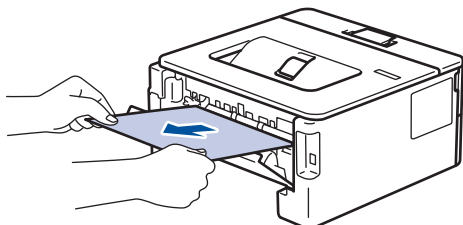
## CẢNH BÁO

### BỀ MẶT NÓNG

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



7. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi phần phía sau của máy.



8. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.

9. Lắp chắc chắn khay 2 mặt vào phía sau của máy.





10. Lắp chắc chắn khay giấy vào phía trước của máy.





## Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

## Vấn đề khi in

Khó khăn	Gợi ý
Không có bản in	<p>Đảm bảo rằng máy không ở chế độ Tắt nguồn.</p> <p>Nếu máy ở chế độ Tắt nguồn, bấm  trên bảng điều khiển, rồi gửi lại dữ liệu in.</p> <p>Kiểm tra xem đã cài đặt và chọn đúng trình điều khiển máy in chưa.</p> <p>Kiểm tra xem Status Monitor hoặc bảng điều khiển của máy có hiển thị trạng thái lỗi hay không.</p> <p>Kiểm tra máy có đang trực tuyến không:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Windows® 7 và Windows Server® 2008 R2 <p>Nhấp vào  (Bắt đầu) &gt; <b>Thiết bị và Máy in</b>. Bấm chuột phải vào <b>FX DocuPrint XXXXX</b> và bấm <b>Xem đang in gì</b>. Nhấp vào <b>Máy in</b> trong thanh menu. Đảm bảo <b>Sử dụng Máy in Gián tuyến</b> không được chọn.</p> </li> <li>Windows Server® 2008 <p>Nhấp vào  (Start) ((Bắt đầu)) &gt; <b>Control Panel (Bảng điều khiển)</b> &gt; <b>Hardware and Sound (Phần cứng và âm thanh)</b> &gt; <b>Printers (Máy in)</b>. Bấm chuột phải vào <b>FX DocuPrint XXXXX</b>. Đảm bảo rằng <b>Use Printer Online (Sử dụng máy in trực tuyến)</b> không được liệt kê. Nếu có liệt kê, bấm vào tùy chọn này để thiết đặt trình điều khiển thành Trực tuyến.</p> </li> <li>Windows® 8 và Windows Server® 2012 <p>Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, bấm <b>Thiết lập</b> &gt; <b>Pa-nen Điều khiển</b> &gt; <b>Phần cứng và Âm thanh</b> &gt; <b>Xem thiết bị và máy in</b>. Bấm chuột phải vào <b>FX DocuPrint XXXXX</b>. Bấm <b>Xem đang in gì</b>. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Bấm <b>Máy in</b> trong thanh menu và đảm bảo không chọn <b>Sử dụng Máy in Gián tuyến</b>.</p> </li> <li>Windows® 10 và Windows Server® 2016 <p>Nhấp vào  &gt; <b>Hệ thống Windows</b> &gt; <b>Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng và Âm thanh</b>, bấm <b>Xem thiết bị và máy in</b>. Bấm chuột phải vào <b>FX DocuPrint XXXXX</b>. Bấm <b>Xem đang in gì</b>. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Bấm <b>Máy in</b> trong thanh menu và đảm bảo không chọn <b>Sử dụng Máy in Gián tuyến</b>.</p> </li> <li>Windows Server® 2012 R2 <p>Bấm <b>Control Panel (Bảng điều khiển)</b> trên màn hình <b>Start (Bắt đầu)</b>. Trong nhóm <b>Hardware (Phần cứng)</b>, bấm <b>Xem thiết bị và máy in</b>. Bấm chuột phải vào <b>FX DocuPrint XXXXX</b>. Bấm <b>See what's printing (Xem đang in gì)</b>. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Bấm <b>Printer (Máy in)</b> trong thanh menu và đảm bảo rằng <b>Sử dụng Máy in Gián tuyến</b> không được chọn.</p> </li> <li>Mac</li> </ul>



Khó khăn	Gợi ý
	Nhấp vào menu <b>System Preferences (Tùy chọn hệ thống)</b> , rồi chọn tùy chọn <b>Printers &amp; Scanners (Máy in &amp; máy quét)</b> . Khi máy đang ngoại tuyến, hãy xóa nó bằng cách sử dụng nút  , sau đó thêm nó bằng cách sử dụng nút  .
Máy không in hoặc đã dừng in.	Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.
Các đầu hoặc chân trang xuất hiện khi tài liệu hiển thị trên màn hình nhưng không hiển thị khi in tài liệu.	Có vùng không thể in ở trên cùng và dưới cùng của trang. Điều chỉnh lề trên cùng và dưới cùng trong tài liệu của bạn để cho phép in vùng này.
Máy in không như mong muốn hoặc in lộn xộn.	<p>Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.</p> <p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Xác nhận rằng trình điều khiển máy in Fuji Xerox được chọn trong cửa sổ In của ứng dụng của bạn.</p>
Máy in đúng một vài trang đầu, rồi một vài trang sau bị mất chữ.	<p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Máy của bạn không nhận tất cả dữ liệu đã gửi từ máy tính. Đảm bảo rằng bạn đã kết nối cáp giao diện đúng cách.</p>
Máy không in trên cả hai mặt của giấy mặc dù thiết lập trình điều khiển máy in là 2 mặt và máy hỗ trợ in 2 mặt tự động.	Kiểm tra thiết đặt khổ giấy trong trình điều khiển máy in. Bạn phải chọn giấy A4 60 đến 105 g/m <sup>2</sup> .
Tốc độ in quá chậm.	<p>Thử thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in. Độ phân giải cao nhất cần thời gian xử lý, gửi và in dữ liệu lâu hơn.</p> <p>Nếu bạn kích hoạt Chế độ im lặng, hãy bỏ kích hoạt Chế độ im lặng trên trình điều khiển máy hoặc thiết lập menu của máy.</p>
Máy không nạp giấy.	<p>Nếu có giấy trong khay giấy, đảm bảo rằng giấy nằm thẳng. Nếu giấy bị quăn, kéo thẳng giấy. Đôi khi bạn nên thử lấy giấy ra, lật ngược chồng giấy, rồi đặt lại vào khay giấy.</p> <p>Giảm lượng giấy trong khay giấy, rồi thử lại.</p> <p>(Dành cho các model có Khay MP)Đảm bảo rằng <b>Khay MP</b> không được chọn cho <b>Nguồn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in.</p> <p>(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)Đảm bảo rằng <b>Bảng tay</b> không được chọn cho <b>Nguồn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in.</p> <p>Vệ sinh trục cuộn lấy giấy.</p>
Máy không nạp giấy từ Khay MP. (Dành cho các model có Khay MP)	<p>Quạt giấy và đặt trở lại vào khay MP.</p> <p>Đảm bảo rằng <b>Khay MP</b> được chọn cho <b>Nguồn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in.</p>
Máy không nạp giấy từ Khe nạp bằng tay. (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)	<p>Sử dụng cả hai tay để đẩy chắc chắn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay đến khi cạnh giấy trên cùng chạm vào trục lăn nạp giấy. Tiếp tục đẩy giấy chạm vào trục lăn đến khi máy nhận giấy và kéo giấy vào trong sâu hơn.</p> <p>Nạp lần lượt từng tờ giấy vào khe nạp bằng tay.</p> <p>Đảm bảo rằng <b>Bảng tay</b> được chọn cho <b>Nguồn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in.</p>

Khó khăn	Gợi ý
Máy không nạp phong bì.	<p>(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)</p> <p>Nạp lần lượt từng phong bì vào khe nạp bằng tay. Ứng dụng của bạn phải được thiết đặt để in khổ phong bì mà bạn đang sử dụng. Điều này thường được thực hiện trong menu Cài đặt trang hoặc Cài đặt tài liệu trong ứng dụng của bạn.</p> <p>(Dành cho các model có Khay MP)</p> <p>Nạp phong bì vào khay MP. Ứng dụng của bạn phải được thiết đặt để in khổ phong bì mà bạn đang sử dụng. Điều này thường được thực hiện trong menu Cài đặt trang hoặc Cài đặt tài liệu trong ứng dụng của bạn.</p>



### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)
- [Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn \(Windows®\)](#)
- [Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn \(Mac\)](#)
- [Hủy tác vụ in](#)
- [Vệ sinh trục cuộn lấy giấy](#)
- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng \(Khay MP\)](#)



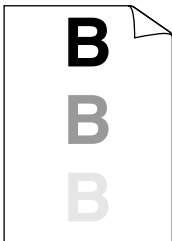
## Cải thiện chất lượng in

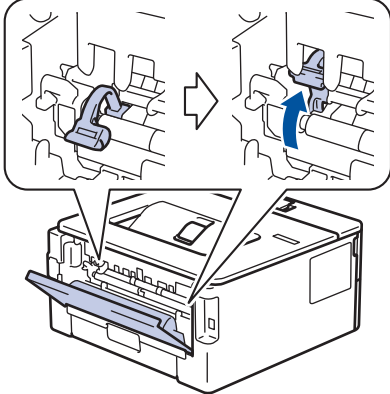
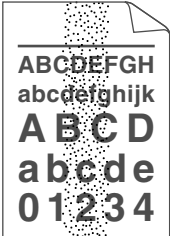
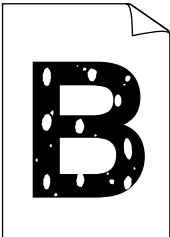
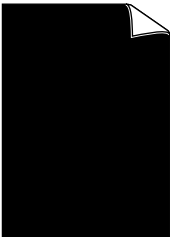

Nếu bạn có vấn đề về chất lượng in, hãy in trang kiểm tra trước tiên. Nếu bản in có chất lượng tốt, vấn đề có thể không phải ở máy. Kiểm tra các kết nối cáp giao diện và thử in tài liệu khác. Nếu bản in hoặc trang kiểm tra được in từ máy có vấn đề về chất lượng, hãy xem các ví dụ về chất lượng in xấu và thực hiện theo khuyến nghị trong bảng.






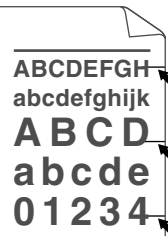
### QUAN TRỌNG

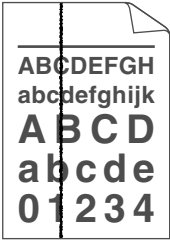
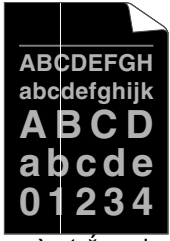

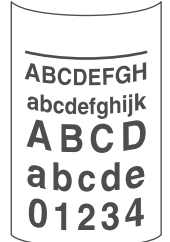
Sử dụng vật tư không phải của Fuji Xerox có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy.

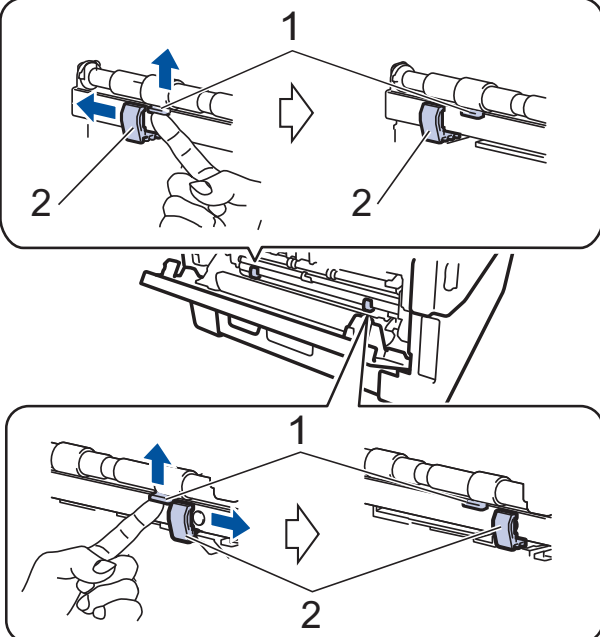
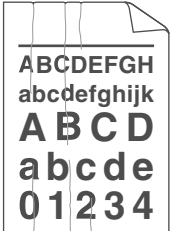
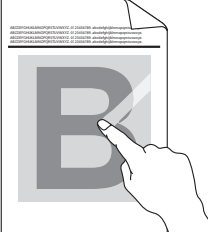
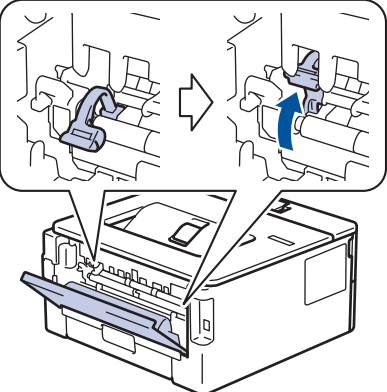
- Để có chất lượng in tốt nhất, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phương tiện in được khuyến nghị. Đảm bảo bạn sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của chúng tôi.
- Kiểm tra hộp mực và bộ trống mực có được lắp chính xác không.


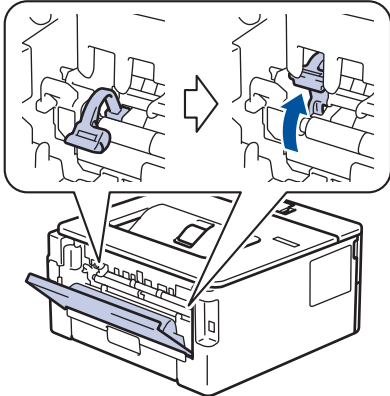
Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Mờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu máy cho biết trạng thái Thay mực in, lắp hộp mực mới vào.</li> <li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện như độ ẩm, nhiệt độ cao, v.v... có thể gây ra lỗi in này.</li> <li>Nếu toàn bộ trang giấy quá nhạt, chế độ Tiết kiệm mực in có thể được bật. Tắt chế độ Tiết kiệm mực in trong thiết đặt menu của máy hoặc trình điều khiển máy in.</li> <li>Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>Vệ sinh dây corona trên bộ trống mực.</li> <li>Thay hộp mực mới mới vào.</li> <li>Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Nền màu xám</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như nhiệt độ và độ ẩm cao có thể tăng mức độ đổ bóng của nền.</li> <li>Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>Thay hộp mực mới mới vào.</li> <li>Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Ảnh tạo bóng mờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ thấp có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này.</li> <li>Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in.</li> <li>Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu.</li> <li>Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.</li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Thay bộ trống mực mới vào.</li> <li>• Thay hộp mực mới mới vào.</li> <li>• Bộ sấy mực có thể bị bẩn.</li> </ul> <p>Liên hệ bộ phận dịch vụ khách hàng của Fuji Xerox.</p>
 <p>Các chấm mực nhỏ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển khớp với loại giấy bạn đang sử dụng.</li> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới mới vào.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> <li>• Bộ sấy mực có thể bị bẩn.</li> </ul> <p>Liên hệ bộ phận dịch vụ khách hàng của Fuji Xerox.</p>
 <p>Chữ in có lỗ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn chế độ <b>Giấy dày</b> trong trình điều khiển máy in hoặc sử dụng giấy mỏng hơn bạn hiện đang sử dụng.</li> <li>• Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu.</li> <li>• Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm cao có thể khiến chữ in có lỗ.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Đen toàn bộ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Các đường màu trắng ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in.</li> <li>• Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu.</li> <li>• Vấn đề có thể tự biến mất. In nhiều trang trắng để xóa vấn đề này, đặc biệt nếu máy không được sử dụng trong thời gian dài.</li> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Các đường ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Các đường mực màu đen trên khắp trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn sử dụng giấy dày, có thể có các đường màu đen. Khi điều này xảy ra, hãy sử dụng giấy mỏng hơn loại bạn đang sử dụng.</li> </ul>
 <p>Các đường, dải hoặc gân sọc màu trắng ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ cao có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này.</li> <li>Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi một vài trang, thay bộ trống mực mới.</li> </ul>
 <p>Đốm trắng trên văn bản và đồ họa đen cách quãng 94 mm</p>  <p>Đốm đen cách quãng 94 mm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi in trang trắng, bộ trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo từ nhãn, kẹt trên trống mực. Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>➤➤ <i>Thông tin liên quan:</i> Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực</li> <li>Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Mực đen tạo dấu ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn sử dụng tờ giấy nhãn cho máy in laze, keo từ các tờ giấy đôi khi có thể dính vào bề mặt trống. Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>➤➤ <i>Thông tin liên quan:</i> Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực</li> <li>Nếu bạn sử dụng giấy có kẹp hoặc dập ghim, bộ trống mực có thể bị hỏng.</li> <li>Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rơi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng.</li> <li>Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới vào.</li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Đường màu đen dọc trang giấy Trang in bị rầy mực dọc trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> <li>Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt vấu màu xanh lá cây. Đảm bảo vấu màu xanh lá cây của bộ trống mực nằm ở Vị trí Ban đầu.</li> <li>Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới vào.</li> <li>Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> <li>Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ bộ phận dịch vụ khách hàng của Fuji Xerox.</li> </ul>
 <p>Các đường màu trắng dọc trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo vật lạ chẳng hạn như mẫu giấy rách, giấy dính ghi chú hoặc bụi bẩn không ở trong máy và quanh hộp mực và bộ trống mực.</li> <li>Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới vào.</li> <li>Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Hình ảnh bị lệch</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo giấy hoặc phương tiện in khác được nạp chính xác trong khay giấy và thanh dẫn giấy không tỳ quá chặt hoặc quá lỏng vào chồng giấy.</li> <li>Đặt thanh dẫn giấy chính xác.</li> <li>Khay giấy có thể quá đầy.</li> <li>Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy.</li> <li>Kiểm tra xem có vật rời ra, như giấy rách bên trong máy.</li> <li>Nếu sự cố chỉ xảy ra trong khi in 2 mặt tự động, hãy kiểm tra giấy rách trong khay 2 mặt. Xác minh khay 2 mặt được chèn hoàn toàn và nắp lưng được đóng hoàn toàn.</li> </ul>
 <p>Ảnh quần hoặc gợn sóng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. Nhiệt độ và độ ẩm cao có thể khiến giấy bị quần.</li> <li>Nếu bạn không sử dụng máy thường xuyên, giấy có thể nằm trong khay giấy quá lâu. Lật ngược chồng giấy trong khay giấy. Ngoài ra, tải chồng giấy, rồi xoay giấy 180° trong khay giấy.</li> <li>Mở nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) để cho phép trang đã in chạy ra trên khay đầu ra hướng lên.</li> <li>Chọn chế độ <b>Giảm thiểu Quần Giấy</b> trong trình điều khiển máy in khi bạn không sử dụng phương tiện in được chúng tôi khuyến nghị.</li> <li>Lật giấy trong khay giấy và in lại. Nếu sự cố vẫn không được khắc phục, hãy thay đổi các Cần chống uốn cong như sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>Mở nắp lưng.</li> <li>Nhấc cần (1) lên và trượt hai cần màu xám (2) theo hướng mũi tên.</li> </ol> </li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	
 <p>Nhăn hoặc gấp nếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo giấy được nạp đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy.</li> <li>• Lật ngược chồng giấy trong khay hoặc xoay giấy 180° trong khay đầu vào.</li> </ul>
 <p>Khả năng hiện mực kém</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển máy in khớp với loại giấy bạn đang sử dụng.</li> <li>• Chọn chế độ <b>Cải thiện khả năng hiện mực</b> trong trình điều khiển máy in.</li> </ul> <p>Nếu lựa chọn này không cho thấy cải thiện rõ rệt, thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in trong <b>Loại vật liệu in</b> thành thiết đặt dày. Nếu bạn đang in phong bì, chọn <b>Bao thư Dày</b> trong thiết đặt loại phương tiện.</p>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Phong bì gấp nếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống đến vị trí của phong bì khi bạn in phong bì. Sau khi bạn in xong, đặt lại các cần về vị trí ban đầu. Kéo các cần lên cho đến khi chúng dừng lại.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo phong bì được in với nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) mở.</li> <li>• (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo phong bì chỉ được nạp từ khe nạp bằng tay.</li> <li>• (Dành cho các model có Khay MP) Đảm bảo phong bì chỉ được nạp từ khay MP.</li> </ul>



## Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)
- [In thử](#)
- [Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đếm mực của trống mực](#)
- [Giảm mức tiêu thụ mực](#)
- [Thay Hộp mực](#)
- [Thay Bộ trống mực](#)



## Vấn đề về mạng

- Thông báo lỗi
- Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Fuji Xerox ở đâu?
- Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây
- Máy Fuji Xerox của tôi không thể in qua mạng
- Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

## Thông báo lỗi

Máy Fuji Xerox sẽ hiển thị thông báo lỗi nếu có lỗi xảy ra. Các thông báo lỗi thường gặp nhất được trình bày trong bảng.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Connection Error (Lỗi kết nối)	Các thiết bị khác cũng đang cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct.	Đảm bảo không có thiết bị khác nào cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct, rồi thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct.
Connection Fail (Kết nối không thành công)	Máy Fuji Xerox và thiết bị di động của bạn không thể kết nối trong khi cấu hình mạng Wi-Fi Direct.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Di chuyển thiết bị di động lại gần máy Fuji Xerox của bạn.</li><li>• Di chuyển máy Fuji Xerox của bạn và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.</li><li>• Nếu bạn đang sử dụng Phương pháp mã PIN của WPS, đảm bảo bạn đã nhập đúng mã PIN.</li></ul>
No Device (Không có thiết bị)	Khi cấu hình mạng Wi-Fi Direct, máy Fuji Xerox không thể tìm thấy thiết bị di động của bạn.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo máy và thiết bị di động của bạn ở chế độ Wi-Fi Direct.</li><li>• Di chuyển thiết bị di động lại gần máy Fuji Xerox của bạn.</li><li>• Di chuyển máy Fuji Xerox của bạn và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.</li><li>• Nếu bạn đang cấu hình bằng tay mạng Wi-Fi Direct, đảm bảo bạn đã nhập đúng mật khẩu.</li><li>• Nếu thiết bị di động của bạn có trang cấu hình để biết cách lấy địa chỉ IP, đảm bảo địa chỉ IP của thiết bị di động đã được cấu hình qua DHCP.</li></ul>



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)

## **Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Fuji Xerox ở đâu?**

- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn](#)

## Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây

Tắt bộ định tuyến không dây của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt không dây. Nếu bạn không thể giải quyết được vấn đề, hãy làm theo hướng dẫn sau:

Điều tra vấn đề bằng cách sử dụng Báo cáo WLAN.



Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/Khóa mạng) không chính xác.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chọn và xác nhận rằng bạn đang sử dụng thiết đặt bảo mật chính xác.</li> <li>Xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để biết thông tin về cách tìm thiết đặt bảo mật.</li> <li>Tên nhà sản xuất hoặc số model của điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây có thể được sử dụng làm thiết đặt bảo mật mặc định.</li> <li>Tham khảo ý kiến của nhà sản xuất điểm truy cập/bộ định tuyến, nhà cung cấp Internet hoặc người quản trị mạng của bạn.</li> </ul>	Không dây
Địa chỉ MAC của máy Fuji Xerox của bạn không được cho phép.	Xác nhận rằng Địa chỉ MAC của máy Fuji Xerox được cho phép trong bộ lọc. Bạn có thể tìm thấy Địa chỉ MAC trên bảng điều khiển của máy Fuji Xerox.	Không dây
Điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn đang ở chế độ tàng hình (không quảng bá SSID).	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhập bằng tay tên SSID hoặc Khóa mạng chính xác.</li> <li>Kiểm tra tên SSID hoặc Khóa mạng trong hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn và cấu hình lại cài đặt mạng không dây.</li> </ul>	Không dây
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/mật khẩu) không chính xác.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác nhận SSID và mật khẩu.</li> <li>Khi bạn đang cấu hình mạng bằng tay, SSID và mật khẩu được hiển thị trên máy Fuji Xerox của bạn. Nếu thiết bị di động của bạn hỗ trợ cấu hình bằng tay, SSID và mật khẩu sẽ được hiển thị trên màn hình thiết bị di động của bạn.</li> </ul>	Wi-Fi Direct
Bạn đang sử dụng Android™ 4.0.	Nếu thiết bị di động của bạn ngắt kết nối (khoảng sáu phút sau khi sử dụng Wi-Fi Direct), thử cấu hình một lần bấm bằng WPS (được khuyến nghị) và thiết đặt máy Fuji Xerox làm Chủ sở hữu nhóm.	Wi-Fi Direct
Máy Fuji Xerox của bạn được đặt quá xa so với thiết bị di động.	Di chuyển máy Fuji Xerox đến gần thiết bị di động trong phạm vi khoảng 3.3 feet (1 mét) khi bạn cấu hình thiết đặt mạng Wi-Fi Direct.	Wi-Fi Direct
Có một số chướng ngại vật (ví dụ như tường hoặc đồ đạc) giữa máy của bạn và thiết bị di động.	Di chuyển máy Fuji Xerox của bạn đến khu vực không có chướng ngại vật.	Wi-Fi Direct
Có một máy tính không dây, thiết bị hỗ trợ Bluetooth®, lò vi sóng hoặc điện thoại không dây kỹ thuật số ở gần máy Fuji Xerox hoặc thiết bị di động.	Di chuyển các thiết bị khác ra xa khỏi máy Fuji Xerox hoặc thiết bị di động.	Wi-Fi Direct
Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng vẫn không thể hoàn tất việc cấu hình Wi-Fi Direct, hãy thực hiện như sau:	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt máy Fuji Xerox của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct.</li> <li>Nếu bạn đang sử dụng máy Fuji Xerox của mình làm máy khách, xác nhận có bao nhiêu thiết bị được cho phép trong mạng Wi-Fi Direct hiện tại, rồi kiểm tra xem bao nhiêu thiết bị được kết nối.</li> </ul>	Wi-Fi Direct



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)

## Máy Fuji Xerox của tôi không thể in qua mạng

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng.	Một số phần mềm bảo mật có thể chặn truy cập mà không hiển thị hộp thoại thông báo bảo mật ngay cả sau khi đã cài đặt thành công. Để cho phép truy cập, xem hướng dẫn dành cho phần mềm bảo mật của bạn hoặc hỏi nhà sản xuất phần mềm.	Có dây/Không dây
Máy Fuji Xerox của bạn không được gán địa chỉ IP cố sẵn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác nhận địa chỉ IP và Mật mã mạng con. Xác nhận rằng cả địa chỉ IP và Mật mã mạng con của máy tính và máy Fuji Xerox của bạn là chính xác và nằm trên cùng một mạng. Để biết thêm thông tin về cách xác nhận địa chỉ IP và Mật mã mạng con, hỏi người quản trị mạng của bạn.</li> </ul>	Có dây/Không dây
Công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính của bạn, xóa công việc đó.</li> <li>Nếu không, bấm đúp vào biểu tượng máy in trong thư mục sau và hủy bỏ tất cả các tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>Windows® 7 Bấm  (Bắt đầu) &gt; <b>Thiết bị và Máy in</b> &gt; <b>Máy in và Fax</b>.</li> <li>Windows® 8 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào <b>Thiết đặt &gt; Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng và Âm thanh</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in &gt; Máy in</b>.</li> <li>Windows® 10 và Windows Server® 2016 Nhấp vào  &gt; <b>Hệ thống Windows &gt; Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng và Âm thanh</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in &gt; Máy in</b>.</li> <li>Windows Server® 2008 Bấm <b>Bắt đầu</b> &gt; <b>Pa-nen Điều khiển</b> &gt; <b>Máy in</b>.</li> <li>Windows Server® 2012 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào <b>Thiết đặt &gt; Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in &gt; Máy in</b>.</li> <li>Windows Server® 2012 R2 Bấm <b>Control Panel (Bảng điều khiển)</b> trên màn hình <b>Start (Bắt đầu)</b>. Trong nhóm <b>Hardware (Phần cứng)</b>, bấm <b>Xem thiết bị và máy in</b>.</li> <li>macOS v10.11.x, v10.12.x, v10.13.x Nhấp vào <b>System Preferences (Tùy chọn hệ thống) &gt; Printers &amp; Scanners (Máy in &amp; máy quét)</b>.</li> </ul> </li> </ul>	Có dây/Không dây
Máy Fuji Xerox của bạn không được kết nối với mạng không dây.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in.	Không dây

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng máy Fuji Xerox của bạn vẫn không thể in, gỡ cài đặt rồi cài đặt lại trình điều khiển máy in.



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)
- [Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.](#)

## Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Kiểm tra	Hành động	Giao diện
Kiểm tra xem máy Fuji Xerox, điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng mạng của bạn có được bật không.	<b>Kiểm tra như sau:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Dây nguồn được kết nối đúng và máy Fuji Xerox được bật.</li><li>Điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng được bật và nút liên kết đang nhấp nháy.</li><li>Đã tháo hết bao bì bảo vệ khỏi máy.</li><li>Hộp mực và bộ trống mực được lắp đặt chính xác.</li><li>Nắp phía trước và nắp lưng được đóng hoàn toàn.</li><li>Giấy được nạp vào khay giấy đúng cách.</li><li>(Đối với mạng có dây) Cáp mạng được kết nối chắc chắn với máy Fuji Xerox và với bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng.</li></ul>	Có dây/Không dây
Kiểm tra <b>Link Status</b> trong Báo cáo Cấu hình Mạng hoặc trang Cài đặt Máy in.	In Báo cáo cấu hình mạng và kiểm tra xem <b>Ethernet Link Status</b> hoặc <b>Wireless Link Status</b> có là <b>Link OK</b> không.	Có dây/Không dây
Kiểm tra xem bạn có thể "kiểm tra kết nối" máy Fuji Xerox từ máy tính của mình hay không.	Kiểm tra kết nối máy Fuji Xerox từ máy tính của bạn bằng cách sử dụng địa chỉ IP hoặc tên nút trong cửa sổ nhắc lệnh Windows® hoặc ứng dụng Mac Terminal: kiểm tra kết nối <ipaddress> hoặc <nodename>. <ul style="list-style-type: none"><li>Thành công: Máy Fuji Xerox của bạn đang hoạt động chính xác và được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.</li><li>Không thành công: Máy Fuji Xerox của bạn không được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.</li></ul> Xác nhận rằng địa chỉ IP và Mật khẩu mạng con được thiết đặt chính xác.	Có dây/Không dây
Kiểm tra xem máy Fuji Xerox của bạn có được kết nối với mạng không dây không.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in.	Không dây

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng bạn vẫn đang gặp vấn đề, xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để tìm thông tin về SSID và Khóa mạng, rồi thiết đặt chính xác các mục này.



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)
- [Máy Fuji Xerox của tôi không thể in qua mạng](#)

## Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google

Khó khăn	Gợi ý
Máy Fuji Xerox của tôi không được hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật.
	Kiểm tra xem Google Cloud Print™ đã được bật hay chưa.
	Kiểm tra xem máy của bạn đã được đăng ký với Google Cloud Print™ hay chưa. Nếu máy chưa được đăng ký, hãy thử đăng ký lại.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng của bạn. >> <a href="#">Thông tin liên quan</a>
	Một số tệp tin nhất định có thể không in được hoặc có thể không xuất hiện chính xác khi được hiển thị.
Tôi không thể đăng ký máy Fuji Xerox của tôi với Google Cloud Print™.	Đảm bảo máy của bạn đã được kết nối với mạng có thể truy cập Internet.
	Kiểm tra xem ngày và thời gian có được đặt đúng trên máy của bạn hay không.
Tôi không thấy thông báo xác nhận trên máy Fuji Xerox khi tôi thử đăng ký với Google Cloud Print™, ngay cả sau khi lặp lại các bước đăng ký.	Đảm bảo máy Fuji Xerox của bạn không hoạt động trong quá trình thực hiện đăng ký với Google Cloud Print™.



### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

## Các vấn đề về AirPrint

Khó khăn	Gợi ý
Máy Fuji Xerox của tôi không được hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy Fuji Xerox của bạn đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng. >> <a href="#">Thông tin liên quan</a>
	Di chuyển thiết bị di động lại gần điểm truy cập không dây/bộ định tuyến hoặc máy của Fuji Xerox của bạn.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy Fuji Xerox của bạn đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng. >> <a href="#">Thông tin liên quan</a>
Tôi đang cố gắng in một tài liệu nhiều trang từ một thiết bị iOS, nhưng lại CHỈ in được trang đầu tiên.	<p>Đảm bảo bạn đang chạy phiên bản hệ điều hành mới nhất.</p> <p>Tham khảo bài viết hỗ trợ của Apple sau đây để biết thêm thông tin về AirPrint: <a href="https://support.apple.com/kb/HT4356">support.apple.com/kb/HT4356</a>.</p>







### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)



## Các vấn đề khác

Khó khăn	Gợi ý
Máy sẽ không bật.	<p>Các điều kiện bất lợi về kết nối điện (như sét hoặc điện áp tăng vọt) có thể đã kích hoạt cơ chế an toàn bên trong của máy. Rút phích cắm dây nguồn. Chờ mười phút, rồi rút phích cắm dây nguồn và bấm  để bật máy.</p> <p>Nếu vấn đề vẫn không được giải quyết và bạn đang sử dụng bộ ngắt điện, ngắt kết nối thiết bị này để đảm bảo rằng đây không phải là nguyên nhân gây ra vấn đề. Cắm dây nguồn của máy trực tiếp vào ổ cắm điện khác trên tường mà bạn đã biết là có hoạt động. Nếu vẫn không có điện, thử cáp điện khác.</p>
Máy không thể in dữ liệu EPS có bao gồm nhị phân bằng trình điều khiển máy in mô phỏng PS3.	<p><b>(Windows®)</b></p> <p>Để in dữ liệu EPS, thực hiện như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đối với Windows® 7 và Windows Server® 2008 R2: Nhấp vào  <b>Bắt đầu nút &gt; Thiết bị và Máy in.</b> Đối với Windows Server® 2008: Bấm nút  <b>Bắt đầu &gt; Thiết bị và Máy in.</b> Đối với Windows® 8 và Windows Server® 2012: Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, bấm <b>Thiết đặt &gt; Pa-nen Điều khiển</b>. Trong <b>Phần cứng và Âm thanh</b><sup>1</sup> nhóm, bấm <b>Xem thiết bị và máy in</b>. Đối với Windows® 10 và Windows Server® 2016: Nhấp vào  &gt; <b>Hệ thống Windows &gt; Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng và Âm thanh</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in</b>. Đối với Windows Server® 2012 R2: Bấm <b>Control Panel (Bảng điều khiển)</b> trên màn hình <b>Start (Bắt đầu)</b>. Trong nhóm <b>Hardware (Phần cứng)</b>, bấm <b>Xem thiết bị và máy in</b>.</li> <li>Nhấp chuột phải vào biểu tượng <b>FX DocuPrint XXXXX PS3 emulate</b>, chọn <b>Thuộc tính Máy in</b>.</li> <li>Từ tab <b>Thiết đặt thiết bị</b> chọn <b>TBCP (Giao thức truyền thông nhị phân có thể)</b> trong <b>Giao thức Đầu ra</b>.</li> </ol>
Không thể cài đặt phần mềm Fuji Xerox.	<p><b>(Windows®)</b></p> <p>Nếu có cảnh báo Phần mềm Bảo mật xuất hiện trên màn hình máy tính trong khi cài đặt, hãy thay đổi thiết đặt Phần mềm Bảo mật để cho phép chương trình cài đặt sản phẩm của Fuji Xerox hoặc chương trình khác chạy.</p> <p><b>(Macintosh)</b></p> <p>Nếu bạn đang sử dụng chức năng tường lửa của phần mềm chống vi-rút hoặc chống phần mềm gián điệp, tạm thời vô hiệu chức năng này, rồi cài đặt phần mềm Fuji Xerox của bạn.</p>

<sup>1</sup> Đối với Windows Server® 2012: **Phần cứng và Âm thanh**



## Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

## Thông tin về máy

- [Kiểm tra số sê-ri](#)
- [Kiểm tra phiên bản firmware](#)
- [Tổng quan về Chức năng Đặt lại](#)
- [Thiết đặt lại máy Fuji Xerox của bạn](#)

## Kiểm tra số sê-ri

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Serial No. (Số sê-ri)], rồi bấm **OK**.

Máy hiển thị số sê-ri trên màn hình LCD.



### Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)

## Kiểm tra phiên bản firmware

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Firmware Version (Phiên bản firmware)], rồi bấm **OK**.

Máy hiển thị phiên bản firmware trên màn hình LCD.



### Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)

## Tổng quan về Chức năng Đặt lại

Các loại chức năng đặt lại sau có thể sử dụng:



Rút cáp giao diện trước khi bạn chọn chức năng Đặt lại thiết đặt mạng hoặc chức năng Đặt lại theo nhà máy.



Chức năng đặt lại được chia nhỏ không có sẵn ở một số model.

### 1. Đặt lại máy

Chức năng này đặt lại các thiết đặt sau:

- Khóa thiết đặt
- Thiết đặt ngôn ngữ

### 2. Đặt lại thiết đặt mạng (Đối với các model có kết nối mạng)

Đặt lại máy chủ in về thiết đặt mặc định theo nhà máy (bao gồm thông tin Mật khẩu và Địa chỉ IP).

### 3. Đặt lại theo nhà máy

Fuji Xerox thực sự khuyến nghị bạn nên thực hiện thao tác này khi bạn vứt bỏ máy của mình.



## Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)

## Thiết đặt lại máy Fuji Xerox của bạn

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Reset (Đặt lại)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn loại đặt lại mà bạn muốn thực hiện, rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▼.
5. Bấm ▼ đối với [Yes (Có)].  
Máy sẽ khởi động lại.



### Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)
-

## Bảo trì thường lệ

- Thay thế vật tư.
- Vệ sinh máy
- Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận



## Thay thế vật tư.

Bạn phải thay thế vật tư khi máy chỉ báo rằng tuổi thọ vật tư đã hết.

Sử dụng vật tư không phải của Fuji Xerox có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy. Hộp mực và bộ trống mực là hai vật tư riêng biệt. Đảm bảo rằng cả hai được lắp đặt thành một cụm. Tên vật tư của dòng máy có thể khác nhau tùy thuộc vào từng quốc gia.

### LƯU Ý

- Liên hệ văn phòng Fuji Xerox tại địa phương của bạn để biết thêm thông tin chi tiết.
- Đảm bảo niêm kín túi đựng vật tư đã sử dụng để bột mực in không tràn khỏi hộp mực.
- Thải bỏ vật phẩm tiêu hao đã sử dụng theo quy định của địa phương, tách riêng vật phẩm tiêu hao với rác sinh hoạt. Nếu bạn có thắc mắc, vui lòng gọi đến văn phòng phụ trách thải rác ở địa phương bạn. Đảm bảo niêm kín lại mực tiêu hao để vật liệu bên trong không tràn ra.
- Chúng tôi khuyên nên đặt các vật tư đã sử dụng và vật tư mới trên một mảnh giấy để tránh vô ý làm vật liệu bên trong tràn ra hoặc vương vãi.
- Nếu bạn sử dụng giấy không hoàn toàn tương đương với phương tiện in được khuyến dùng, tuổi thọ của vật tư và bộ phận máy có thể giảm.
- Tuổi thọ dự kiến của mỗi hộp mực được dựa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Tần suất thay thế sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, tỉ lệ phần trăm che phủ, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Tần suất thay thế vật tư không phải hộp mực sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Thao tác cẩn thận với hộp mực. Nếu mực vương vãi vào tay hoặc quần áo của bạn, ngay lập tức lau hoặc rửa vết mực bằng nước lạnh.

### ⚠ CẢNH BÁO

- Tuyệt đối không sử dụng máy hút bụi để hút mực bị đổ và dư lượng mực trong sản phẩm này, hộp mực hoặc lọ mực. Nó có thể bắt lửa do tia lửa điện bên trong máy hút bụi và gây cháy nổ. Sử dụng chổi lau nhà hoặc khăn ướt để lau mực đổ. Nếu bạn làm đổ lượng mực lớn, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn.
- Tuyệt đối không bỏ hộp mực vào ngọn lửa đang cháy. Mực còn lại trong hộp mực có thể bắt lửa và gây thương tích do bỏng hoặc cháy nổ. Nếu bạn không cần sử dụng hộp mực đã qua sử dụng nữa, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương để tiêu hủy.

### ⚠ THẬN TRỌNG

- Giữ hộp trống mực (hoặc trống mực nếu không phải loại có hộp mực) và hộp mực tránh xa tầm tay trẻ em. Nếu trẻ em vô tình nuốt phải mực, hãy móc nó ra, rửa miệng bằng nước sạch, uống nước và đi khám bác sĩ ngay.
- Khi thay thế hộp trống mực (hoặc trống mực nếu không phải loại có hộp mực) và hộp mực, cẩn thận không làm đổ mực. Trong trường hợp làm đổ mực, tránh tiếp xúc với quần áo, da, mắt và miệng, cũng như hít phải.
- Nếu làm đổ mực lên da và quần áo, hãy rửa sạch bằng xà phòng và nước. Nếu mặc bẩn vào mắt, hãy rửa sạch bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút cho đến khi hết kích ứng. Đi khám bác sĩ nếu cần.

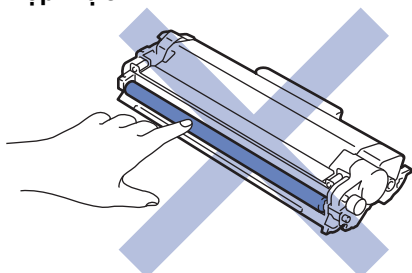
### QUAN TRỌNG

- Các máy của Fuji Xerox được thiết kế để làm việc trong điều kiện kỹ thuật đặc biệt và sẽ làm việc với mức hiệu suất tối ưu khi được sử dụng với các hộp mực chính hãng của Fuji Xerox. Fuji Xerox không thể đảm bảo hiệu suất tối ưu này nếu sử dụng mực hoặc hộp mực có thông số kỹ thuật khác. Máy không thể phát hiện ra mực và hộp mực về bất kỳ thông số kỹ thuật nào khác một cách chính xác, nhưng có thể

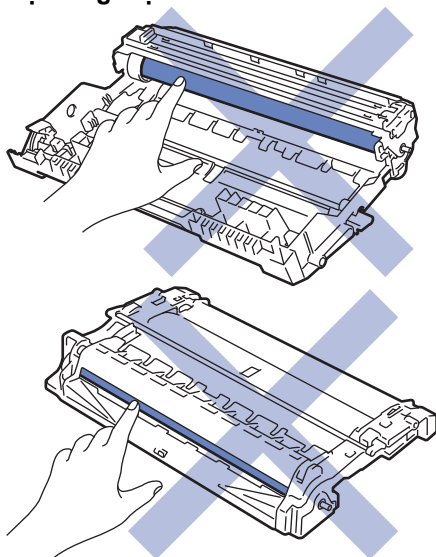
phát hiện các mực đổ như hộp mực tiêu chuẩn. Do đó, Fuji Xerox không khuyến nghị sử dụng hộp mực không phải là hộp mực Fuji Xerox Original hoặc đổ lại mực cho hộp mực đã sử dụng bằng mực in từ nguồn khác. Nếu gây ra hỏng hóc đối với trống mực hoặc các bộ phận khác của máy này do sử dụng mực hoặc hộp mực không phải là sản phẩm chính hãng của Fuji Xerox, do không có khả năng tương thích hoặc không phù hợp với máy này, phiếu bảo hành có thể sẽ không bao trả cho quá trình sửa chữa những hỏng hóc này.

- Để có hiệu suất tốt nhất, hãy sử dụng trống mực và hộp mực chính hãng của Fuji Xerox. In bằng bộ trống mực hoặc hộp mực của bên thứ ba có thể không chỉ làm giảm chất lượng in mà còn cả chính chất lượng và tuổi thọ của máy. Phạm vi bảo hành không áp dụng cho các vấn đề xảy ra do sử dụng bộ trống mực và hộp mực của bên thứ ba.
- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

#### Hộp mực



#### Bộ trống mực

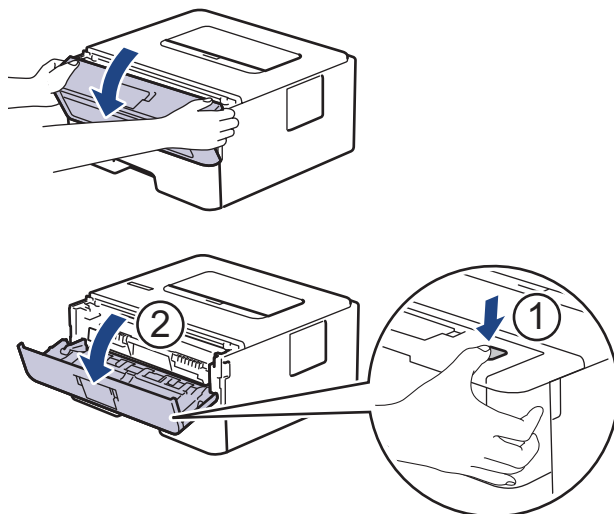


#### Thông tin liên quan

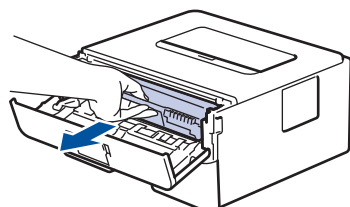
- Bảo trì thường lệ
- Thay Hộp mực
- Thay Bộ trống mực
- Thông báo lỗi và bảo trì (DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw)
- Vật tư

## Thay Hộp mực

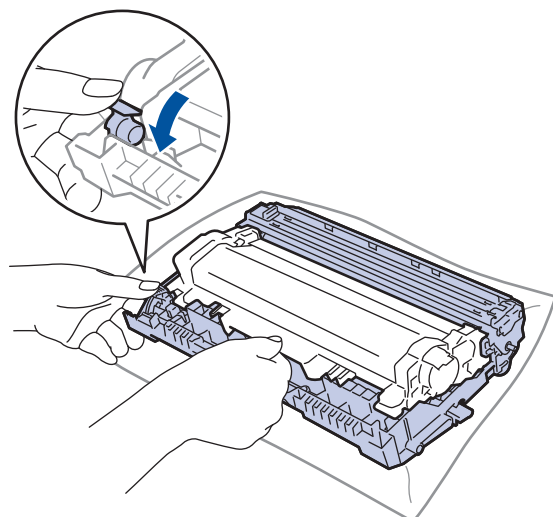
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



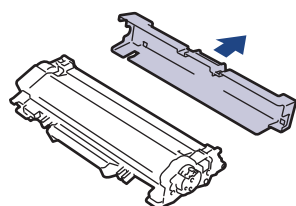
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



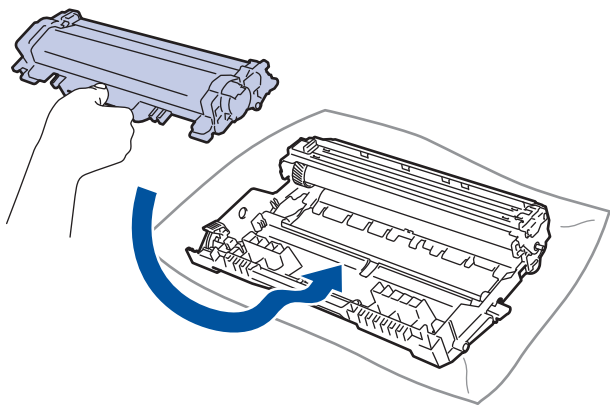
4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống và lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực.



5. Mở bao bì hộp mực mới.
6. Tháo nắp bảo vệ.

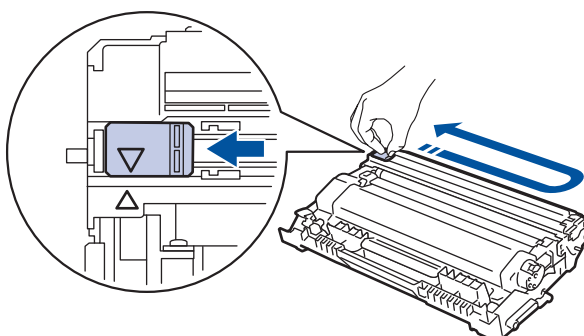


7. Đẩy mạnh hộp mực mới vào bộ trống mực cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



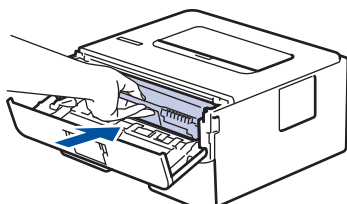
Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

8. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

9. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



10. Đóng nắp phía trước của máy.



- Không tắt máy hoặc mở nắp phía trước cho đến khi máy trở về Chế độ sẵn sàng.
- Hộp mực đi kèm với máy Fuji Xerox của bạn là hộp mực Hộp thư đến.
- Bạn nên chuẩn bị sẵn hộp mực mới để sẵn sàng sử dụng khi bạn thấy cảnh báo Mực in sắp hết.
- Để đảm bảo chất lượng in cao, chúng tôi khuyến nghị chỉ nên sử dụng hộp mực Fuji Xerox Original. Nếu bạn muốn mua hộp mực khác, liên hệ Đại lý Bán hàng của Fuji Xerox.
- KHÔNG mở bao bì hộp mực mới cho đến khi bạn sẵn sàng lắp hộp mực mới.
- Nếu để mở bao bì hộp mực trong thời gian dài, tuổi thọ mực in sẽ bị rút ngắn.
- Fuji Xerox khuyến nghị bạn KHÔNG nên đổ đầy lại hộp mực đi kèm với máy của bạn. Chúng tôi cũng khuyến nghị bạn chỉ nên sử dụng hộp mực thay thế Fuji Xerox Original. Việc sử dụng hoặc cố sử dụng mực in và/hoặc hộp mực của bên thứ ba trong máy Fuji Xerox có thể gây hỏng máy và/hoặc có thể dẫn đến chất lượng in không đạt yêu cầu. Chế độ bảo hành có hạn của chúng tôi không áp dụng cho bất kỳ vấn đề nào gây ra bởi việc sử dụng mực in và/hoặc hộp mực của bên thứ ba. Để bảo vệ khoản đầu tư của bạn và thu được hiệu suất cao từ máy Fuji Xerox, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng Vật tư Fuji Xerox Original



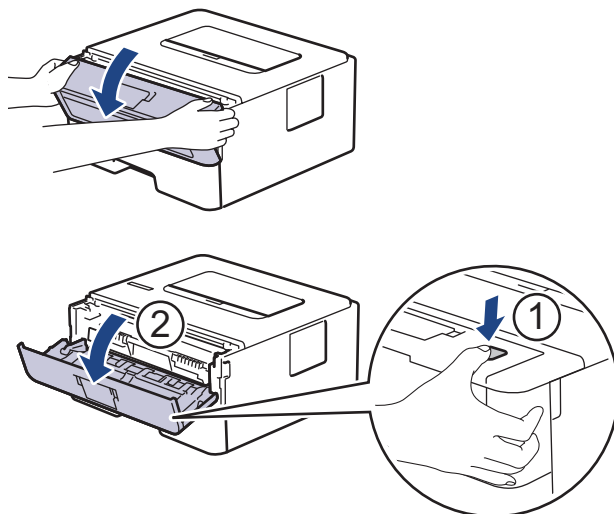
## Thông tin liên quan

- Thay thế vật tư.

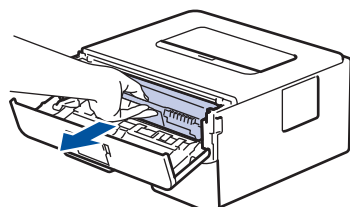
- 
- Cải thiện chất lượng in
-

## Thay Bộ trống mực

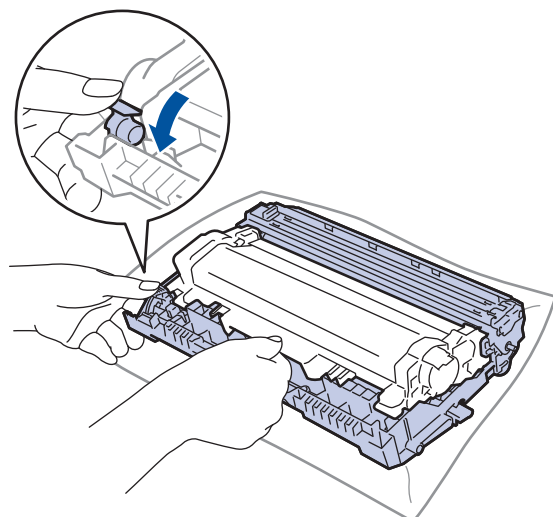
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



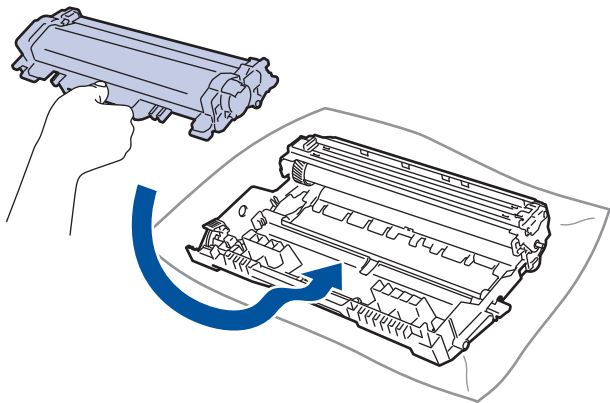
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.




4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống và lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực.

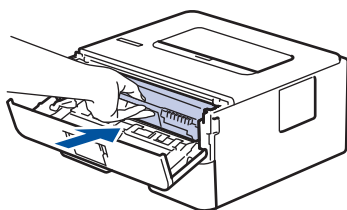


5. Mở bao bì bộ trống mới.
6. Đẩy mạnh hộp mực vào bộ trống mực mới cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.




 Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



8. Đóng nắp phía trước của máy.

9. Đặt lại bộ đếm của bộ trống mực.

 Để biết thêm thông tin về cách đặt lại bộ đếm của bộ trống mực, hãy xem *Cách Thay Bộ Trống Mực*.

## LƯU Ý

- Hao mòn trống mực xảy ra do việc sử dụng, quay trống mực và tương tác với giấy, mực in và các vật liệu khác trong đường dẫn giấy. Khi thiết kế sản phẩm này, Fuji Xerox đã quyết định sử dụng số lần quay trống mực làm yếu tố hợp lý để xác định tuổi thọ trống mực. Khi trống mực đạt đến giới hạn quay do nhà máy thiết lập tương ứng với sản lượng trang định mức, màn hình LCD của sản phẩm sẽ khuyên bạn nên thay trống mực. Sản phẩm sẽ tiếp tục hoạt động; tuy nhiên, chất lượng in có thể không được tối ưu.
- Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng.
- Có nhiều yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, như nhiệt độ, độ ẩm, loại giấy, loại mực in được sử dụng, v.v... Trong điều kiện lý tưởng, tuổi thọ trung bình của trống mực được ước tính khoảng 12.000 trang (dựa trên 1 trang mỗi tác vụ [trang đơn A4/Letter]). Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại giấy và kích thước giấy.  
Vì chúng tôi không kiểm soát được các yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, chúng tôi không thể đảm bảo số lượng trang tối thiểu mà trống mực của bạn sẽ in được.
- Để có hiệu suất tốt nhất, chỉ sử dụng mực in chính hãng của Fuji Xerox.
- Chỉ nên sử dụng máy trong môi trường sạch sẽ, không có bụi, có đủ độ thông thoáng.
- In bằng bộ trống mực không phải của Fuji Xerox có thể không chỉ làm giảm chất lượng in mà còn cả chính chất lượng và tuổi thọ của máy. Phạm vi bảo hành không áp dụng cho các vấn đề xảy ra do sử dụng bộ trống mực không phải của Fuji Xerox.



## Thông tin liên quan

- [Thay thế vật tư.](#)
- [Thông báo lỗi và bảo trì \(DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw\)](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)

## Vệ sinh máy

Thường xuyên vệ sinh bên ngoài và bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

Khi bạn thay hộp mực hoặc bộ trống mực, hãy nhớ vệ sinh bên trong máy. Nếu các trang in bị rây mực in, hãy vệ sinh bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

### ⚠ CẢNH BÁO

- KHÔNG sử dụng các chất dễ cháy, bất kỳ loại chất xịt nào, hoặc dung môi/chất lỏng hữu cơ có chứa cồn hoặc amoniac để vệ sinh bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Làm như vậy có thể gây ra hỏa hoạn. Thay vào đó, chỉ sử dụng khăn khô, không có xơ.
- Khi vệ sinh sản phẩm này, hãy sử dụng chất làm sạch được chỉ định dành riêng cho nó. Các chất làm sạch khác có thể làm giảm hiệu suất của sản phẩm. Tuyệt đối không được sử dụng dung dịch vệ sinh để tránh bị cháy nổ.



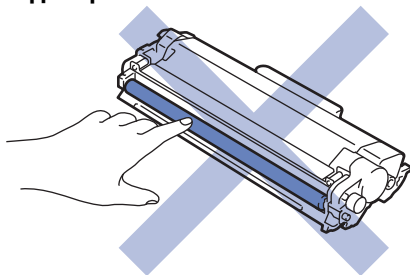
### ⚠ THẬN TRỌNG

- Khi vệ sinh sản phẩm này, luôn tắt và rút điện sản phẩm. Tiếp xúc với bộ phận bên trong máy có điện có thể bị điện giật.

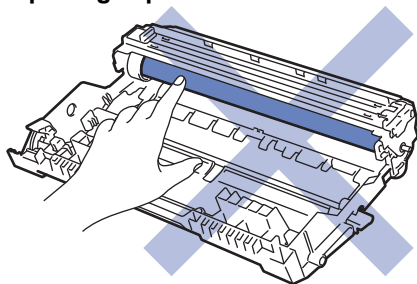
### QUAN TRỌNG

- KHÔNG sử dụng cồn isopropyl để lau vết bẩn trên bảng điều khiển. Việc này có thể làm nứt bảng điều khiển.
- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

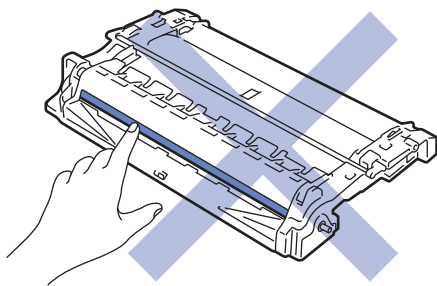
Hộp mực



Bộ trống mực







---

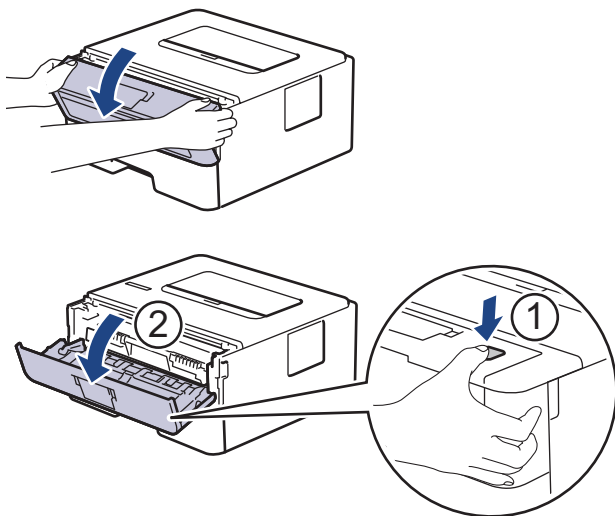
### Thông tin liên quan

- Bảo trì thường lệ
  - Vệ sinh Dây Corona
  - Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực
  - Vệ sinh trục cuộn lấy giấy
-

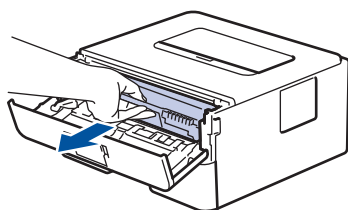
## Vệ sinh Dây Corona

Nếu bạn gặp phải vấn đề về chất lượng in hoặc bảng điều khiển hiển thị trạng thái [Drum! (Trống! )], hãy vệ sinh dây corona.

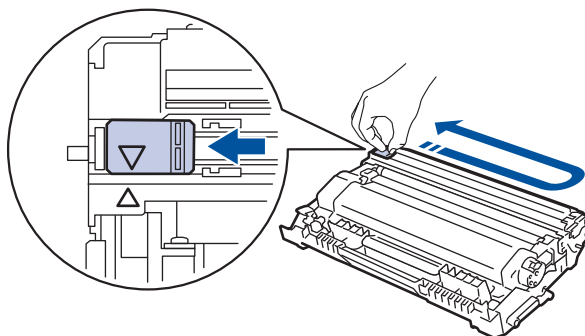
1. Mở nắp phía trước.



2. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.

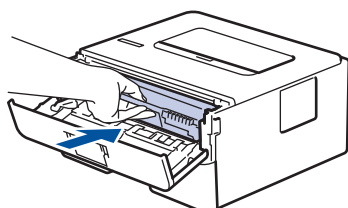


3. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

4. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



5. Đóng nắp phía trước của máy.



### Thông tin liên quan

- Vệ sinh máy



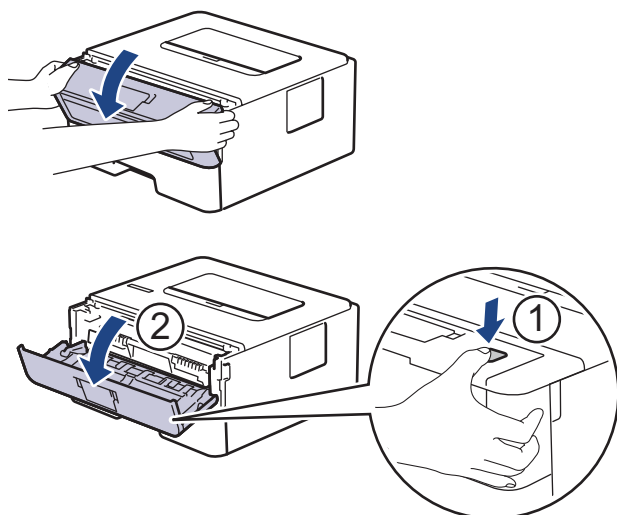
## Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đếm mực của trống mực

Nếu bản in ra có chấm hoặc dấu lặp lại khác cách quãng 94 mm, trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo dán từ nhãn bị mắc vào bề mặt trống mực.

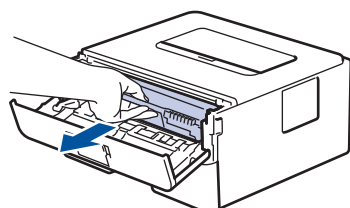
1. Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ Sẵn sàng.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Reports (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Drum Dot Print (In đếm mực của trống mực)].
4. Bấm **Go (Vào)**.

Máy in Tờ kiểm tra đếm mực của trống mực

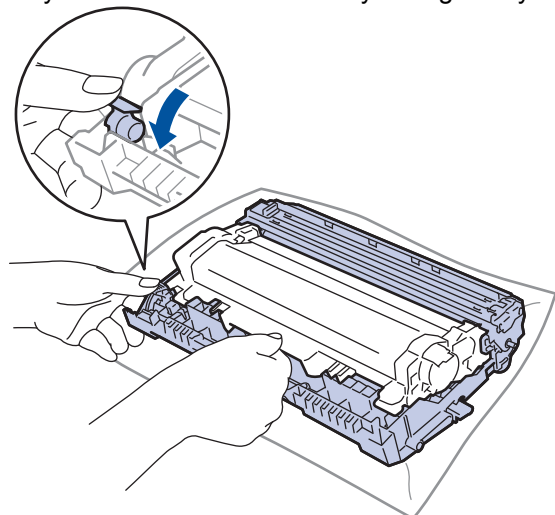
5. Bấm và giữ  để tắt máy.
6. Mở nắp phía trước.



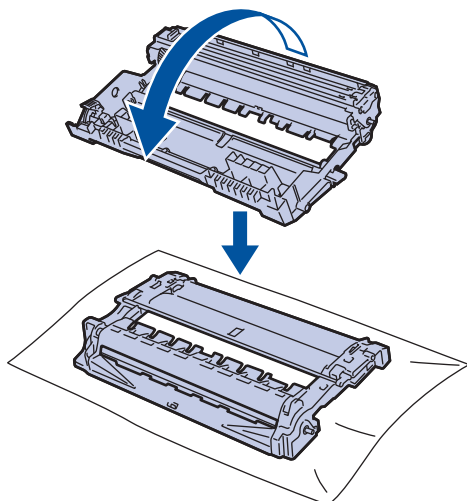
7. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



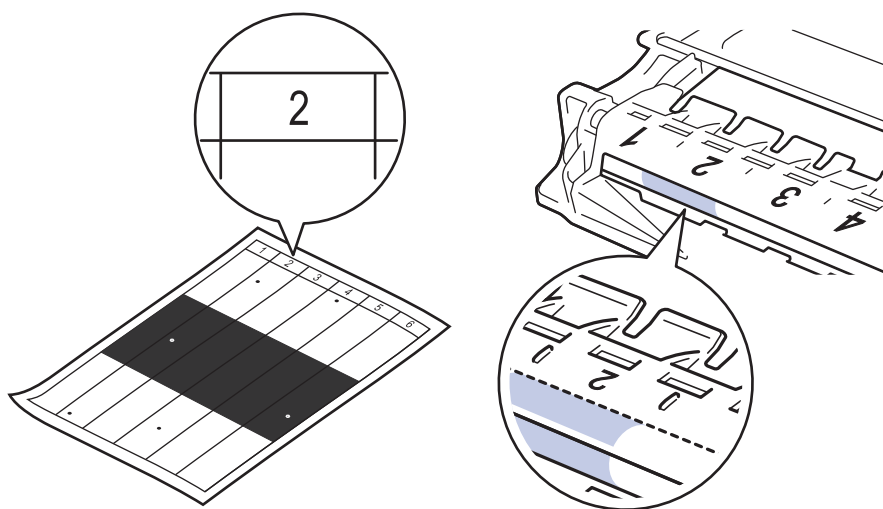
8. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống và lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực.



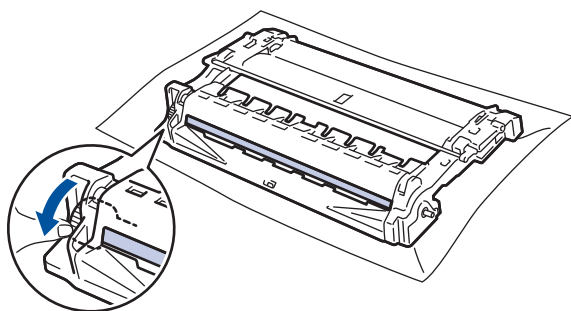
9. Xoay bộ trống mực như trong hình minh họa. Đảm bảo bánh răng của bộ trống mực ở bên trái.



10. Sử dụng các điểm đánh dấu được đánh số bên cạnh ống lăn của trống mực để tìm dấu vết trên trống mực. Ví dụ: một chấm mực trong cột 2 trên tờ kiểm tra có nghĩa là có một dấu vết trong vùng "2" của trống mực.



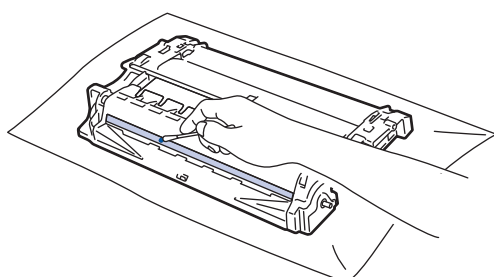
11. Xoay cạnh của bộ trống mực về phía bạn trong khi quan sát bề mặt trống mực để tìm dấu hiệu.



## QUAN TRỌNG

- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào bề mặt của bộ trống mực, mà chỉ được chạm vào bánh răng ở đầu bộ trống mực.

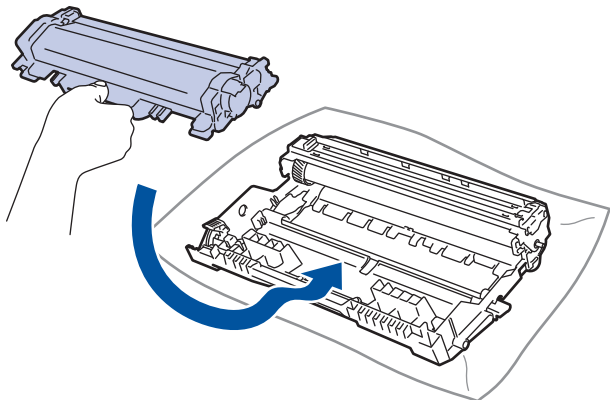
12. Nhẹ nhàng lau bề mặt trống mực bằng tấm bông khô cho đến khi không còn dấu vết hoặc vật lạ trên bề mặt.



## LƯU Ý

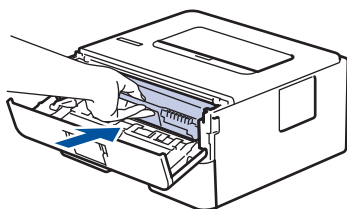
KHÔNG vệ sinh bề mặt của trống nhạ quang bằng vật sắc nhọn hoặc bất kỳ chất lỏng nào.

13. Đẩy mạnh hộp mực vào bộ trống mực cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

14. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



15. Đóng nắp phía trước của máy.

16. Bấm  để bật máy.




### Thông tin liên quan

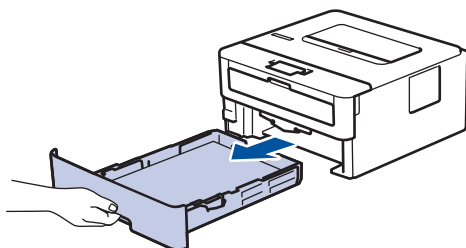
- [Vệ sinh máy](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)

## Vệ sinh trục cuộn lấy giấy

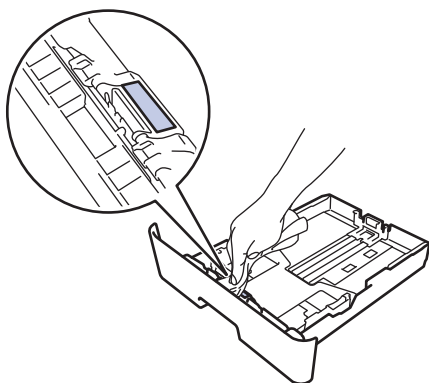
Vệ sinh ống lăn lấy giấy theo định kỳ có thể giúp ngăn ngừa tình trạng kẹt giấy bằng cách đảm bảo rằng giấy đã được nạp đúng.

Nếu bạn gặp vấn đề về nạp giấy, hãy vệ sinh trục cuộn lấy giấy như sau:

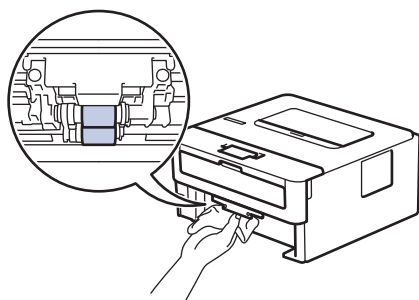
1. Bấm và giữ  để tắt máy.
2. Kéo hần khay giấy ra khỏi máy.




3. Nếu giấy được nạp hoặc có vật gì đó bị kẹt bên trong khay giấy, hãy lấy vật bị kẹt ra.
4. Vắt kiệt khăn không có xơ được ngâm trong nước ấm, rồi lau miếng đệm của bộ phận chia tách trên khay giấy để loại bỏ bụi.



5. Lau hai trục cuộn lấy giấy bên trong máy để loại bỏ bụi.



6. Nạp lại giấy và lắp lại chắc chắn khay giấy vào máy.
7. Bấm  để bật máy.



### Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)
- [Vấn đề khi in](#)

## Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn bộ phận máy mà bạn muốn kiểm tra, rồi bấm **OK**.

Màn hình LCD sẽ hiển thị tuổi thọ còn lại ước chừng của bộ phận đó.



### Thông tin liên quan

- [Bảo trì thường lệ](#)



## Thiết đặt máy

Cài đặt và các tính năng tùy chỉnh, tạo các phím tắt và thao tác với các tùy chọn được hiển thị trên màn hình LCD của máy để làm máy Fuji Xerox của bạn trở thành một công cụ làm việc hiệu quả hơn.

- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển](#)
- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn](#)

## Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển

- [Thiết đặt chung](#)
- [Bảng menu \(đối với Model màn hình LCD\)](#)

## Thiết đặt chung

- Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ
- Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu
- Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn
- Giảm mức tiêu thụ mực
- Giảm tiếng ồn khi in
- Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

## Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ

Thiết đặt Chế độ ngủ (hay Chế độ tiết kiệm điện) có thể giảm tiêu thụ điện năng. Chọn thời gian máy phải ở chế độ nghỉ trước khi đi vào Chế độ ngủ. Bộ hẹn giờ Chế độ ngủ được đặt lại khi máy nhận được công việc in.

Khi ở Chế độ ngủ, máy hoạt động như thể đã tắt. Máy sẽ thức dậy và bắt đầu in khi nhận được công việc in. Sử dụng những hướng dẫn này để thiết đặt hẹn giờ (đếm ngược) trước khi máy vào Chế độ Ngủ.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Ecology], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Sleep Time (Thời gian Chờ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để nhập thời gian theo phút mà máy sẽ duy trì ở chế độ nghỉ trước khi đi vào Chế độ ngủ. Bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu

Nếu máy ở chế độ Ngủ và không nhận được bất kỳ lệnh nào trong một khoảng thời gian nhất định, máy sẽ tự động vào chế độ Ngủ sâu. Khoảng thời gian sẽ dựa trên dòng máy và thiết đặt cụ thể của bạn.

Chế độ Ngủ sâu sử dụng ít điện năng hơn chế độ Ngủ.

Model áp dụng	Bảng điều khiển của Máy ở Chế độ Ngủ sâu	Những điều kiện sẽ đánh thức máy
DocuPrint P275 dw/ DocuPrint P285 dw	Màn hình LCD Deep Sleep (Ngủ sâu).	<ul style="list-style-type: none"><li>Máy nhận được một lệnh.</li><li>Có người đã bấm nút trên bảng điều khiển.</li></ul>




### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn

Nếu máy ở Chế độ ngủ sâu trong một khoảng thời gian nhất định thì tùy theo model và thiết đặt của bạn, máy sẽ tự động đi vào Chế độ tắt nguồn. Máy không nhập Chế độ Tắt Nguồn khi máy được kết nối với mạng.

- Để bắt đầu in, bấm  trên bảng điều khiển, rồi gửi công việc in.



Chọn thời gian mà máy phải ở Chế độ ngủ sâu trước khi đi vào Chế độ tự động tắt nguồn.

- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology], rồi bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)], rồi bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn mà bạn muốn, rồi sau đó bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Giảm mức tiêu thụ mực

Sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in có thể làm giảm mức tiêu thụ mực. Khi tính năng Tiết kiệm Mực in được đặt thành bật, mực in trên tài liệu của bạn sẽ mờ hơn.

Chúng tôi KHÔNG khuyến nghị bạn sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in để in ảnh hoặc các hình ảnh thang đo màu xám.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Toner Save (Tiết kiệm mực)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị [On (Bật)], và sau đó bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)

## Giảm tiếng ồn khi in

Thiết đặt Chế độ Im lặng có thể giúp làm giảm tiếng ồn khi in. Khi Chế độ Im lặng được bật, tốc độ in sẽ giảm xuống. Thiết đặt theo nhà máy là tắt.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Quiet Mode (Chế độ im lặng)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)



## Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

Thay đổi ngôn ngữ cho màn hình LCD nếu cần.

Tính năng này không có ở một số quốc gia.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Local Language (Ngôn ngữ địa phương)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn ngôn ngữ của bạn, và sau đó bấm **Go (Vào)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## **Bảng menu (đối với Model màn hình LCD)**

- [Truy cập các menu và thay đổi các thiết đặt của máy](#)
- [Bảng cài đặt](#)

## Truy cập các menu và thay đổi các thiết đặt của máy

Sử dụng bảng điều khiển để truy cập các menu và thay đổi các thiết đặt khác nhau của máy.

1. Cuộn qua mỗi cấp menu bằng cách bấm ▲ hoặc ▼.
2. Khi tùy chọn bạn muốn xuất hiện trên màn hình LCD, bấm **OK**.  
Màn hình LCD hiển thị cấp menu tiếp theo.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để cuộn đến lựa chọn của bạn.
4. Bấm **OK** hoặc **Go (Vào)**.
5. Khi bạn đã hoàn tất thiết đặt tùy chọn, màn hình LCD hiển thị một thông báo xác nhận.



### Thông tin liên quan

- [Bảng menu \(đối với Model màn hình LCD\)](#)

## Bảng cài đặt

Sử dụng bảng này để hiểu các menu và tùy chọn khác nhau mà bạn sẽ sử dụng để thiết đặt tùy chọn của mình trên máy.

### [General Setup (Cài đặt chung)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Tray Setting (Thiết đặt khay) (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)	Paper Type (Loại giấy)	-	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.
	Paper Size (Khổ giấy)	-	Thiết đặt khổ giấy.
	Check Size (Kiểm tra khổ giấy)	-	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra khổ giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy của máy phù hợp không.
	Manual Feed (Nạp bằng tay)	-	Chọn xem có in từ Khe nạp bằng tay hay không.
Tray Setting (Thiết đặt khay) (Dành cho các model có Khay MP)	Paper Type (Loại giấy)	MP Tray (Khay MP)	Chọn loại giấy tương ứng với giấy trong khay MP.
		Tray1 (Khay 1)	Chọn loại giấy tương ứng với giấy trong khay giấy tiêu chuẩn.
	Paper Size (Khổ giấy)	MP Tray (Khay MP)	Chọn khổ giấy bạn đã nạp vào khay MP.
		Tray1 (Khay 1)	Chọn khổ giấy bạn đã nạp vào khay giấy tiêu chuẩn.
	Paper Low Notice (Thông báo ít giấy)	Notification (Thông báo)	Chọn có hiển thị thông báo cho bạn biết khay giấy sắp hết hay không.
		Notice Level (Mức thông báo)	Chọn mức giấy tối thiểu sẽ kích hoạt thông báo.
	Check Size (Kiểm tra khổ giấy)	-	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra khổ giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy của máy phù hợp không.
	Tray Use (Sử dụng khay)	-	Chọn khay sẽ được sử dụng.
Resolution (Độ phân giải)	Density (Mật độ)	-	Chọn độ phân giải in.
Ecology	Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)	-	Bật cài đặt máy sau cùng cùng lúc. <ul style="list-style-type: none"> <li>2-sided Print: Long Edge (In 2 mặt: Cạnh dài) (Chỉ có ở một số model nhất định)</li> <li>Sleep Time: 0Min (Thời gian Chờ: 0 phút)</li> </ul>
	Toner Save (Tiết kiệm mực)	-	Tăng sản lượng trang của hộp mực.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Ecology	Sleep Time (Thời gian ngủ)	-	Thiết đặt thời gian chờ trước khi máy nhập Chế độ Tiết kiệm Điện.
	Quiet Mode (Chế độ im lặng)	-	Giảm tiếng ồn khi in.
	Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)	-	Thiết đặt số giờ mà máy sẽ duy trì ở chế độ Ngủ Sâu trước khi đi vào chế độ Tắt Nguồn.
Panel Control (Bảng điều khiển)	Button Repeat (Lặp lại nút)	-	Thiết đặt thời gian thay đổi thông báo trên màn hình LCD khi nhấn giữ ▲ hoặc ▼ ở các quãng thời gian đều nhau.
	Message Scroll (Cuộn thông báo)	-	Thiết đặt thời gian bằng giây thông báo trên màn hình LCD sẽ cuộn ngang màn hình LCD. Từ Mức 1=0,2 giây đến Mức 10=2,0 giây.
	LCD Contrast (Độ tương phản LCD)	-	Điều chỉnh độ tương phản của màn hình LCD.
	Auto Online (Trực tuyến tự động)	-	Thiết đặt máy để trở về Chế độ Sẵn sàng sau khi ở chế độ nghỉ 30 giây.
Setting Lock (Khóa thiết đặt)	-	-	Khóa cài đặt máy bằng cách sử dụng mật khẩu Khóa Cài đặt.
Interface (Giao diện)	Select (Chọn)	-	Chọn giao diện sẽ sử dụng. Nếu bạn chọn Auto (Tự động), máy thay đổi giao diện thành USB hoặc Mạng tùy thuộc vào giao diện nào đang nhận dữ liệu.
	Auto IF Time (Thời gian IF tự động)	-	Thiết đặt khoảng thời gian hết giờ chờ cho lựa chọn giao diện tự động.
	Input Buffer (Bộ đệm đầu vào)	-	Tăng hoặc giảm dung lượng bộ đệm đầu vào.
Replace Toner (Thay hộp mực)	-	-	Thiết đặt máy tiếp tục in sau khi màn hình LCD hiển thị Replace Toner (Thay hộp mực).

## [Printer (Máy in)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Emulation (Trạng thái)	-	Chọn chế độ mô phỏng.
Print Options (Tùy chọn in)	Font List (Danh sách phông chữ)	In danh sách phông và các mẫu.
	Test Print (In thử)	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt) (Đối với model in 2 mặt tự động)	2-sided Print (In 2 mặt)	Tắt hoặc bật in 2 mặt và chọn lật trên cạnh dài hoặc cạnh ngắn.
	Single Image (Một ảnh)	Đối với một tác vụ in mà trang cuối là một hình ảnh 1 mặt, chọn tùy chọn 1-sided Feed (Nạp giấy 1 mặt) để giảm thời gian in.
Auto Continue (Tiếp tục tự độngAuto Continue)	-	Chọn bạn có muốn máy xóa các lỗi về kích cỡ giấy hoặc lỗi về loại phương tiện tự động hay không.

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Paper Type (Loại giấy )	-	Thiết đặt loại giấy.
Paper Size (Khổ giấy )	-	Thiết đặt khổ giấy.
Copies (Bản sao)	-	Thiết đặt số lượng trang in.
Orientation (Hướng)	-	Đặt giấy in theo hướng dọc hoặc ngang.
Print Position (Vị trí in)	X Offset	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên cùng bên trái của trang) sang ngang tối đa -500 (trái) đến +500 (phải) điểm tại 300 dpi.
	Y Offset	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên cùng bên trái của trang) theo chiều dọc tối đa -500 (lên) đến +500 (xuống) điểm tại 300 dpi.
Auto FF (FF tự động)	-	Cho phép máy in mọi dữ liệu còn lại tự động.
PCL emulation	Font No. (Số phông chữ)	Thiết đặt số phông.
	Font Pitch (Bước phông)	Thiết đặt bước phông. Menu Font Pitch (Bước phông) xuất hiện khi bạn chọn I012 là I018, I031 I037 hoặc I097 là I109 trong cài đặt Font No. (Số phông chữ).
	Font Point (Cỡ phông)	Thiết đặt cỡ phông. Menu Font Point (Cỡ phông) xuất hiện khi bạn chọn I000 là I011, I019 I030 hoặc I038 là I096 trong cài đặt Font No. (Số phông chữ).
	Symbol Set (Bộ ký hiệu)	Chọn biểu tượng hoặc ký tự được thiết đặt.
	Table Print (In bảng)	In bảng mã.
	Auto LF (LF tự động)	BẬT: CR -> CR+LF, TẮT: CR -> CR
	Auto CR (CR tự động)	BẬT: LF -> LF+CR, FF -> FF+CR hoặc VT -> VT+CR TẮT: LF -> LF, FF -> FF hoặc VT -> VT
	Auto WRAP (NGẮT DÒNG tự động)	Chọn xem đầy dòng và trở về đầu dòng có xảy ra khi máy tới lề phải.
	Auto SKIP (BỎ QUA tự động)	Chọn xem đầy dòng và trở về đầu dòng có xảy ra khi vị trí đầu in tới lề dưới.
	Left Margin (Lề trái)	Thiết đặt lề trái ở cột 0 thành 70 cột tại 1 cpi.
	Right Margin (Lề phải)	Thiết đặt lề phải ở cột 10 thành 80 cột tại 1 cpi.
	Top Margin (Lề trên)	Thiết đặt khoảng cách lề trên từ cạnh trên của giấy.
	Bottom Margin (Lề dưới)	Thiết đặt khoảng cách lề dưới từ cạnh dưới của giấy.
	Lines (Số dòng)	Thiết đặt số lượng dòng mỗi trang.
	Tray Command (Lệnh đèn khay)	Chọn cài đặt này nếu thông báo khay không phù hợp xuất hiện khi bạn sử dụng trình điều khiển HP.
PS3 emulation (Chỉ có ở một số model nhất định)	Error Print (In lỗi)	Chọn xem máy có in thông tin lỗi khi xảy ra lỗi không.

## [Network (Mạng)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây)	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức IP phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nude.
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS thứ cấp.
		APIPA	-	Tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ <sup>1</sup> .
		IPv6	-	Bật hoặc vô hiệu giao thức IPv6.
	Ethernet	-	-	Chọn chế độ liên kết Ethernet.
	Wired Status (Trạng thái Kết nối)	-	-	Hiển thị trạng thái liên kết Ethernet.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Hiển thị địa chỉ MAC của máy.
	Set to Default (Đặt về Mặc định)	-	-	Khôi phục tất cả các cài đặt mạng có dây của máy về cài đặt theo nhà máy.
	Wired Enable (Kết nối Có dây)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện có dây.
WLAN	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức IP phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nude.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
WLAN	TCP/IP	WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS thứ cấp.
		APIPA	-	Tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ <sup>1</sup> .
		IPv6	-	Bật hoặc vô hiệu giao thức IPv6.
	Setup Wizard (Cài đặt tiện ích)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây bằng tiện ích cài đặt.
	WLAN Assistant (Hỗ trợ WLAN)	-	-	Cấu hình cài đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng đĩa cài đặt của Fuji Xerox.
	WPS	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng không dây bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.
	WPS w/PIN Code (WPS có mã PIN)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.
	WLAN Status (Trạng thái WLAN)	Status (Trạng thái)	-	Hiển thị trạng thái liên kết Ethernet không dây.
		Signal (Tín hiệu)	-	Hiển thị tình trạng tín hiệu.
		Channel (Kênh)	-	Hiển thị kênh đang sử dụng khi Status (Trạng thái) là Active (Kích hoạt).
		Speed (Tốc độ)	-	Hiển thị tốc độ kết nối khi Status (Trạng thái) là Active (Kích hoạt).
		SSID	-	Hiển thị SSID.
		Comm. Mode (Chế độ liên lạc)	-	Hiển thị Chế độ Liên lạc hiện tại.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Hiển thị địa chỉ MAC của máy.
	Set to Default (Đặt về Mặc định)	-	-	Khôi phục tất cả các cài đặt mạng không dây của máy về cài đặt theo nhà máy.
	WLAN Enable (Bật WLAN)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện không dây.
Wi-Fi Direct	Push Button (Nút bấm)	-	-	Cấu hình nhanh các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.



Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wi-Fi Direct	PIN Code (Mã PIN)	-	-	Cấu hình nhanh các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.
	Manual (Thủ công)	-	-	Cấu hình cài đặt mạng Wi-Fi Direct thủ công.
	Group Owner (Chủ sở hữu nhóm)	-	-	Thiết đặt máy của bạn là Chủ sở hữu nhóm.
	Device Info. (Thông tin Thiết bị)	Device Name (Tên Thiết bị)	-	Xem tên thiết bị của máy.
		SSID	-	Hiển thị SSID của Chủ sở hữu nhóm.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Hiển thị Địa chỉ IP máy.
	Status Info. (Thông tin Trạng thái)	Status (Trạng thái)	-	Hiển thị trạng thái mạng Wi-Fi Direct.
		Signal (Tín hiệu)	-	Hiển thị cường độ tín hiệu mạng Wi-Fi Direct hiện tại. Khi máy của bạn đóng vai trò Chủ sở hữu nhóm, màn hình LCD luôn hiển thị Strong (Mạnh).
		Channel (Kênh)	-	Hiển thị kênh đang sử dụng khi Status (Trạng thái) là G/O Active (G/O Hiện hoạt) hoặc Client Active (Khách hàng hiện hoạt).
		Speed (Tốc độ)	-	Hiển thị tốc độ kết nối khi Status (Trạng thái) là G/O Active (G/O Hiện hoạt) hoặc Client Active (Khách hàng hiện hoạt).
	I/F Enable (I/F Bật)	-	-	Bật hoặc tắt kết nối Wi-Fi Direct.
NFC	-	-	-	Bật hoặc tắt chức năng NFC.
Network Reset (Đặt lại mạng)	-	-	-	Khôi phục tất cả các cài đặt mạng của máy về cài đặt theo nhà máy.

- <sup>1</sup> Khi kết nối vào mạng, nếu 'Phương thức boot' của máy là 'Tự động', máy sẽ cố gắng thiết đặt địa chỉ IP và Mật mã mạng con từ một máy chủ boot như DHCP. Nếu không thể tìm thấy máy chủ boot thì một địa chỉ IP APIPA sẽ được cấp phát, chẳng hạn như 169. 254. [001-254]. [000-255]. Nếu 'Phương thức boot' của máy được thiết đặt thành 'Tĩnh', bạn phải nhập địa chỉ IP bằng tay từ bảng điều khiển của máy.

## [Print Reports (In báo cáo)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Print Settings (In thiết đặt)	-	In trang Thiết đặt máy in.
Network Config (Cấu hình mạng) (Dành cho các model có mạng)	-	In Báo cáo cấu hình mạng.
Print File List (Danh sách tệp tin cần in) (Chỉ có ở một số model nhất định)	-	In một danh sách dữ liệu đã lưu trong bộ nhớ.
Drum Dot Print (In chấm mực của trống mực)	-	In tờ kiểm tra chấm trên trống mực.
WLAN Report (Báo cáo WLAN) (Dành cho các model có mạng không dây)	-	In kết quả chẩn đoán kết nối LAN không dây.

## [Machine Info. (Thông tin máy)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Serial No. (Số sê-ri)	-	Hiển thị số sê-ri của máy.
Firmware Version (Phiên bản firmware)	-	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
Page Counter (Bộ đếm giấy)	-	Hiển thị tổng số trang in.
Parts Life (Tuổi thọ của bộ phận) <sup>1</sup>	Toner Life (Tuổi thọ của mực)	Hiển thị tuổi thọ còn lại của hộp mực.
	Drum Life (Tuổi thọ của trống từ)	Hiển thị tuổi thọ còn lại của bộ trống mực.

<sup>1</sup> Tuổi thọ mang tính ước chừng và có thể thay đổi tùy theo cách sử dụng.

## [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Reset (Đặt lại)	Machine Reset (Đặt lại máy)	Khôi phục toàn bộ cài đặt của máy mà bạn đã thay đổi.
	Network Reset (Đặt lại mạng)	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt theo nhà máy.
	Factory Reset (Đặt lại theo nhà máy)	Khôi phục tất cả các cài đặt của máy về cài đặt mặc định theo nhà máy. Thực hiện thao tác này khi bạn chuyển nhượng máy của mình.
Local Language (Ngôn ngữ địa phương)	-	Chọn ngôn ngữ trên màn hình LCD cho quốc gia của bạn.



### Thông tin liên quan

- [Bảng menu \(đối với Model màn hình LCD\)](#)

## **Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn**

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)
- [Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Fuji Xerox ở đâu?](#)

## Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS).

- [Quản lý dựa trên Web là gì?](#)
- [Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web](#)
- [Đặt mật khẩu đăng nhập cho tiện ích Quản lý trên nền Web](#)

Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web > Quản lý dựa trên Web là gì?

## Quản lý dựa trên Web là gì?

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS). Nhập địa chỉ IP của máy vào trình duyệt web để truy cập và thay đổi các thiết đặt máy chủ in của bạn.



- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng Microsoft® Internet Explorer® 11/Edge cho Windows® và Safari 9/10/11 cho Mac. Đảm bảo rằng JavaScript và Cookie luôn được bật trong bất kỳ trình duyệt nào mà bạn dùng.
- Bạn phải sử dụng giao thức TCP/IP trên mạng của bạn và có địa chỉ IP hợp lệ được lập trình trong máy chủ in và máy tính của bạn.

The screenshot shows the DocuPrint XXXXX web interface. At the top, there's a header with the DocuPrint logo and a 'Please configure the password >>' button. Below the header is a navigation bar with tabs: General, Print, Administrator, and Network. A left sidebar contains a list of settings: Status, Auto Refresh Interval, Maintenance Information, Lists/Reports, Find Device, Contact & Location, Sleep Time, Auto Power Off, Language, Panel, and Replace Toner. The main content area is titled 'Status' and displays the following information:

- Device Status:** Ready (indicated by a green bar)
- Automatic Refresh:** Off (radio button selected)
- Toner Level:** BK (indicated by a black bar)
- Web Language:** Auto (dropdown menu)
- Device Location:** Contact: (person icon), Location: (house icon)

- Màn hình thực tế có thể khác với màn hình được thể hiện ở trên.



### Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

## Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giao thức bảo mật HTTPS khi định cấu hình cài đặt bằng tính năng Quản lý trên nền Web.
- Khi bạn sử dụng HTTPS để cấu hình tính năng Quản lý trên nền Web, trình duyệt của bạn sẽ hiển thị hộp thoại cảnh báo.

- Khởi động trình duyệt web của bạn.
- Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

Ví dụ:

http://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

- Ví dụ:

http://SharedPrinter

Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.

- Ví dụ:

http://fxnxxxxxxxxxxxx

Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

- Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .

Bây giờ bạn có thể thay đổi cài đặt máy chủ in.

Nếu bạn thay đổi cài đặt giao thức, bạn phải khởi động lại máy sau khi nhấp vào **Submit (Gửi)** để kích hoạt cấu hình.



### Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

## Đặt mật khẩu đăng nhập cho tiện ích Quản lý trên nền Web

Chúng tôi khuyến nghị bạn nên thiết lập một mật khẩu đăng nhập để ngăn truy cập trái phép vào tiện ích Quản lý trên nền Web.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

Ví dụ:

http://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

- Ví dụ:

http://SharedPrinter


Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.


- Ví dụ:

http://fxnxxxxxxxxxxxx

Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

3. Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .
4. Nhấp vào **Administrator (Quản trị viên)**.
5. Nhập mật khẩu mà bạn muốn sử dụng trong trường **Enter New Password (Nhập Mật khẩu mới)** (8-32 ký tự).
6. Nhập lại mật khẩu trong trường **Confirm New Password (Xác nhận Mật khẩu mới)**.
7. Nhấp vào **Submit (Gửi)**.

Trong tương lai, mỗi lần bạn truy cập vào tiện ích Quản lý trên nền Web, hãy nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, sau đó bấm .

Sau khi cấu hình các cài đặt, hãy đăng xuất bằng cách nhấp vào .



- Nếu bạn chưa đặt mật khẩu đăng nhập trước đó, bạn cũng có thể đặt mật khẩu bằng cách nhấp vào nút **Please configure the password (Vui lòng định cấu hình mật khẩu)** trên trang web của máy.



### Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

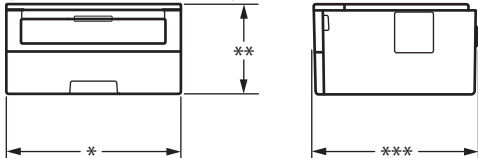
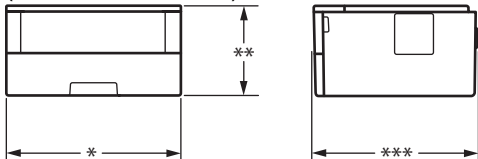
## **Phục lục**

- [Thông số kỹ thuật](#)
- [Cách nhập văn bản trên máy Fuji Xerox của bạn](#)
- [Vật tư](#)
- [Liên hệ Fuji Xerox](#)



## Thông số kỹ thuật

### Thông số kỹ thuật chung

<b>Loại máy in</b>		• Laze
<b>Phương thức in</b>		• Máy in laze quang điện tử
<b>Dung lượng bộ nhớ</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	• 128 MB
<b>LCD (Màn hình tinh thể lỏng)</b>		• 16 ký tự x 1 dòng
<b>Nguồn điện</b>		• 220 đến 240 V AC 50/60 Hz
<b>Tiêu thụ điện năng</b> (Trung bình)	<b>Tối đa</b>	• Khoảng 1104 W
	<b>In<sup>1</sup></b>	• Khoảng 510 W ở 25 °C
	<b>In</b> <b>(Chế độ im lặng)<sup>1</sup></b>	• Khoảng 265 W ở 25 °C
	<b>Sẵn sàng<sup>1</sup></b>	• Khoảng 48 W ở 25 °C
	<b>Ngủ<sup>1</sup></b>	• Khoảng 6,0 W
	<b>Ngủ sâu<sup>1</sup></b>	• Khoảng 0,6 W
	<b>Tắt nguồn<sup>2 3</sup></b>	• Khoảng 0,03 W
<b>Kích thước</b> (Đường viền điểm hình) (DocuPrint P275 dw)  (DocuPrint P285 dw) 		Đơn vị: mm • (DocuPrint P275 dw) * : 356 ** : 183 *** : 360 • (DocuPrint P285 dw) * : 356 ** : 183 *** : 388
<b>Trọng lượng (có vật tư)</b>		• (DocuPrint P275 dw) 7,2 kg • (DocuPrint P285 dw) 7,8 kg

<sup>1</sup> Được đo khi máy được kết nối với giao diện USB.

<sup>2</sup> Đo theo Phiên bản 2.0 của IEC 62301.

<sup>3</sup> Mức tiêu thụ điện hơi khác nhau tùy vào môi trường sử dụng.

Độ ồn	Áp suất âm thanh	In	• LpAm = 49 dB (A)
		In (Chế độ im lặng)	• LpAm = 44 dB (A)
		Sẵn sàng	• LpAm = 30,0 dB (A)
	Công suất âm thanh	In	• LWAd = 7,165 B (A)
		In (Chế độ im lặng)	• LWAd = 6,743 B (A)
		Sẵn sàng	• LWAd = 4,55 B (A)
Nhiệt độ	Hoạt động		• 10 đến 32,5 °C
	Lưu trữ		• 0 đến 40 °C
Độ ẩm	Hoạt động		• 20 đến 80% (không có nước ngưng tụ)
	Lưu trữ		• 35 đến 85% (không có nước ngưng tụ)

### Thông số kỹ thuật của phương tiện in

Đầu vào giấy	Khay giấy (Chuẩn)	Loại giấy	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế, Giấy dày
		Khổ giấy	• A4, Letter, A5, A5 (Cạnh dài), A6, Executive, Legal, Folio
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 163 g/m <sup>2</sup>
		Sức chứa giấy tối đa	• Lên đến 250 tờ Giấy thường 80 g/m <sup>2</sup>
	Khe nạp bằng tay (DocuPrint P275 dw)	Loại giấy	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy dày, Giấy dày hơn, Giấy tái chế, Giấy bông, Nhãn, Phong bì
		Khổ giấy	• Chiều rộng: 76,2 đến 216 mm • Chiều dài: 127 đến 355,6 mm • Phong bì: COM-10, DL, C5, Monarch
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 230 g/m <sup>2</sup>
		Sức chứa giấy tối đa	• Từng tờ một
	Khay đa năng (Khay MP) (DocuPrint P285 dw)	Loại giấy	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy dày, Giấy dày hơn, Giấy tái chế, Giấy bông, Nhãn, Phong bì
		Khổ giấy	• Chiều rộng: 76,2 đến 216 mm • Chiều dài: 127 đến 355,6 mm • Phong bì: COM-10, DL, C5, Monarch
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 230 g/m <sup>2</sup>
		Sức chứa giấy tối đa	• Lên đến 30 tờ Giấy thường 80 g/m <sup>2</sup> • Phong bì: 2 phong bì
Đầu ra giấy <sup>1</sup>	Khay đầu ra hướng xuống		• Lên đến 150 tờ Giấy thường 80 g/m <sup>2</sup> (úp xuống để chạy đến khay đầu ra giấy úp xuống) <sup>2</sup>

<b>Đầu ra giấy</b> <sup>1</sup>	<b>Khay đầu ra hướng lên</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Một tờ (ngửa lên để chạy đến khay đầu ra giấy ngửa lên)</li> </ul>
<b>2 mặt</b>	<b>In 2 mặt tự động</b>	<b>Loại giấy</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế</li> </ul>
		<b>Khổ giấy</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>A4</li> </ul>
		<b>Trọng lượng giấy</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>60 đến 105 g/m<sup>2</sup></li> </ul>

- <sup>1</sup> Đối với nhãn, chúng tôi khuyến nghị nên lấy tờ nhãn đã in ra khỏi khay giấy đầu ra ngay sau khi nhãn xuất ra từ máy để tránh bị nhòe mực.
- <sup>2</sup> Được tính toán với 80 g/m<sup>2</sup> trong môi trường ôn hoà, không có độ ẩm.

## Thông số kỹ thuật của máy in

<b>In 2 mặt tự động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
<b>Mô phỏng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>GDI, PCL6, PostScript® 3™</li> </ul>
<b>Độ phân giải</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>600 x 600 dpi, chất lượng HQ1200 (2400 x 600 dpi), 1200 x 1200 dpi</li> </ul>
<b>Tốc độ in</b> <sup>1 2</sup>	<b>In 1 mặt</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Lên đến 34 trang/phút (Khổ A4)</li> <li>Lên đến 36 trang/phút (Khổ Letter)</li> </ul>
	<b>In 2 mặt</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Lên đến 16 mặt/phút (lên đến 8 tờ/phút) (khổ A4)</li> <li>Lên đến 17 mặt/phút (Lên đến 8,5 tờ/phút) (khổ Letter)</li> </ul>
<b>Thời gian in lần đầu</b> <sup>3</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(DocuPrint P275 dw)</li> <li>Dưới 8,5 giây ở 23 °C</li> <li>(DocuPrint P285 dw)</li> <li>Dưới 7 giây ở 23 °C</li> </ul>

- <sup>1</sup> Tốc độ in có thể thay đổi tùy thuộc vào loại tài liệu mà bạn in.
- <sup>2</sup> Tốc độ in có thể chậm hơn khi máy được kết nối bằng mạng LAN không dây.
- <sup>3</sup> Từ chế độ Sẵn sàng và khay tiêu chuẩn

## Thông số kỹ thuật giao diện

<b>USB</b> <sup>1 2</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>USB 2.0 tốc độ cao</li> <li>Sử dụng cáp giao diện USB 2.0 không dài quá 2,0 m.</li> </ul>
<b>LAN</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw)</li> <li>10Base-T/100Base-TX <sup>3</sup></li> </ul>
<b>LAN không dây</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng)</li> <li>IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct®)</li> </ul>
<b>NFC</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>

- <sup>1</sup> Máy của bạn có giao diện USB 2.0 tốc độ cao. Máy cũng có thể được kết nối với máy tính có giao diện USB 1.1.
- <sup>2</sup> Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.
- <sup>3</sup> Sử dụng cáp cáp xoắn thẳng suốt Loại 5 (trở lên).

## Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ

### Ethernet

10Base-T/100Base-TX

### LAN không dây

IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng), IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct)

### Giao thức (IPv4)

ARP, RARP, BOOTP, DHCP, APIPA(Auto IP), phân giải tên WINS/NetBIOS, Bộ phân giải DNS, mDNS, Bộ đáp ứng LLMNR, LPR/LPD, Cổng Raw Tùy chỉnh/Cổng 9100, Máy khách SMTP, IPP/PPS, Máy chủ FTP, SNMPv1/v2c/v3, máy chủ HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMP, Dịch vụ Web (in)

### Giao thức (IPv6)

NDP, RA, bộ phân giải DNS, mDNS, bộ đáp ứng LLMNR, LPR/LPD, Cổng Raw Tùy chỉnh/Cổng 9100, IPP/PPS, Máy khách SMTP, Máy chủ FTP, SNMPv1/v2c/v3, máy chủ HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMPv6, Dịch vụ Web (In)

### Bảo mật mạng (có dây)

SMTP-AUTH, SNMP v3, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP)

### Bảo mật mạng (không dây)

SMTP-AUTH, SNMP v3, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP)

### Bảo mật mạng không dây

WEP 64/128 bit, WPA-PSK (TKIP/AES), WPA2-PSK (TKIP/AES)(Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES))

### Chứng nhận không dây

Giấy phép Đánh dấu Chứng nhận Wi-Fi (WPA™/WPA2™ - Personal), Giấy phép Đánh dấu Bộ định danh Thiết lập có bảo vệ Wi-Fi (WPS), Wi-Fi CERTIFIED™ Wi-Fi Direct

## Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

Hệ điều hành và chức năng phần mềm được hỗ trợ

Nền tảng & phiên bản hệ điều hành của máy tính		Giao diện máy tính				Bộ xử lý	Dung lượng đĩa cứng để Cài đặt
		Parallel (IEEE1284)	USB <sup>1</sup>	10BASE-T/100BASE-TX <sup>2</sup> (Ethernet)	Không dây <sup>3</sup> 802.11b/g/n		
Hệ điều hành Windows®	Windows® 7 SP1 / 8 / 8.1	Không áp dụng	In			bộ xử lý 32 bit (x86) hoặc 64 bit (x64)	80 MB
	Windows® 10 Home / 10 Pro / 10 Education / 10 Enterprise						
	Windows Server® 2008		In			Bộ xử lý 64 bit (x64)	
	Windows Server® 2008 R2						
	Windows Server® 2012						
	Windows Server® 2012 R2						
	Windows Server® 2016						
Hệ điều hành Mac	macOS v10.11.x		In			Bộ xử lý Intel®	80 MB
	macOS v10.12.x						
	macOS v10.13.x						

<sup>1</sup> Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.

<sup>2</sup> Chỉ dành cho các model được hỗ trợ(DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw)

<sup>3</sup> Chỉ dành cho các model được hỗ trợ(DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw)

---

Để có cập nhật trình điều khiển mới nhất, hãy truy cập trang dành cho model của bạn trên trang web của Fuji Xerox tại <http://www.fujixeroxprinters.com/>.

Tất cả các nhãn hiệu, thương hiệu và tên sản phẩm là tài sản của các công ty tương ứng.



### **Thông tin liên quan**

- [Phục lục](#)
-

## Cách nhập văn bản trên máy Fuji Xerox của bạn

Khi văn bản được yêu cầu, hãy nhập các ký tự có trên máy. Các ký tự có sẵn có thể thay đổi tùy theo thao tác vận hành mà bạn thực hiện.

- Giữ hoặc bấm liên tục ▲ hoặc ▼ để chọn một ký tự từ danh sách này:  
0123456789abcdefghijklmnopqrstuvwxyzABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ(khoảng trắng)!"#\$%&'()\*  
+,-./:;<=>?@[]^\_
- Bấm **OK** khi ký tự hoặc ký hiệu mà bạn muốn được hiển thị, rồi nhập ký tự tiếp theo.
- Bấm **Back (Quay lại)** để xóa ký tự nhập sai.



### Thông tin liên quan

- [Phục lục](#)
-

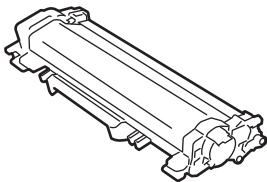
## Vật tư

Khi đến lúc phải thay thế các vật tư như mực in hoặc trống mực, một thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển của máy hoặc trong Status Monitor. Liên hệ với đại lý Fuji Xerox tại địa phương bạn.



- Tên model vật tư sẽ thay đổi tùy thuộc vào quốc gia và khu vực của bạn.

### Hộp mực



Tên model vật tư	Tuổi thọ ước tính(Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
Mực in chuẩn: CT202876	Khoảng 1.200 trang <sup>1 2</sup>	DocuPrint P275 dw
Mực in hiệu suất cao: CT202877	Khoảng 3.000 trang <sup>1 2</sup>	DocuPrint P275 dw/ DocuPrint P285 dw
Mực in hiệu suất đặc biệt cao: CT202878	Khoảng 4.500 trang <sup>1 2</sup>	DocuPrint P285 dw

<sup>1</sup> Hiệu suất hộp mực ước chừng được tuyên bố theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752.

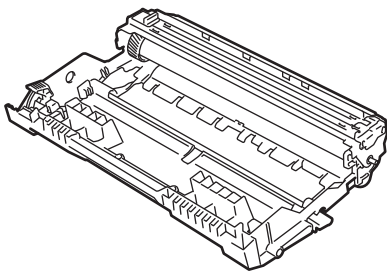
<sup>2</sup> Trang đơn A4/Letter

Tuổi thọ mực inbox trung bình được ước tính ở Khoảng 1.200 trang <sup>1</sup> Hoặc Khoảng 3.000 trang <sup>2</sup> dựa trên 1 trang mỗi tác vụ [trang một mặt khổ A4 hoặc Letter].

<sup>1</sup> DocuPrint P275 dw

<sup>2</sup> DocuPrint P285 dw

### Bộ trống mực



Tên model vật tư	Tuổi thọ ước tính(Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
CT351134	Khoảng 12.000 trang <sup>1</sup>	DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw

<sup>1</sup> Khoảng 12.000 trang dựa trên 1 trang mỗi công việc [trang đơn A4/Letter].Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại giấy và kích thước giấy.



### Thông tin liên quan

- Phụ lục
- Thay thế vật tư.

## Liên hệ Fuji Xerox

### QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải gọi đến dịch vụ khách hàng Fuji Xerox hoặc đại lý bán hàng Fuji Xerox tại địa phương.

### Bộ phận Hỗ trợ Kỹ thuật

Fuji Xerox khuyến cáo khách hàng sử dụng các tài liệu hỗ trợ giao kèm theo sản phẩm, các chẩn đoán sản phẩm, thông tin trên Web và hỗ trợ qua email. Nếu không thành công, để có được dịch vụ theo bảo hành sản phẩm, Khách hàng phải thông báo cho bộ phận Hỗ trợ qua Điện thoại của Fuji Xerox hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của hãng về thiếu sót trước khi hết thời hạn bảo hành. Khách hàng sẽ hỗ trợ phù hợp cho nhân viên hỗ trợ qua điện thoại để giải quyết các vấn đề, chẳng hạn như khôi phục hệ điều hành, chương trình phần mềm và trình điều khiển cho cấu hình và cài đặt mặc định của họ, xác minh chức năng của sản phẩm được cung cấp bởi Fuji Xerox, thay thế các thiết bị có thể thay thế của khách hàng, và loại bỏ lỗi nạp giấy và làm sạch thiết bị và bảo dưỡng thường xuyên và bảo dưỡng phòng ngừa như đã được quy định.

Nếu sản phẩm của Khách hàng có các tính năng cho phép Fuji Xerox hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của hãng chẩn đoán và khắc phục các sự cố sản phẩm từ xa, Fuji Xerox có thể yêu cầu Khách hàng cho phép truy cập từ xa tới sản phẩm.

### Các dịch vụ trực tuyến

Bạn có thể tìm thông tin chi tiết về Sản phẩm và bảo hành tiêu hao trên trang web của chúng tôi tại

<http://www.fujixeroxprinters.com/>

Trợ lý Hỗ trợ Trực tuyến của Fuji Xerox sẽ cung cấp hướng dẫn và hướng dẫn khắc phục sự cố để giải quyết các vấn đề về máy in của bạn. Đó là một trợ giúp trực tuyến để tìm kiếm, dễ sử dụng. Để tìm hiểu thêm chi tiết, vui lòng truy cập vào dịch vụ hỗ trợ trực tuyến của chúng tôi tại

<http://www.fujixeroxprinters.com/>



### Thông tin liên quan

- [Phục lục](#)



DocuPrint P275 dw/DocuPrint P285 dw  
Hướng dẫn sử dụng trực tuyến

ME8155VI0-2 (Phiên bản 1)  
Tháng 3 năm 2018